



## **Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam** **Báo cáo kỹ thuật**

**Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và  
khả năng (VCA), xã Hải Đông, huyện Hải  
Hậu, tỉnh Nam Định**

***Tổ chức nộp***

**Chữ Thập Đỏ**

**Tháng 7/2014**



**American  
Red Cross**



*Ấn phẩm này được soạn thảo cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ thông qua Hiệp định hợp tác số AID-486-A-12-00009.*

*Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam là một dự án nhằm giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Dự án sẽ đưa vào thực hiện các chính sách và chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển phát thải thấp, tập trung vào giảm lượng khí thải từ ngành lâm nghiệp và nông nghiệp, tăng cường sinh kế và định cư thích hợp với biến đổi khí hậu, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Giải quyết các rủi ro biến đổi khí hậu dài hạn và các lỗ hổng về giới trong cảnh quan rừng và đồng bằng là những mục tiêu chính của dự án.*

*Ấn phẩm này được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.*

## MỤC LỤC

<b>1. Các thông tin cơ bản về xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.</b>	<b>10</b>
<b>1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu</b> .....	<b>10</b>
1.1.1. Tỉnh Nam Định.....	10
1.1.2. Xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định .....	11
<b>1.2. Tài nguyên thiên nhiên</b> .....	<b>12</b>
<b>1.3. Lịch sử hình thành và phát triển</b> .....	<b>12</b>
<b>1.4. Cơ sở hạ tầng</b> .....	<b>13</b>
<b>1.5. Dân cư</b> .....	<b>14</b>
<b>1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội</b> .....	<b>15</b>
<b>1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội</b> .....	<b>16</b>
1.7.1. Kinh tế.....	16
1.7.2. Xã hội.....	17
<b>2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) theo 5 hợp phần</b> .....	<b>18</b>
<b>2.1. Sinh kế</b> .....	<b>18</b>
<b>2.2. Điều kiện sống cơ bản</b> .....	<b>18</b>
<b>2.3. Sự tự bảo vệ của hộ dân</b> .....	<b>19</b>
<b>2.4. Sự bảo vệ xã hội</b> .....	<b>20</b>
<b>2.5. Tổ chức xã hội/ chính quyền</b> .....	<b>20</b>
<b>3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương</b> .....	<b>21</b>
<b>3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội</b> .....	<b>21</b>
3.1.1. Các loại hiểm họa, thiệt hại, xu hướng biến động .....	21
<b>3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần</b> ...	<b>27</b>
<b>4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro</b> .....	<b>33</b>
<b>4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng</b> .....	<b>33</b>
<b>4.2. Xếp hạng ưu tiên các vấn đề tại địa phương</b> .....	<b>33</b>

<b>4.3. Nguyên nhân</b> .....	34
4.3.1. Vấn đề 1.....	34
4.3.2. Vấn đề 2.....	35
4.3.3. Vấn đề 3.....	35
4.3.4. Vấn đề 4.....	35
<b>4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro</b> .....	36
<b>5. Kết luận và khuyến nghị</b> .....	36
<b>5.1. Kết luận 1</b> .....	36
<b>5.2. Kết luận 2</b> .....	37
<b>5.3. Kết luận 3</b> .....	38
<b>5.4. Kết luận 4</b> .....	39
<b>Tài liệu tham khảo</b> .....	41
<b>Phụ lục</b> .....	42

## LỜI GIỚI THIỆU

Dự án “Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu ở rừng và đồng bằng Việt Nam” (viết tắt là dự án “Rừng và đồng bằng Việt Nam” hay VFD) do Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, được triển khai tại 4 tỉnh: Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An trong thời gian 5 năm, từ 2013 - 2017. Mục tiêu chung của dự án là thúc đẩy sự chuyển đổi của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) để phát triển bền vững và hạn chế phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện Kế hoạch Quốc gia về BĐKH và Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh. Dự án VFD do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan chủ quản với sự tham gia chỉ đạo thực hiện của Ủy ban nhân dân 4 tỉnh Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An; các đối tác hỗ trợ kỹ thuật gồm có: Tổ chức Winrock International, Tổ chức Phát triển Hà Lan, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững. Dự án có 3 hợp phần: “Cảnh quan bền vững”, “Thích ứng BĐKH”, “Điều phối và chính sách”. Trong đó, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững, Tổ chức Phát triển Hà Lan cùng với 2 tỉnh đồng bằng là Nam Định và Long An phối hợp thực hiện chủ yếu hợp phần “Thích ứng BĐKH” nhằm nâng cao nhận thức về BĐKH của người dân và Chính quyền địa phương; trang bị công cụ và khả năng tiếp cận của người dân với cách thức chuyển đổi sinh kế ở vùng đồng bằng để tăng cường khả năng chống chịu với các rủi ro trước mắt và lâu dài của BĐKH. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (tên viết tắt tiếng Anh là VCA) do các cấp Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện từ năm 2010 đến nay là hoạt động cơ bản và cần thiết trước khi có những hành động can thiệp tiếp theo nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại cộng đồng. Thông qua hoạt động này, Chính quyền cùng với người dân sẽ xác định được tình trạng dễ bị tổn thương cũng như năng lực ứng phó của họ khi phải đối mặt với những rủi ro tự nhiên và xã hội cũng như những thách thức của BĐKH. Xã Hải Đông, huyện Hải Hậu được chọn là 1 trong 30 xã thuộc địa bàn dự án của tỉnh Nam Định. Đây là xã đồng bằng ven biển, có mức sống khá (thu nhập bình quân 24,3 triệu đồng/đầu người/năm) so với các xã khác của huyện Hải Hậu. sinh kế chính của người dân là trồng lúa, trồng màu, trồng cây cảnh, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản; sản xuất muối, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại nên phải chịu rủi ro thiên tai và những tác động của BĐKH.

Báo cáo kết quả đánh giá VCA được trình bày sau đây là tài liệu giúp Chính quyền, các ngành liên quan và các tổ chức, cá nhân có cái nhìn cụ thể về điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu ưu tiên cần giải quyết và đề xuất giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong bối cảnh BĐKH tại xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Những thông tin thu được trong báo cáo là cơ sở góp phần giúp Chính quyền xã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH một cách chủ động và hiệu quả. Báo cáo cũng có thể sử dụng như 1 công cụ để Chính quyền xã kêu gọi đầu tư, tài trợ vốn nhằm hỗ trợ xây dựng một cộng đồng an toàn và bền vững hơn trong tương lai.

**HỘI CHỮ THẬP ĐỎ VIỆT NAM**

## **GHI NHỚ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Hoạt động Đánh giá VCA tại xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định diễn ra từ ngày 21 đến ngày 25 tháng 7 năm 2014 được thực hiện bởi Nhóm đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tập huấn viên cấp Quốc gia Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các Cán bộ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam”.

Kết thúc 5 ngày đánh giá với sự tham gia tích cực của hơn 435 người dân và lãnh đạo Chính quyền xã Hải Đông, Nhóm đánh giá đã phác thảo báo cáo VCA. Qua thời gian làm việc của Chính quyền xã và Nhóm đánh giá đã chỉnh sửa và thông qua Báo cáo chính thức đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA).

Các bên liên quan thừa nhận bản Báo cáo VCA này là 1 tài liệu quan trọng để làm căn cứ cho các hoạt động tiếp theo của dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” cũng như các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính quyền xã Hải Đông trong thời gian tới.

**UBND xã Hải Đông**

**Nhóm đánh giá VCA**  
**Trưởng nhóm**

**Hoàng Thị Huyền**

**UBND huyện Hải Hậu**

**Hội Chữ thập đỏ Nam Định**  
**Phó Chủ tịch**

**Phạm Minh Phương**

## TÓM LƯỢC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA BÁO CÁO

Trong khuôn khổ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” do USAID tài trợ, xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là 1 xã thuộc địa bàn dự án được triển khai tại tỉnh Nam Định. Để đảm bảo các hoạt động tiến hành tại xã phù hợp với tình hình thực tế, khả năng, nguồn lực cũng như hạn chế những điểm yếu đang tồn tại ở địa phương, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động dự án, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng tại xã làm tiền đề cho các hoạt động khác diễn ra nối tiếp đạt được kết quả cao hơn.

Đợt đánh giá VCA tiến hành từ ngày 21 đến ngày 25 tháng 7 năm 2014 được thực hiện bởi Nhóm đánh giá gồm 6 người là Hướng dẫn viên VCA của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Nam Định cùng với sự giúp đỡ của nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Trong thời gian 5 ngày đoàn đánh giá đã tiến hành 14 cuộc họp với Chính quyền địa phương và người dân tại các xóm, tổng số người tham gia là 435 người (trong đó có 225 nữ, chiếm 53,75%). Trong 435 người: dự họp 400 người, phỏng vấn cấu trúc (bộ câu hỏi) 20 người và phỏng vấn bán cấu trúc 15 người.

Bằng cách sử dụng các công cụ đánh giá đã được chuẩn hóa trong đánh giá VCA như: SWOT, Lịch mùa vụ, Phân tích sinh kế, Bản đồ rủi ro hiểm họa, Hồ sơ lịch sử, Sơ đồ Venn... thông qua các cuộc họp lấy ý kiến của người dân và Chính quyền địa phương, Nhóm đánh giá đã phát hiện ra những điểm mạnh, điểm yếu, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng cũng như rủi ro mà người dân đang sinh sống tại địa phương phải đối mặt.

Qua quá trình thu thập và phân tích thông tin, Nhóm đánh giá đã phát hiện ra các vấn đề chính tại địa phương, người dân xã Hải Đông sinh sống với nhiều ngành nghề: sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp, chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy hải sản, đánh bắt hải sản, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại. Đa số các ngành nghề đều bị ảnh hưởng tác động bởi thời tiết, khí hậu, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Đặc biệt là vấn đề an toàn cộng đồng cần được quan tâm.

**Vấn đề 1.** Người dân lo lắng về an toàn tính mạng và tài sản trong mùa mưa bão, nhất là bão lớn (siêu bão) bởi: xã có vị trí hai mặt phía đông và phía nam giáp biển đối mặt trực diện với gió bão, nước biển dâng; hệ thống tuyến đê biển dài 5,2/5,244 km, mái và mặt đê đã được bê tông cứng hóa nhưng cao trình đê thấp so với mực nước biển dâng, mặt đê bị lún nứt, thiếu mỏ kè đê, đê không có khả năng chống chịu bão gió trên cấp 9, cấp 10 và dễ bị vỡ đê; bên cạnh đó còn 240 m đê đất chưa kiên cố; nhà ở của dân hầu hết là bán kiên cố và xuống cấp nhiều, đặc biệt có hơn 80% nhà ở của hộ dân gần đê biển xuống cấp không an toàn; rừng ngập mặn và rừng phòng hộ bị phá hủy; thông tin cảnh báo sớm, kiến thức, kinh nghiệm về phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với cán bộ, người dân còn hạn chế.

**Vấn đề 2:** Làm muối là nghề truyền thống của xã được duy trì, bước đầu sản xuất muối sạch, nâng cao chất lượng muối, nhưng chịu nhiều tác động thời tiết khắc nghiệt, nắng mưa thất thường, giá muối thấp, thu nhập đời sống thiếu ổn định, khiến người làm muối muốn bỏ nghề.

**Vấn đề 3:** Chăn nuôi gia súc, gia cầm ngày càng đa dạng vật nuôi, xu hướng phát triển chăn nuôi gia trại, trang trại ngày càng nhiều nhưng đối mặt với dịch bệnh, giá cả bấp bênh, ảnh hưởng thu nhập, người chăn nuôi chưa có lãi nhiều và chịu rủi ro chết vật nuôi, thua lỗ.

**Vấn đề 4:** Nuôi trồng thủy hải sản ao đầm nước lợ, nước ngọt, nuôi tôm công nghiệp của 200 hộ, tạo việc làm từ 500 đến 700 lao động với mức thu nhập cao, nhưng đối mặt với rủi ro do bão, lụt, ô nhiễm môi trường, chết tôm, cá, ảnh hưởng thu nhập, mất vốn.

**Vấn đề 5:** Khai thác đánh bắt hải sản gần bờ, nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt, thiên tai gió bão ảnh hưởng đánh bắt, thu nhập có xu hướng giảm dần, một bộ phận người dân không yên tâm duy trì đánh bắt hải sản.

**Vấn đề 6:** Tình trạng ô nhiễm môi trường, nước dùng cho ăn uống và sinh hoạt bằng giếng khoan không đảm bảo chất lượng như trước (nước có cặn, màu vàng) nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe, bệnh tật xảy ra đối với người dân.

Dựa vào ý kiến người dân, trong báo cáo này Nhóm đánh giá đề xuất các giải pháp để Chính quyền địa phương và người dân tại xã cùng xem xét giải quyết những khó khăn, thách thức mà địa phương đang phải đối mặt. Để giải quyết được các nhóm vấn đề này cần có sự đồng thuận, sự phối hợp hành động thiết thực, đồng bộ của Chính quyền địa phương cũng như người dân và sự hỗ trợ từ cấp trên, từ các chương trình dự án.

Báo cáo VCA đã được thông qua tại cuộc họp các ban, ngành xã Hải Đông ngày 25 tháng 7 năm 2014 và được Chính quyền xã thống nhất với những kết luận mà Nhóm đánh giá đã đưa ra sau thời gian làm việc tại địa phương.



# GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ, VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

## 1. Khái niệm đánh giá VCA

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó (tên tiếng Anh Vulnerability and Capacity Assessment, viết tắt là VCA) gồm 1 quá trình thu thập và phân tích thông tin về các hiểm họa mà người dân ở địa phương phải đối mặt, mức độ khác nhau của tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với các hiểm họa xảy ra đơn lẻ hoặc đồng thời, và khả năng phục hồi sau đó.

Mục đích chính của VCA là cho phép cộng đồng xác định và hiểu rõ tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó của họ và các hiểm họa mà họ phải đối mặt. Việc này giúp xác định các ưu tiên ở địa phương để giảm tình trạng dễ bị tổn thương quanh họ và phát triển năng lực của cộng đồng.

## 2. Các thuật ngữ sử dụng trong VCA

**Tình trạng dễ bị tổn thương** (viết tắt là *TTDBTT*): Là phạm vi một cá nhân, cộng đồng, cơ cấu, hoạt động dịch vụ hoặc một vùng địa lý dễ bị thiệt hại hoặc gián đoạn do tác động của một hiểm họa cụ thể. Đơn giản hơn đó là những đặc điểm yếu, thiếu, kém, không an toàn sẽ làm tăng mức độ thiệt hại của cá nhân, cộng đồng khi xảy ra hiểm họa.

**Khả năng** (viết tắt là *KN*): Là các nguồn lực và kỹ năng mà người dân sở hữu, có thể phát triển, huy động hoặc tiếp cận nhằm cho phép họ ứng phó, chống chịu với những hiểm họa có thể xảy ra. Khả năng có thể là tài sản vật chất, là các kỹ năng của cá nhân, cộng đồng hoặc các hệ thống phúc lợi quốc gia.

**Hiểm họa** (viết tắt là *HH*): Là hiện tượng tự nhiên hoặc do con người có thể gây thiệt hại về vật chất, mất mát về kinh tế, hoặc đe dọa cuộc sống và chất lượng cuộc sống của con người nếu nó xảy ra.

**Rủi ro** (viết tắt là *RR*): Là những mất mát tiềm ẩn về tính mạng, tình trạng sức khỏe, sinh kế, tài sản và dịch vụ mà có thể xảy ra đối với một cộng đồng hoặc xã hội trong một khoảng thời gian xác định trong tương lai.

**Thảm họa**: Là một sự gián đoạn nghiêm trọng sự vận hành chức năng của một xã hội, gây ra mất mát lớn về người, vật chất và môi trường, vượt quá khả năng chống chịu bằng nội lực của cộng đồng bị tác động.

**SWOT**: Là từ viết tắt tiếng Anh xuất phát từ 4 chữ (strengths, weaknesses, opportunities, threats), có nghĩa là (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức). Đây là phương pháp phân tích một vấn đề dựa trên 4 khía cạnh nhằm tìm ra những điểm mạnh cũng như điểm yếu hiện tại và trong tương lai mà cộng đồng có thể sử dụng để đối mặt với vấn đề đó.

**Biến đổi khí hậu** (viết tắt là *BĐKH*): Là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định từ tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm. Sự biến đổi có thể là thay đổi thời tiết bình quân hay thay đổi sự phân bố các sự kiện thời tiết quanh một mức trung bình. Sự biến đổi khí hậu có thể giới hạn trong một vùng nhất định hay có thể xuất hiện trên toàn địa cầu.

### **3. Quy trình thực hiện VCA**

Hoạt động đánh giá VCA được thực hiện bởi Nhóm đánh giá VCA của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong 5 ngày. Nhóm đánh giá VCA bao gồm 6 hướng dẫn viên được đào tạo, các cán bộ hỗ trợ kỹ thuật và cán bộ hỗ trợ hậu cần. Năm bước tiến hành VCA gồm có:

- Bước 1: Chuẩn bị và lập kế hoạch đánh giá VCA
- Bước 2: Thu thập thông tin bằng cách sử dụng các công cụ trong VCA
- Bước 3: Phân tích và kiểm chứng các thông tin thu được từ cộng đồng
- Bước 4: Lập kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro
- Bước 5: Báo cáo và giám sát hỗ trợ việc thực hiện

### **4. Kết quả mong đợi của đánh giá VCA**

Huy động sự tham gia của lãnh đạo Chính quyền xã, người dân tại các xóm 435 người. Thông qua các cuộc họp phỏng vấn, làm việc nhóm để nâng cao năng lực của cộng đồng dân cư.

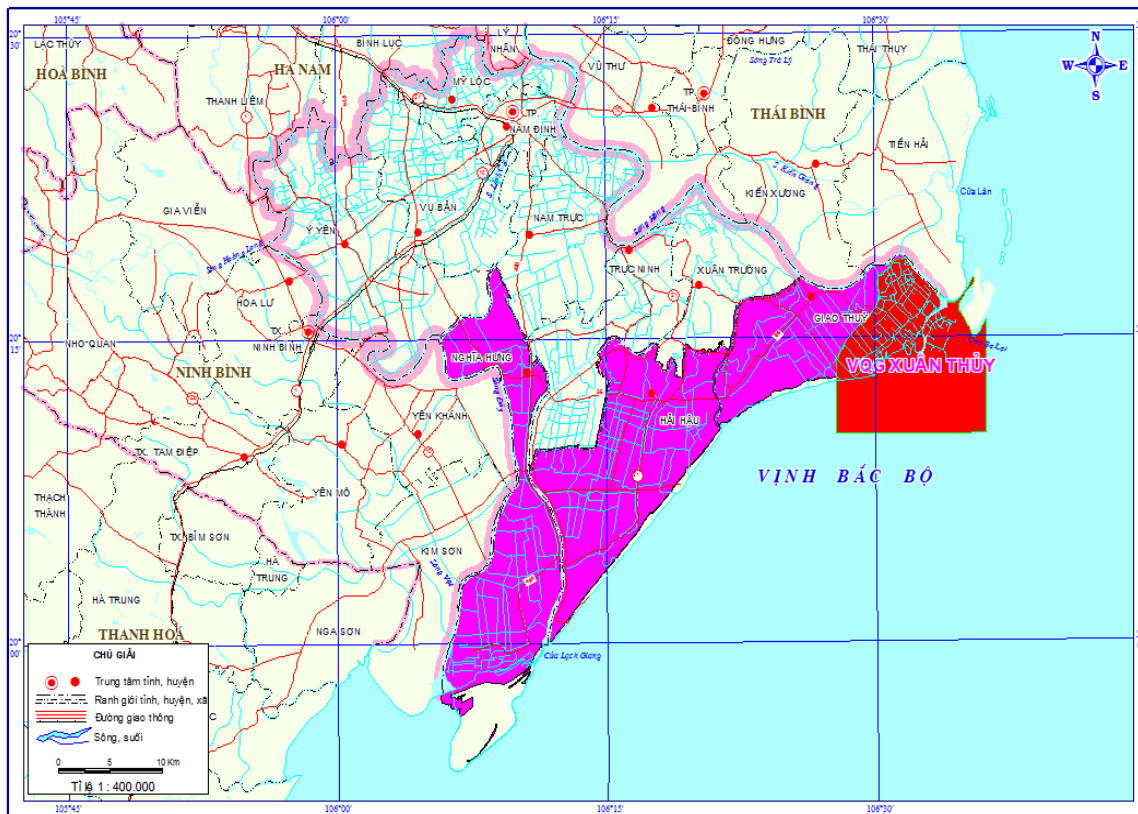
Kết thúc 5 ngày Nhóm đánh giá VCA đã thu được bản phác thảo kết quả báo cáo VCA.

Cam kết của Chính quyền cấp xã, huyện về việc sử dụng kết quả báo cáo VCA vào các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và phòng chống thiên tai của địa phương.

# 1. Các thông tin cơ bản về xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

## 1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu

### 1.1.1. Tỉnh Nam Định



Bảng 1. Bản đồ tỉnh Nam Định

Nam Định là một tỉnh ven biển phía đông nam đồng bằng châu thổ Sông Hồng, tọa độ địa lý từ 19 độ 55 phút đến 20 độ 16 phút vĩ độ bắc và 106 độ đến 106 độ 33 phút kinh độ đông. Phía đông giáp tỉnh Thái Bình, phía tây giáp tỉnh Ninh Bình, phía nam và đông nam giáp biển Đông, phía bắc giáp tỉnh Hà Nam. Nam Định nằm trong vùng ảnh hưởng của khu vực tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, cách thủ đô Hà Nội 90km, cách cảng Hải Phòng 100km, đó là các trọng điểm kinh tế lớn trong giao lưu, tiêu thụ hàng hóa, trao đổi kỹ thuật, công nghệ, thông tin và kinh nghiệm quản lý kinh doanh.

### Các đặc điểm khí hậu cơ bản

Cũng như các tỉnh trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, Nam Định mang khí hậu chí tuyến gió mùa ẩm, có thời tiết bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) tương đối rõ rệt. Nhiệt độ trung bình trong năm từ 23 - 28°C. Tháng lạnh nhất là các tháng 12 và tháng 1, với nhiệt độ trung bình từ 16 - 17°C. Nóng nhất là tháng 7, nhiệt độ khoảng trên 29°C. Lượng mưa trung bình trong năm từ 1.750 – 1.800 mm, chia làm 2 mùa rõ rệt:

mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa ít mưa từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau. Số giờ nắng trong năm: 1,650 - 1,700 giờ. Độ ẩm trung bình: 80 - 85%. Mặt khác, do nằm trong vùng vịnh Bắc Bộ nên hàng năm Nam Định thường chịu ảnh hưởng của bão hoặc áp thấp nhiệt đới, bình quân từ 4 - 6 cơn/năm. Thủy triều tại vùng biển Nam Định thuộc loại nhật triều, biên độ triều trung bình từ 1,6 - 1,7 m; lớn nhất là 3,31 m và nhỏ nhất là 0,11 m.

### 1.1.2. Xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

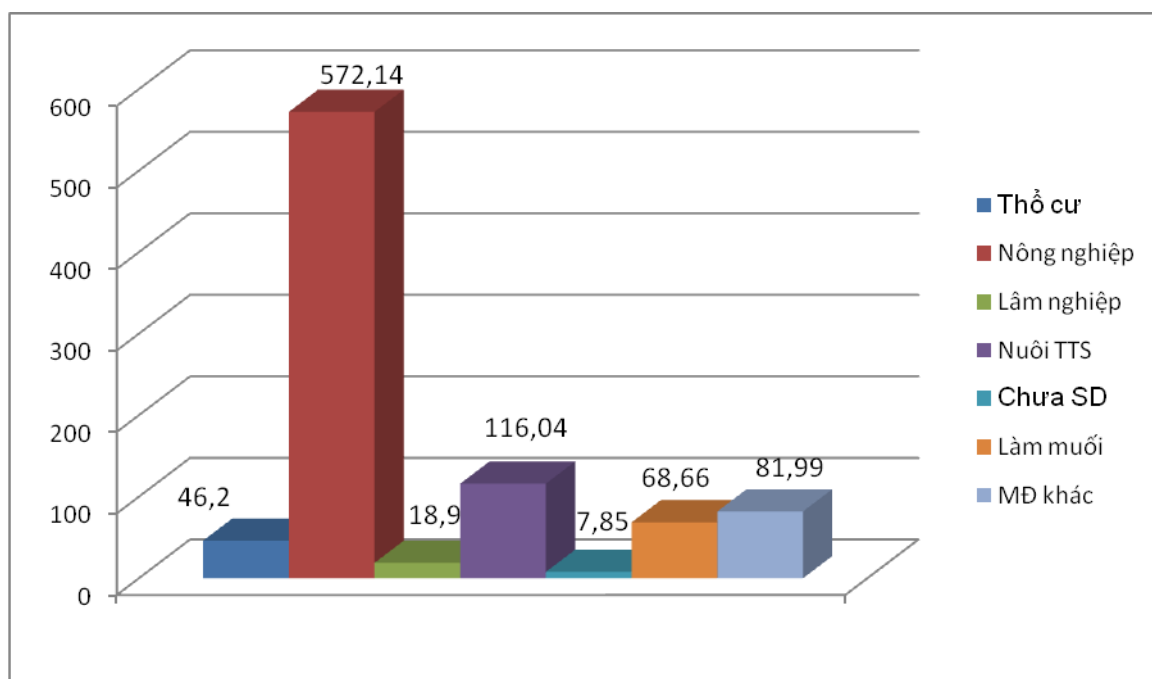


Bảng 2. Bản đồ hiểm họa xã Hải Đông  
(Bản đồ hành chính bị mờ nên không đưa vào báo cáo)

Hải Đông là xã ven biển nằm ở phía Đông Nam của huyện Hải Hậu, cách trung tâm huyện 10 km. Phía Bắc giáp xã Hải Quang, Hải Lộ phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp xã Hải Tây, phía Nam giáp biển và xã Hải Lý. Xã Hải Đông có những đặc điểm thời tiết khí hậu tương đồng so với thời tiết chung của tỉnh Nam Định.

**1.2. Tài nguyên thiên nhiên:** Tổng diện tích đất tự nhiên của xã 911,41 ha, trong đó: đất thổ cư 46,24 ha; đất nông nghiệp (bao gồm đất trồng lúa, ao hồ, sông, công trình thủy lợi, giao thông nội đồng... phục vụ sản xuất nông nghiệp): 572,14 ha; đất

lâm nghiệp 18,49 ha; đất nuôi trồng thủy sản 116,04 ha, đất làm muối 68,66 ha; đất chưa sử dụng: 7,85 ha; đất dùng mục đích khác 81,99 ha.



Bảng 3. Biểu đồ diện tích sử dụng đất, đơn vị tính ha

Về nguồn nước sử dụng của người dân trong xã là nước giếng khoan, có 2.144/2.660 hộ có giếng khoan, chiếm 80,06%; 516/2.660 hộ không có giếng khoan, sử dụng chung với các hộ khác, chiếm tỷ lệ 19,94%.

### 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển

Xã Hải Đông trước năm 1951 được thành lập từ xã Xuân Hà thuộc Tổng Tâm Khai, xã Doanh Châu và một phần xã Liên Phúc thuộc Tổng Quế Hải. Từ năm 1951-1955 nhập vào xã Xuân Phương (là xã Hải Đông, Hải Tây hiện nay), từ năm 1956 tới nay là xã Hải Đông, thuộc huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Xã có 9 xóm: Hợp Thành, Xuân Hà, Nam Giang, Trần Phú, Đông Châu, Trung Đồng, Nam Châu, Tây Cát, Hải Điền. Xã có 3 hợp tác xã nông nghiệp: HTX Đông Tiến, gồm xóm Tây Cát, Hải Điền, Nam Châu, Trung Đồng, Đông Châu, Trần Phú và một phần xóm Nam Giang; Hợp tác xã Thống Nhất, gồm xóm Xuân Hà, một phần xóm Nam Giang; HTX Đông Hải, gồm xóm Hợp Thành và 1 phần xóm Nam Giang.

**1.4. Xã Hải Đông được thực hiện chương trình nông thôn mới từ cuối năm 2011 nên có thêm cơ hội tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống dân sinh:**

Về giao thông có 3,5 km đường tỉnh lộ 488c và 0,5 km đường huyện lộ đi qua và đường trục xã có 6,07 km được rải nhựa đá. Đường liên xóm có 10,21 km và 16,8 km đường xóm đều được bê tông hóa. Việc triển khai thực hiện chương trình

xây dựng nông thôn mới được nhân dân trong xã đồng tình ủng hộ, tích cực đóng góp công sức để thực hiện 19/19 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đến cuối năm 2013 đã nâng cấp 37,72 km đường bê tông gồm 26,37 km đường dân sinh và 11,35 km đường phục vụ sản xuất, trị giá 11,28 tỷ, trong đó nhân dân đóng góp 6,18 tỷ, chiếm 54,7% kinh phí đầu tư; xây dựng cầu Hải Điền qua sông dài 60 m thông thương xã Hải Đông và xã Hải Quang, giá trị 1,2 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 1 tỷ đồng, chiếm 83,3% kinh phí đầu tư; nhân dân đóng góp 80 triệu, chiếm 100% kinh phí để làm 11 cầu qua đường giao thông trục xóm.

Thủy lợi của xã là nơi cuối nguồn nước tưới và đầu hệ thống tiêu thoát nước. Trên địa bàn xã có 5,34 km mương cấp 1; 13,18 km mương cấp 2 và 59,48 km hệ thống mương cấp 3; có 5 cửa cống tiêu ra biển, trong đó có 2 cửa cống vừa tưới vừa tiêu để phục vụ nước làm muối và nuôi trồng thủy hải sản. Riêng hệ thống kênh mương cấp 3 do các HTX quản lý, đã huy động nhân dân đóng góp tiền bạc, công sức không nhỏ để đào đắp xây dựng kênh mương phục vụ sản xuất. Nhân dân HTX Đông Tiến đóng góp 1,719 tỷ đồng để đào đắp 94 tuyến kênh mương thủy lợi dài 34 km, xây dựng một cống đầu mối để tiêu nước, lắp đặt 522 cống bi và các chi phí khác để hoàn thiện kênh mương cấp 3 phục vụ tưới và tiêu cho trồng lúa, cây màu chủ động và hiệu quả hơn so với trước, khắc phục tốt hơn cho nước tưới vụ chiêm và giảm ngập úng vụ mùa. Nhân dân HTX Thống Nhất đóng góp giá trị 168,7 triệu nâng cấp 6 tuyến kênh mương nội đồng dài 2 km, và lắp đặt cống bi phục vụ dẫn nước vào ra cho làm muối và nuôi trồng thủy hải sản xóm Xuân Hà và 1 phần xóm Nam Giang. Nhân dân HTX Đông Hải đóng góp giá trị 224 triệu đồng đào đắp 1 tuyến kênh mương dài 9 km và lắp đặt cống bi để phục vụ làm muối và nuôi trồng thủy hải sản xóm Hợp Thành.

Hệ thống điện lưới xã khép kín địa bàn khu dân cư, 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia từ năm 1989 đến nay. Năm 2013 điện lưới xã đã được lắp đặt thêm 2 trạm biến áp, nâng từ 4 lên 6 trạm cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Tuy vậy, xóm Hải Điền có địa bàn xa nên tình trạng điện yếu, sụt áp vẫn thường xảy ra, chưa đủ điện để thắp sáng và sản xuất.

Trạm y tế xã được xây dựng từ năm 1990, nhà mái bằng, hiện tại phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đang bị xuống cấp cần được xây dựng mới.

Cơ sở trường học Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở cơ bản được xây dựng nhà tầng. Trường Mầm non có 3 khu vực gồm Xuân Hà, Tây Cát và khu 22 tháng 12; trường Tiểu học có hai khu A và khu B. Riêng khu A có 4 phòng học cấp 4 do xây dựng lâu năm đã xuống cấp nghiêm trọng; trường Trung học cơ sở có 3 nhà cao tầng. Trong đó có 2 nhà cao tầng gồm 6 phòng học xây dựng từ năm 1997, riêng

nhà cao tầng 12 phòng học xây dựng từ năm 1970 đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng, nguy cơ không an toàn cho dạy và học.

Hải Đông có 1 chợ Xuân Hà (còn gọi là chợ Bẹ) được xây dựng cơ bản từ cuối năm 1990, thuận lợi cho buôn bán phục vụ đời sống dân sinh trong xã.

Trụ sở xã Hải Đông được xây dựng kiên cố, cao tầng từ năm 2007 nằm trên trục đường liên xã trung tâm, đáp ứng nhu cầu làm việc và thuận lợi cho Công dân. Đến nay 9/9 xóm đều được xây dựng nhà văn hóa từ nguồn kinh phí chủ yếu của nhân dân đóng góp, giá trị mỗi nhà từ 150 đến 270 triệu, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, nhưng không thể kết hợp làm điểm sơ tán dân do cao trình thấp; về diện tích khuôn viên nhà văn hóa chưa đủ tiêu chuẩn theo qui định tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Trên địa bàn xã còn có 12 cơ sở thờ tự tôn giáo, gồm 3 nhà xứ, 7 nhà thờ họ lẻ và 2 đền thờ Đức Thánh Trần và Thành Hoàng làng đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân. Nhưng một số cơ sở thờ tự cao trình xây dựng thấp không thể làm nơi tránh trú cho người dân khi có thiên tai xảy ra.

### **1.5. Dân cư**

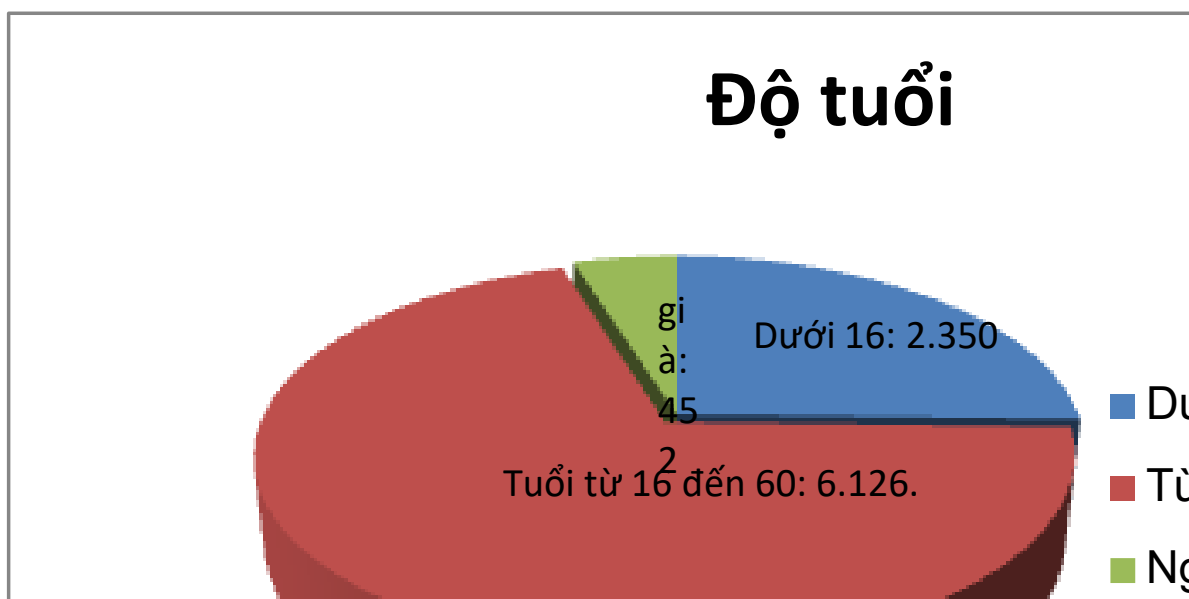
- Dân cư xã Hải Đông được phân bố 9 xóm, đến ngày 31/12/2013: 2.660 hộ với 8.928 nhân khẩu.

- Cơ cấu độ tuổi: trẻ em dưới 16 tuổi: 2.350 (nam:1.245, chiếm 53%; nữ 1.105, chiếm 47%); từ 16 tuổi đến dưới 60: 6.126 (nam chiếm 52%); người già: 452 (80 tuổi trở lên có 73); người khuyết tật: 113.

- Tỷ lệ hộ nghèo: 5,61% (130 hộ, 390 khẩu); Tỷ lệ hộ cận nghèo: 6,17% (143 hộ, 506 khẩu);

- Dân tộc: chủ yếu dân tộc Kinh, chiếm 99,9%.

- Tôn giáo: có 6.254 người theo đạo Thiên Chúa giáo chiếm 70%; 356 người theo Phật giáo chiếm 3,98%.



Bảng 4. Biểu đồ độ tuổi lao động

Với tỷ lệ nam nữ nêu trên cho thấy có sự chênh lệch về giới trong xã. Nếu không có giải pháp tích cực trong công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch, gắn với nâng cao nhận thức về bình đẳng giới thì trong tương lai sẽ còn có sự chênh lệch về nam nhiều hơn nữ ở tỷ lệ cao.

Với tỷ lệ người dân theo các tôn giáo chiếm tỷ lệ cao nên trong việc thực hiện chính sách xã hội, chính sách đại đoàn kết dân tộc càng cần gắn với việc thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Nhà nước, tạo cơ hội cho việc thực hiện đoàn kết Lương - Giáo, đảm bảo tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng, bình đẳng các nghĩa vụ và lợi ích cộng đồng đối với người có đạo và người không có đạo trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng, huy động nguồn lực xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai, giảm thiểu rủi ro thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Với tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật nêu trên là đối tượng dễ bị tổn thương cần được quan tâm của gia đình và cộng đồng trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch giảm thiểu rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng cần có sự tham gia và có biện pháp chăm sóc, bảo vệ, giúp đỡ đi lại, sơ tán trong phòng ngừa ứng phó thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu, thiết thực giảm thiểu nguy cơ rủi ro đối với họ.

### 1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội

Xã Hải Đông có tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể - Tổ chức xã hội từ xã đến 9 xóm hoạt động hiệu quả. Xã có 22 chức danh định biên chuyên trách. Về trình độ cán bộ có 1 thạc sĩ, 4 đại học, 17 trung cấp. Cán bộ ngoài định biên từ xã đến các xóm có 55. Ban Chấp hành Đảng bộ xã có 17 và 228 đảng viên. Lãnh đạo UBND xã gồm có 1 Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và các cán bộ công chức định biên theo các lĩnh



vực chuyên môn. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội CTĐ, Hội người cao tuổi, Hội khuyến học... tập hợp và động viên đoàn viên, hội viên và nhân dân đoàn kết thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh. Các tổ chức đoàn thể đều có Cán bộ lãnh đạo tham gia làm thành viên Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão của xã, góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, chủ động thực hiện các giải pháp giảm nhẹ rủi ro, xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai.

Hội CTĐ xã thành lập tháng 12 năm 1987, được củng cố kiện toàn, đến nay có 15 người tham gia Ban Chấp hành, có 405 hội viên, 17 tình nguyện viên và 24 thanh niên xung kích Chữ thập đỏ. Hội Chữ thập đỏ xã tích cực làm nòng cốt trong các hoạt động nhân đạo từ thiện góp phần giải quyết an sinh xã hội, tích cực các hoạt động phòng ngừa ứng phó thiên tai, hiến máu nhân đạo. Từ năm 1987 đến nay thông qua Hội Chữ thập đỏ, xã đã tiếp nhận các nguồn tài trợ giá trị 2 tỷ đồng giúp hộ nghèo sửa chữa 153 nhà ở, khoan 49 giếng nước, giúp 10 hộ về sinh kế, trồng 4,2 ha rừng ngập mặn. Tuy nhiên cũng còn nhiều khó khăn về tổ chức, nhân sự, về hoạt động, phong trào nhân đạo - từ thiện, nhất là về năng lực, điều kiện phương tiện cho cán bộ, tình nguyện viên Chữ thập đỏ hoạt động trong công tác phòng ngừa ứng phó thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu theo chức năng nhiệm vụ trong cộng đồng.

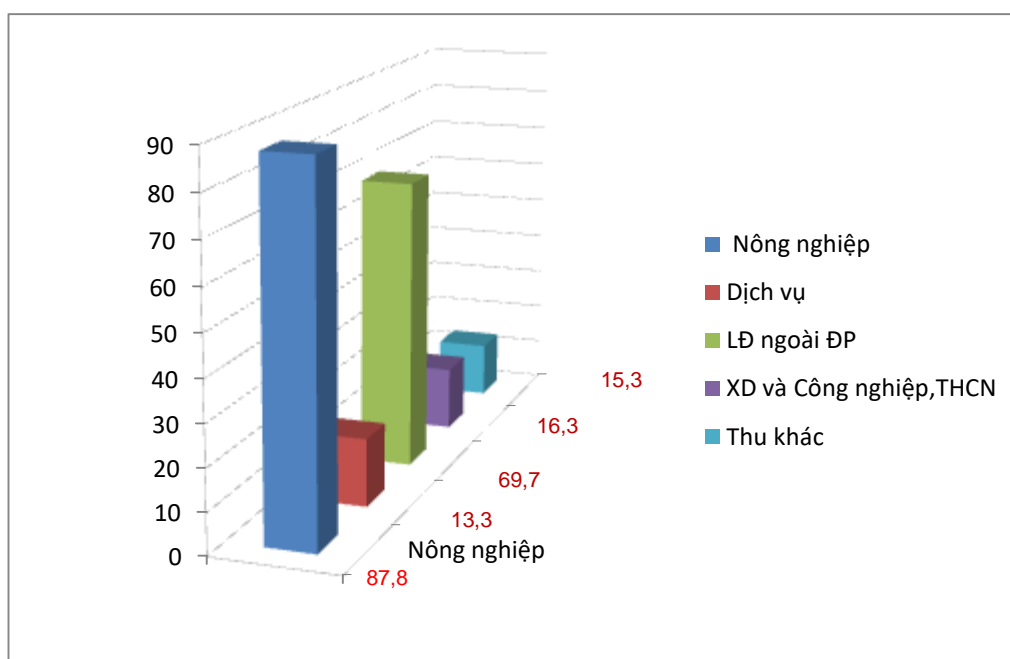
Xã có 2 Tôn giáo chính, cơ sở thờ tự Tôn giáo được xây dựng khang trang, thuận lợi cho việc tự do tín ngưỡng, lễ nghi Tôn giáo, các vị đứng đầu các Tôn giáo như Linh mục xứ đạo, có ảnh hưởng tốt đến người theo đạo thực hiện đoàn kết Lương – Giáo, làm nhiều việc thiện, tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, văn minh, tiến bộ và an toàn hơn, góp phần giảm thiểu rủi ro thiên tai.

## **1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội**

### **1.7.1. Kinh tế**

Cơ cấu kinh tế của xã so 5, 10 năm trước với hiện nay đã chuyển dịch nhiều. Trước đây, sinh kế của người dân trong xã chủ yếu là trồng lúa, làm muối, đánh bắt hải sản và chưa có lao động đi làm ăn xa. Nay cơ cấu sinh kế đa dạng ngành nghề: trồng lúa, trồng màu xen vụ trên đất hai lúa, trồng cây cảnh, làm muối, nuôi trồng thủy hải sản, đánh bắt hải sản, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và có số đông lao động nam đi làm ăn xa. Tổng thu nhập của xã năm 2013 là 218 tỷ. Trong đó sản xuất nông nghiệp đạt 87,8 tỷ bao gồm trồng lúa, làm muối, trồng màu, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, chiếm 40,2%; dịch vụ 16,3 tỷ, chiếm 7,47%, lao động ngoài địa phương 69,7 tỷ, chiếm 31,9%; xây dựng và sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 15,3 tỷ, chiếm 7,01%; các khoản thu

khác 13,3 tỷ, chiếm 6,1%. Đã thay đổi diện mạo Hải Đông từ một xã nghèo lên xã có đời sống vật chất và tinh thần khá so với các xã trong huyện Hải Hậu, có mức bình quân thu nhập đầu người 24,3 triệu/năm. Theo thông tin từ người dân trước kia, khoảng 10 - 15 năm trước, Hải Đông là một xã nghèo. Mặc dù, bà con cần cù chịu khó làm ăn. Tuy nhiên vẫn nghèo và đói khổ. Vì một phần do vị trí địa lí không ủng hộ. Một năm có nhiều trận bão lớn nhỏ đổ bộ vào, gây thiệt hại tài sản và sức người, có những trận bão lớn đã phá vỡ những con đê. Kinh tế của xã cũng thuộc dạng chậm phát triển, ý thức của người dân chưa cao và không nắm bắt được sự đổi thay của thời đại, công nghệ thông tin đã không đến được tới bà con trong xã. Trong 5 năm trở lại đây, tình hình kinh tế của địa phương đã gần như được khôi phục trở lại. Nhiều người đã mạnh dạn đầu tư tiền của, công sức vào việc tìm đất nuôi trồng thủy hải sản, tổ chức gia trại, trang trại chăn nuôi, xây dựng cơ sở sản xuất dịch vụ và mua giống cây cảnh để trồng. Qua bao năm tháng, gặp khó khăn thử thách, nay người dân trong xã có thể tự hào là một xã văn minh và giàu đẹp hơn so với trước.



Bảng 5. Biểu đồ cơ cấu thu nhập sinh kế đơn vị tính tỷ đồng

Như vậy cho thấy thu nhập của xã từ sinh kế đa dạng tại địa phương chiếm 70% và thu nhập từ lao động ngoài địa phương chiếm 30%, góp phần trang trải cuộc sống cho kinh tế gia đình chủ yếu là nam giới. Phụ nữ vừa đóng vai trò tái sản xuất (đảm đang việc nhà) vừa đóng vai trò sản xuất tạo thu nhập tại địa phương và có vai trò tham gia các hoạt động cộng đồng. Do vậy thực hiện các biện pháp an toàn hộ gia

đình, an toàn cộng đồng của xã tỷ lệ nữ đông hơn nam giới, khi có thiên tai, phụ nữ thể hiện vai trò trụ cột gia đình đối mặt nhiều hơn nam giới, nên sẽ có nhiều rủi ro.

Theo đó sự thay đổi về sử dụng đất và phân bổ lại lao động trong xã ở nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau khá lớn so với trước đây:

- Nghề trồng lúa 315,88 ha 2 vụ (vụ mùa và vụ chiêm) có 1.862/2.660 hộ tham gia chiếm 70% số hộ trong xã, trồng lúa đảm bảo an ninh lương thực địa phương và cung cấp một phần lương thực chất lượng cao như Xy 21, Xy 23, Tạp giao, BC 15, TBR 45, Q5, Lương quảng, Bắc thơm số 7, Hương thơm số 1 đối với vụ chiêm xuân; Thiên trường 750, NĐ 5, CLR 02, Khang dân 18, nếp đặc sản.v.v...đối với vụ mùa. Theo báo cáo số 28/BC-UBND ngày 16/12/2013 về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội năm 2013 của UBND xã Hải Đông, tổng sản lượng lương thực đạt 3.790 tấn, năng suất bình quân cả năm đạt 120 tạ/ha. Trong đó vụ chiêm đạt 72 tạ/ha, vụ mùa đạt 48 tạ/ha. Vụ mùa năm 2013 xã chỉ đạo thí điểm cấy lúa trên đất không cày bừa tiết kiệm chi phí công lao động làm đất 252 ha là 1,2 tỷ đồng. Diện tích trồng cây vụ đông dưới chân ruộng 2 lúa ở 56 mẫu và trồng 76 mẫu rau màu trên đất gò màu bằng hình thức như khuyến khích hỗ trợ đối với các diện tích trồng nhiều, trồng vụ đông tập trung theo quy hoạch, xã cấp phát hỗ trợ 320 kg hạt giống rau, đẩy mạnh phong trào trồng rau trên đất gò màu, giá trị thu nhập 72 triệu đồng/ha, tận dụng được lao động nông nhân, nhất là lao động nữ có thêm việc làm, tăng thu nhập. Kinh tế sinh vật cảnh (cây sanh, cây thế) của làng nghề thuộc các xóm Tây Cát, Hải Điền, Nam Châu, Trung Đông và một số ít hộ ở Nam Giang mặc dù khó khăn nhưng vẫn duy trì, thu hoạch đạt 950 triệu đồng/năm. Đẩy mạnh trồng cây dược liệu Đinh lăng từng bước mở rộng và tận dụng diện tích trồng cây dược liệu cho thu nhập khá đạt 25 triệu/sào, tạo việc làm cho lao động ngoài độ tuổi tham gia làm kinh tế gia đình, có cả nam và nữ.

- Làm muối được hỗ trợ dịch vụ của 2 HTX Thống nhất và HTX Đông Hải như thủy lợi, cung cấp vật tư, tiêu thụ sản phẩm, thiết bị hỗ trợ sản xuất muối sạch. Nhân dân tích cực cải tạo đồng rộng, tu sửa ô nê, thống chạt, cải tạo sân phơi... để sản xuất đưa tổng sản lượng muối năm 2013 đạt 3.680 tấn, giá trị 7,5 tỷ đồng, trong đó sản lượng muối sạch đạt 400 tấn. Năm 2013 đã có dự án hỗ trợ đầu tư thiết bị sản xuất muối sạch của HTX Thống Nhất 2 ha, trị giá 140 triệu đồng có 13 hộ tham gia góp phần tăng giá trị làm muối. Mô hình làm muối sạch có hiệu quả, người làm muối mong muốn được hỗ trợ nhân rộng cùng với việc trợ giá và bao tiêu sản phẩm của Nhà nước sẽ tạo nghề làm muối ổn định phát triển bền vững.

- Chăn nuôi được tích cực tiêm phòng chống dịch. Đến nay tổng đàn gia súc gia cầm của xã có 97.494 (trong đó đàn gia súc 2.483 con, đàn gia cầm 95.000), vật nuôi chủ yếu là trâu, bò, dê, lợn, gà, vịt. Chăn nuôi phổ biến là chăn nuôi hộ gia đình,

bước đầu đã có mô hình chăn nuôi trang trại, gia trại, toàn xã có 5 mô hình trang trại chăn nuôi cách xa khu dân cư, với 8.000 con gà và mỗi trang trại có từ 120 đến 400 con lợn; 31 gia trại, mỗi gia trại có 1500 con gà và 50 con lợn trở lên.

- Đến nay có 200 hộ dân nuôi trồng thủy hải sản nước lợ và nước ngọt như nuôi cá Diêu hồng, nuôi cá truyền thống hơn 60 vạn con; 20 ha nuôi vạng ngoài đê và hơn 30,5 ha nuôi tôm công nghiệp trong đê. Sản lượng nuôi trồng thủy hải sản đạt 450 tấn/năm (trong đó tôm thẻ chân trắng đạt 250 tấn); bình quân thu nhập nuôi trồng thủy hải sản 1 tỷ/ha/năm. Qua thu thập thông tin cộng đồng nuôi trồng thủy hải sản thu hút gần 1000 lao động chủ yếu là nam, thu nhập cao, nhưng nuôi trồng thủy hải sản đang đối mặt nhiều rủi ro. Nuôi vạng ngoài đê chủ yếu là người dân ngoài xã có vốn đầu tư lớn, tạo việc làm cho lao động và đóng góp thu ngân sách địa phương. Nên xã đã có trách nhiệm thông tin cảnh báo thiên tai và giúp đỡ họ về các giải pháp an toàn trong nuôi trồng và khi có thiên tai xảy ra.

- Đánh bắt hải sản gần bờ, có khoảng 500 lao động thường xuyên tham gia đánh bắt là nam với 200 thuyền nhỏ, mỏng, người tham gia đánh bắt được cung cấp thông tin về thiên tai để chủ động phòng tránh thiệt hại. Xã cũng đã lưu ý các biện pháp kết hợp nâng cao nhận thức với các quy định đánh bắt có ý thức bảo vệ nguồn lợi hải sản như không xung điện, không đánh bắt lưới nhỏ gây tuyệt chủng các loài hải sản, đồng thời khuyến khích đầu tư đánh bắt đạt sản lượng cao (năm 2013 đạt 265 tấn, mức thu nhập có giảm so trước, thu nhập bình quân 10-12 triệu/lao động/tháng).

- Trên địa bàn xã có khoảng 150 cơ sở Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ như: may mặc, sản xuất đồ gỗ, hàng đan xuất khẩu, may, mộc, chế biến muối, sản xuất nước tinh khiết, cửa hàng, hiệu tạp hóa, dịch vụ cung ứng vật tư sản xuất nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi,... giải quyết từ 200 - 250 lao động có việc làm thường xuyên (riêng chế biến muối Iốt đạt 3.500 tấn/năm, giải quyết 50 lao động thường xuyên có việc) phục vụ tốt đời sống sinh hoạt cho người dân.

Nhìn chung phát triển kinh tế của xã đã có những chuyển biến tích cực, đa ngành nghề, nhưng luôn bị tác động của thời tiết, khí hậu. Qua phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ dân (đại diện hộ phỏng vấn: nam 15, nữ 5, trong đó có 3 hộ nghèo, 2 hộ cận nghèo, 12 hộ trung bình và 3 hộ khá); có 19 ý kiến lo sợ rủi ro làm giảm sản lượng mất mùa, 20 ý kiến lo sợ chết cây trồng, 12 ý kiến chết vật nuôi và 7 ý kiến lo sợ mất đất sản xuất.

### 1.7.2. Xã hội

Văn hóa xã hội của xã có nhiều chuyển biến tích cực, tập trung thực hiện 19 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với thúc đẩy các cuộc vận động các phong trào như “xóa đói giảm nghèo”, “ngày vì người nghèo”, “giúp nhau làm kinh tế”, thực hiện dân số kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc. Đẩy mạnh

sâu rộng phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phong trào đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Kết quả đến cuối năm 2013 có 85% hộ gia đình trong xã đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, có 8/9 xóm đạt bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và 6/9 xóm đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa; trong đó có 2 xóm: Tây Cát và xóm Hợp Thành được đề nghị công nhận xóm văn hóa theo tiêu chí của Bộ văn hóa. Công tác giáo dục ở các cấp học đều có chất lượng tương đối ổn định. Xã thực hiện tốt các Chương trình y tế Quốc gia, BHYT tế được xã, huyện hỗ trợ 1.078 thẻ với mức 321.000đ/thẻ, nâng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế của nhân dân ngày càng nhiều hơn, đạt 73%. Công tác xã hội chăm sóc tốt các đối tượng chính sách cho người có công, người già, nạn nhân chất độc da cam, người khuyết tật nghèo... đảm bảo an sinh xã hội, góp phần giảm thiểu rủi ro khi có thiên tai.

## **2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) theo 5 hợp phần**

### **2.1. Sinh kế**

Sinh kế của xã đa dạng ngành nghề: trồng lúa, trồng màu, trồng cây dược liệu, trồng cây cảnh, chăn nuôi, làm muối, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại và lao động đi làm ăn xa tạo điều kiện tăng thu nhập từ nhiều nguồn cải thiện đời sống khá hơn trước.

- Nghề trồng lúa sản xuất 2 vụ trong năm đảm bảo lương thực cung cấp cho địa phương. Số hộ trồng lúa chiếm 70%, thu hút 53% lao động nữ; phương tiện sản xuất lúa đã được cơ giới hóa như máy cày, máy bừa, máy tuốt lúa phục vụ sản xuất. Dịch vụ cho vay vốn nhiều hơn như Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội cho 1.216 người dân vay 51,2 tỷ đồng để đầu tư sản xuất, dịch vụ, trong đó có vốn vay đầu tư trồng lúa, chăn nuôi, trồng cây cảnh, phát triển kinh tế gia đình. Các tổ chức Hội Cựu chiến binh, Hội nông dân và Hội phụ nữ giúp hội viên vay 8 tỷ đồng từ ngân hàng chính sách, trong đó Hội Phụ nữ giúp chị em vay 3,4 tỷ đồng; Hội nông dân xây dựng 80 triệu quỹ hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế hộ. Trên địa bàn xã có 4 cơ sở dịch vụ cung ứng vật tư, giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thủy lợi, làm đất phục vụ sản xuất. Trong các xóm có các tổ, nhóm đối công từ 5 đến 10 người/1tổ giúp nhau trong mùa vụ như gặt và cấy lúa. Người dân đoàn kết chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất, chọn giống lúa ngắn ngày, chất lượng cao và gieo trồng, cấy lúa không cày lật đất, tiết kiệm kinh phí làm đất. Hệ thống thủy lợi kênh mương cấp 1, 2 và 3, hệ thống cống tưới tiêu và đường giao thông nội đồng được sửa chữa nâng cấp phục vụ sản xuất. Hàng năm trung tâm giống cây trồng phối hợp cùng Ban Nông nghiệp xã tổ chức lớp tập huấn hướng dẫn người dân chăm sóc và bảo vệ cây trồng.

- Trồng màu ngày càng nhiều diện tích hơn và đa dạng giống cây trồng như hành, cà chua, bí xanh, bí ngô, dưa leo, rau, với khoảng 40 ha, lao động nam, nữ có

thêm việc làm, thu nhập thêm từ 1,5 đến 2 triệu/sào/năm, thiết thực phát triển kinh tế hộ.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm chiếm 70 - 75% số hộ gia đình gắn với trồng lúa, trồng màu, tạo lượng phân bón lót cho cây trồng nhiều hơn. Chăn nuôi hộ gia đình nhỏ lẻ nhưng đa dạng vật nuôi như trâu, bò, dê, gà vịt, ngan... Đến nay xã đã có mô hình chăn nuôi trang trại, gia trại chăn nuôi qui mô khép kín có số lượng lớn, gồm 5 trang trại có hơn 8000 con gà và từ 120 đến 400 con lợn/trang trại xa khu dân cư, thu nhập từ 500 – 700 triệu đồng/trang trại/năm; có 31 gia trại trong khu dân cư, mỗi gia trại nuôi 1500 con gà và từ 50 con lợn trở lên, thu nhập 100 - 200 triệu đồng/gia trại/năm. Chăn nuôi hộ gia đình nữ chiếm 80%, chăn nuôi trang trại và gia trại còn ít và chủ yếu là nam giới chiếm 80% – 90%. Nhân dân chủ động được 50% giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi nhỏ tại hộ gia đình, xã có 1 cơ sở thú y do hợp tác xã quản lý phục vụ chăn nuôi hộ gia đình. Các trang trại và gia trại được hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi từ các công ty cung cấp giống và vật tư; 100% trang trại và gia trại có xây hồ biôga để xử lý chất thải không để ô nhiễm môi trường.

- Mô hình trồng cây cảnh chủ yếu là cây sanh, cây thế tại xóm Tây Cát, Hải Điền, Nam Châu, Trung Đồng và một phần Nam Giang trở thành làng nghề hỗ trợ nhau về kinh nghiệm, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh, thu hút khoảng 500 hộ gia đình có việc làm cho người lao động trong và ngoài độ tuổi tham gia vừa là niềm vui hứng thú với nghề vừa tạo thu nhập khá hơn gấp nhiều lần trồng lúa, trồng màu, thu nhập hàng năm khoảng 950 triệu đồng. Bên cạnh đó có số hộ trồng thử nghiệm xen cây dược liệu Đinh lăng cũng đem lại thu nhập khá.

- Xã nằm trên địa hình phù hợp với nghề làm muối, có nguồn nước từ biển vào, chi phí đầu tư thấp so với các ngành nghề khác, có 450 hộ, 800 lao động nam, nữ gắn bó với 68 ha ruộng muối, đạt năng suất 3-3,5 tấn/sào/năm, thu nhập từ 12-13 triệu đồng/người/năm. Sản xuất muối sạch đã và đang được mở rộng, nâng cao chất lượng muối đáp ứng người tiêu dùng. HTX Thống Nhất đã được đầu tư thiết bị sản xuất muối sạch 2 ha là mô hình sản xuất muối sạch có hiệu quả. Trên địa bàn xã có 2 công ty chế biến muối Iốt, góp phần tiêu thụ muối thuận lợi hơn trước.

- Nuôi trồng thủy hải sản được người dân chủ động đầu tư vốn lớn, nuôi trồng đa dạng loài thủy hải sản như nuôi cá Diêu hồng, cá truyền thống, nuôi tôm công nghiệp trong đê và nuôi vạng ngoài đê biển. Nuôi tôm công nghiệp thẻ chân trắng chiếm khoảng 15 - 20% hộ gia đình vùng nước mặn, trong các hộ gia đình nuôi nước ngọt và lợ chiếm khoảng 50% hộ, lực lượng lao động chủ yếu là nam chiếm 90%. Thu nhập hàng năm từ 500 - 800 triệu đồng đối với nuôi tôm, từ 300 - 400 triệu đồng đối với nuôi cá. Nghề nuôi trồng thủy hải sản đã được áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hàng năm các hộ nuôi trồng được tập huấn các kiến thức về chăm sóc con giống, tránh dịch bệnh để đạt sản lượng.

- Đánh bắt thủy hải có hơn 260 hộ gia đình, với 200 thuyền nhỏ và 30 mủng, mảng; lao động đánh bắt là nam giới có kinh nghiệm trong nghề đánh bắt, thường xuyên theo dõi, nắm bắt thông tin thời tiết.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ của xã đa dạng và phong phú, có trên 150 cơ sở với nhiều ngành nghề khác nhau như mộc, may, đan xuất khẩu, chế biến muối, xây dựng, dịch vụ cung ứng vật tư sản xuất, chăn nuôi... tạo việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân. Có khoảng 1.000 lao động ngoài địa phương chủ yếu là nam làm nghề thợ xây, thợ mộc và ngành nghề khác, thu nhập bình bình quân các nghề trên từ 170 - 200 nghìn/ngày đối với nam từ 120 - 150 nghìn đồng/ngày đối với nữ chiếm, góp 30% thu nhập của xã. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại trên địa bàn xã an toàn trước thiên tai hơn các ngành nghề khác và góp phần đáng kể vào cơ cấu kinh tế của xã.

Nhìn chung sinh kế của người dân trong xã có những điểm mạnh và cũng không ít cơ hội phát triển kinh tế, tăng thu nhập. Tuy nhiên, người dân còn nhiều hạn chế về kiến thức khoa học kỹ thuật, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh nuôi trồng thủy hải sản và ảnh hưởng sản xuất muối sạch do chưa có hệ thống thủy lợi riêng cho sản xuất muối và nuôi trồng. Các ngành nghề sinh kế nói trên đều phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thiếu ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, nhất là thiệt hại về mùa màng thường xảy ra do ngập úng và nhiễm mặn khoảng 20% diện tích ruộng lúa. Lao động còn mỏng chưa cân bằng giữa nam và nữ, trong đó lao động nữ tham gia hầu hết ở tất cả các lĩnh vực ngành nghề, bao gồm cả lao động nặng nhọc, và lao động có môi trường độc hại (do phải gánh vác cho một bộ phận lao động nam đi làm ăn xa), thường bị say nắng, nóng, nhiễm độc thuốc trừ sâu, tai nạn thương tích. Chi phí cho giống cây trồng và vật tư cao, giá sản phẩm bấp bênh không ổn định; ý thức của người dân chưa cao, rác thải, vỏ bao bì thuốc trừ sâu, vứt bừa bãi làm ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước trong sinh hoạt và trong sản xuất; tiêu thụ sản phẩm, nhất là giá muối thấp, muối làm ra chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng cho công ty chế biến muối nên tình trạng nhập muối ngoài địa phương còn nhiều gây khó khăn cho việc tiêu thụ muối tại địa phương; giá bán lợn hơi, gà vịt thường bị tư thương ép giá do chưa có dịch vụ tiêu thụ lớn trên địa bàn.

## **2.2. Điều kiện sống cơ bản**

Hải Đông là xã được triển khai thực hiện sớm chương trình nông thôn mới từ năm 2011 đến nay, tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ đời sống người dân ở mức khá so với các xã trong huyện Hải Hậu. Điện, đường, trường học, chợ, trạm y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường đáp ứng được đời sống cơ bản của người dân. Tính đến năm 2013, xã Hải Đông có các tuyến đường Quốc lộ, đường huyện qua xã và đường trục xã đều được kết cấu đá nhựa; 100% đường giao thông đong xóm và 70% đường ra đồng được cứng hóa, thuận lợi cho việc đi lại, phục vụ

sản xuất phát triển kinh tế xã hội. Về thủy lợi có 78 km kênh mương cấp 1,2,3, có 5 cửa cống tiêu ra biển thuận lợi cho trồng lúa, rau màu, trong đó có 2 cống vừa tiêu vừa tưới phục vụ sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản. Mạng lưới điện được khép kín, 100% hộ dân được dùng điện và hệ thống điện của xã trong năm 2013 đầu tư thêm 2 trạm biến áp, đưa tổng số trạm biến áp cung cấp điện lưới xã lên 6 trạm đáp ứng nhu cầu điện sinh hoạt và điện sản xuất. Công trình trường học Mầm non, trường Tiểu học khu B và có 2 nhà cao tầng trường Trung học cơ sở cơ bản được xây dựng kiên cố, an toàn cho việc dạy và học trước thiên tai, các cấp học đều đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 1. Có 100% hộ dân sử dụng nước ăn uống, sinh hoạt từ nước giếng khoan, trong đó có 5% hộ dân xây bể chứa nước mưa để dùng ăn uống, một bộ phận hộ dân có mức sống khá hơn đã chủ động mua thiết bị lọc nước sạch để dùng trong ăn uống. Điều kiện khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tốt hơn, người tham gia bảo hiểm y tế đạt 73% nên cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế nhiều hơn. Trong năm 2013, xã thực hiện tốt chương trình y tế Quốc gia, có 12.656 người được khám chữa bệnh tại Trạm y tế xã đạt 101% so kế hoạch; tiêm chủng mở rộng đạt 98%; công tác dân số kế hoạch hóa gia đình có tiến bộ tốt hơn. Xã đã qui hoạch bãi rác tập trung và tổ chức thu gom rác thải, chôn lấp làm sạch môi trường, tần Suất thu gom rác thải được tăng thêm, trong năm 2013 thu 2 lần/tháng, đến nay có nơi đã thu gom với tần suất 8 lần/ tháng, xã có Trạm y tế, chợ, bưu điện văn hóa và trụ sở xã phục vụ công dân. Đến nay 9/9 xóm có nhà văn hóa do dân đóng góp. Nhà ở của người dân cũng có những cải thiện đáng kể, an toàn trước thiên tai, có 669/2.134 nhà kiên cố, chiếm 31%, có 1.833/2.660 hộ có nhà vệ sinh tự hoại chiếm 68,9%.

Tuy nhiên, về điều kiện sống cơ bản của người dân trong xã cũng còn nhiều yếu kém, hạn chế như: Nhà ở không an toàn nhiều (nhà bán kiên cố 69%, trong đó 5% nhà xuống cấp); có khoảng 25% hệ thống đường dây điện tại một số cụm dân cư không an toàn, xóm Hải Điền có địa bàn xa, mạng lưới điện yếu, công suất điện chưa đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, nuôi trồng thủy hải sản cần lắp thêm 2 trạm biến áp điện. Giao thông đi lại một số nơi còn yếu (3,6 km đường liên xóm Nam Giang, Hải Điền, Nam Châu xuống cấp gây khó khăn cho việc cứu hộ cứu nạn khi có tình huống khẩn cấp; 30 % đường nội đồng chưa được cứng hóa nên khó khăn cho việc sử dụng phương tiện sản xuất cơ giới). Trường trung học cơ sở có 13 phòng học và phòng chức năng đã xuống cấp; trường tiểu học có 4 phòng học xuống cấp, khu B thiếu phòng chức năng dẫn đến thiếu phòng học và không an toàn trước thiên tai; đại bộ phận giáo viên của xã ở ngoài địa phương chưa có nhà ở công vụ, phải thuê ở nhà dân, tạm trú tại lớp học khó khăn và kém an toàn. Có khoảng 3000 người dân chỗ ở kém an toàn và vùng nguy cơ cao cần sơ tán khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn, nhưng các điểm tránh trú của xã chưa có, trước đây tránh trú gắn với trường học,



nhưng nay nhiều phòng học các cấp bị xuống cấp không làm điểm sơ tán được nên phải sơ tán dân nhờ xã Hải Tân, Hải Hà, Hải Quang đường đi xa, phương tiện thiếu thốn, khó khăn, rủi ro cao trên đường đi sơ tán không kịp trước thiên tai đe dọa là rất lớn. Đê biển dài, cao trình đê thấp không chịu được gió bão lớn trên cấp 10, kết hợp với nước biển dâng đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản và sinh kế người dân. Trong khi đó hệ thống cảnh báo sớm của xã còn yếu và thiếu; nhà truyền thanh, loa truyền thanh xuống cấp nghiêm trọng, thiếu cụm loa nên 40 % người dân chưa được tiếp cận với phương tiện truyền thông của xã, có nơi địa bàn xa không nghe được thông tin từ hệ thống truyền thanh của xã. Chưa có các biển báo, cảnh báo tại cộng đồng, vùng nguy cơ cao và các phương tiện cảnh báo sớm như loa cầm tay, âm thanh lưu động để thay thế khi mất điện. Chất lượng dân số đang có vấn đề, sự chênh lệch về nam nữ có xu hướng nam nhiều hơn nữ dẫn thiếu cân bằng giới và khoảng cách giới trong tương lai gần; tỷ lệ sinh con thứ 3 quá cao chiếm 26%. Trạm y tế xây dựng từ năm 1990 xuống cấp, các trang thiết bị còn thiếu, tỷ lệ người dân chưa tham gia bảo hiểm y tế còn 27%, điều kiện chăm sóc sức khỏe của họ chưa có cơ hội tiếp cận nhiều với các dịch vụ y tế. Bên cạnh đó vấn đề nước sạch, vệ sinh môi trường còn những hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe, bệnh tật như chất lượng nước giếng khoan nhiễm sắt, nhiễm mangan, nước lắng cặn và có màu vàng; nước mưa còn nhiều tạp chất và người dân chưa được hướng dẫn về cách dự trữ, bảo quản và sử dụng nước mưa hợp vệ sinh; 90% dân chưa có thói quen lọc nước qua bể lọc, thiết bị lọc nước hợp vệ sinh. Những năm gần đây do tác động của BĐKH với nhiều đợt nắng nóng kéo dài cùng với việc khai thác nước ngầm của người dân ngày càng nhiều nên dẫn đến cạn kiệt nguồn nước (năm 1999 mực nước giếng khoan sâu từ 135 đến 150 m chỉ dùng bơm tay, nhưng từ năm 2012 đến nay phải dùng máy bơm). Với thực trạng BĐKH như hiện nay thì cũng đủ cho thấy trong vài năm tới ở xã Hải Đông sẽ thiếu nước sinh hoạt trầm trọng nên về lâu dài cần có các giải pháp cấp nước tập trung. Trước mắt cần được cơ quan chức năng xét nghiệm tạp chất nước và giúp người dân có giải pháp xử lý nước sinh hoạt, ăn uống hợp vệ sinh. Hệ thống thoát nước khu dân cư chưa được đảm bảo, nước thải chưa được xử lý, chảy thẳng ra kênh, sông gây ô nhiễm môi trường. Các kênh mương còn bị ách tắc dòng chảy bởi bèo, rác thải, 90% trang trại, gia trại còn ở xen lẫn khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.

Tóm lại về điều kiện sống cơ bản người dân trong xã về mọi mặt được nâng lên, xã đến nay thực hiện chương trình nông thôn mới đạt được 19/19 tiêu chí Quốc gia, nhưng vẫn còn những hạn chế, dễ rủi ro khi có thiên tai. Qua phỏng vấn 20 hộ dân đã có 17/20 ý kiến lo sợ về vấn đề tai nạn giao thông; 19/20 ý kiến lo lắng ô nhiễm môi trường, 12/20 ý kiến không an toàn do cháy nổ, 16/20 ý kiến lo lắng dịch bệnh ở người do tác động thảm họa thiên tai vì vậy điều kiện sống cơ bản của người

dân cũng cần được cải thiện nhiều hơn nữa, nhất là sống trong bối cảnh thiên tai, biến đổi khí hậu khó lường.

### **2.3. Sự tự bảo vệ của cá nhân, hộ gia đình.**

Hải Đông là xã ven biển, nhân dân thường xuyên tiếp cận với điều kiện sông nước và đánh bắt thủy hải sản nên có nhiều kinh nghiệm ứng phó với thiên tai. Đại bộ phận có ý thức tự giác, chủ động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, tỷ lệ người biết bơi khoảng 30%. Người dân chủ động chằng chống nhà của dự trữ lương thực và thực phẩm đủ ăn ít nhất 7 ngày khi có thiên tai. 90% người dân có phương tiện nghe nhìn đài, ti vi, 95 % người dân chấp hành lệnh sơ tán khi có thiên tai bão lụt và luôn có tinh thần tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau trong thiên tai.

Tuy vậy, biện pháp an toàn cá nhân và hộ gia đình còn nhiều hạn chế, rủi ro cao khi có thiên tai khắc nghiệt, cường độ mạnh hơn, nhất là theo kịch bản của biến đổi khí hậu về nhiệt độ tăng, nước biển dâng cao hơn, gió bão mạnh hơn, tỷ lệ nhà bán kiên cố xuống cấp còn nhiều; có khoảng 2.000 người ở ven đê biển và hộ nuôi trồng thủy hải sản, nhất là người trông coi nuôi vạng ngoài đê nhà ở chưa an toàn. Tỷ lệ người chưa biết bơi còn cao (hơn 70% đối với người lớn, trẻ em trong độ tuổi chưa được dạy bơi và học bơi chiếm đến 90%); Phụ nữ chủ hộ gia đình, người khuyết tật, người già còn nhiều bất lợi trong phòng ngừa ứng phó thiên tai khi có tình huống khẩn cấp; lao động đánh bắt cá gần bờ còn chủ quan, thiếu thông tin, thiếu trang thiết bị an toàn trên thuyền nhỏ, mừng khi đánh bắt. Đại bộ phận người dân trong cộng đồng nắm bắt thông tin diễn biến thiên tai thiếu kịp thời do hệ thống truyền thanh xuống cấp, thiếu cụm loa, bảng tin hoặc trong mùa mưa bão hệ thống truyền thanh, ti vi không hoạt động được do bị mất điện. Kiến thức, kỹ năng và các giải pháp an toàn cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng còn hạn chế; giáo viên, học sinh chưa được thường xuyên tập huấn, cập nhật đầy đủ về kiến thức giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết quả phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ, có 13 hộ trả lời về mức độ không an toàn quanh nhà; 11 hộ trả lời không có rào chắn an toàn; có 42% người được phỏng vấn trả lời trẻ em nhỏ tự đi học (6/14 hộ có trẻ em đi học thì 6 hộ trả lời trẻ em tự đi học), có 11 ý kiến trả lời hộ gia đình có kế hoạch phòng chống thiên tai... Như vậy cho thấy sự hiểu biết, chủ động bảo vệ của người dân để giảm thiểu rủi ro còn hạn chế.

### **2.4. Sự bảo vệ xã hội**

Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, các ban ngành đoàn thể thường xuyên quan tâm đến công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Hàng năm xã có kế hoạch PCLB được phân công cụ thể và triển khai đến xóm theo phương châm 4 tại chỗ. Đến nay 9/9 xóm đều đã thành lập đội tình nguyện viên ứng phó thiên tai từ xã đến các xóm với 360 thành viên tham gia. Ban thông tin văn hóa đài truyền thanh xã thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh về cách phòng chống

lụt bão, Ban chỉ huy phòng chống bão lụt của xã chia điểm thường trực tập trung gần nơi xung yếu nhất là khu vực chốt biên phòng Cồn Tàu đến công Ba Nồn, Doanh Châu I. Lực lượng tình nguyện viên và lực lượng thường trực chia 2 tổ (tổ 1 gồm các xóm Hợp Thành, Nam Giang, Xuân Hà, Trần Phú, Đông Châu; tổ 2 gồm Tây Cát, Hải Điền, Nam Châu, Trung Đông) sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có thiên tai xảy ra. Xã tiến hành sơ tán dân theo 2 hình thức, sơ tán tại chỗ từ nhà bán kiên cố không an toàn vào nhà kiên cố an toàn, trụ sở UBND xã, trường học trong điều kiện bão nhỏ, khi có bão lớn thì sơ tán ra khỏi vùng nguy hiểm về xã Hải Tân, Hải Hà, được lực lượng dân quân, công an, quân sự xã và các ban ngành đoàn thể hướng dẫn di dời bằng phương tiện xe ô tô và các phương tiện tự có của nhân dân. Lực lượng an ninh đảm bảo an toàn về con người và tài sản của nhân dân khi có thiên tai.

Nhìn chung về bảo vệ xã hội đã có sự quan tâm của cộng đồng, nhưng còn những hạn chế trước thiên tai. Về lực lượng ứng phó thiên tai được thành lập với số lượng nhiều, nhưng chưa được tập huấn và trang bị phương tiện thiết yếu để cứu hộ, cứu nạn an toàn (áo phao, đèn pin, áo đi mưa, mũ bảo hiểm, cưa máy...). Cán bộ chủ chốt Chính quyền, Đoàn thể, ít được tập huấn về kiến thức biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro, các tổ chức Mặt trận tổ quốc, đoàn thể còn thiếu nội dung, tài liệu để tuyên truyền cho cán bộ hội viên và người dân. Hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, thiếu cụm loa; chưa có bảng tin, biển báo lắp đặt nơi công cộng, vùng nguy cơ cao. Trường học chưa an toàn và có chương trình nội dung giới thiệu kiến thức phòng ngừa thảm họa cho học sinh, nhất là học sinh tiểu học, lớp 4, lớp 5. Trong mưa bão thường bị mất điện nên hệ thống truyền thanh xã không hoạt động được, nhưng chưa có phương tiện khác như âm thanh lưu động, loa cầm tay thay thế để thông tin cảnh báo về thiên tai kịp thời cho người dân. Địa điểm di dời từ nhà dân cho đến khu tránh trú an toàn xa, đường giao thông đi lại nhỏ hẹp, xuống cấp, khó khăn trong việc di dời dân.

## **2.5. Tổ chức Xã hội/ Chính quyền**

Hệ thống tổ chức Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội từ xã đến xóm thường xuyên được củng cố kiện toàn đảm bảo thực hiện triển khai các chương trình kế hoạch giảm thiểu rủi ro, chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tham gia tuyên truyền vận động nhân dân phòng ngừa ứng phó thảm họa, giúp đỡ sơ tán, cứu trợ lương thực, nước uống khi cần thiết, vận động nguồn lực 4 tại chỗ cho phòng chống thiên tai. Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh có chương trình giúp hội viên phát triển kinh tế gia đình như vay vốn ngân hàng Chính sách, ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn, vốn từ các nguồn quỹ Hội. Mặt trận tổ quốc đẩy mạnh các phong trào, cuộc vận động “ngày vì người nghèo”, vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, thực hiện cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư, góp phần thúc đẩy triển khai thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới đảm bảo sự tham gia đóng góp của người dân làm đường, nạo vét kênh mương, làm nhà văn

hóa xóm mỗi năm lên đến hàng tỷ đồng. Các tổ chức Tôn giáo đã chủ động quyên góp giúp đỡ người dân khi thiên tai, hoạn nạn; tuy vậy, về cơ chế, chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện dành cho công tác phòng chống thiên tai của xã còn không ít khó khăn. Cán bộ địa phương, nhất là BCH phòng chống lụt bão và lực lượng ứng phó cộng đồng chưa được tập huấn nhiều về kiến thức giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, về lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu chưa được lồng ghép nhiều vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ít được lồng ghép vào chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể - xã hội. Đặc biệt là công tác quy hoạch sản xuất trồng lúa, nuôi trồng thủy hải sản, chăn nuôi, làm muối... tạo điều kiện huy động vốn phát triển nghề đánh bắt hải sản xa bờ, thí điểm xây dựng các mô hình với cây lúa, cây màu, mô hình trang trại chăn nuôi, giảm phát thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu trước mắt và lâu dài trong tương lai chưa được lồng ghép với phát triển kinh tế xã hội bền vững; gắn xóa đói giảm nghèo với quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng nhằm cải thiện tình trạng dễ bị tổn thương, tăng cường năng lực của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng cho việc an toàn trước thiên tai.

### **3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương**

#### **3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội**

##### **3.1.1. Các loại hiểm họa, thiên tai, xu hướng biến động.**

Hải Đông là xã có địa hình giáp biển nên hàng năm chịu ảnh hưởng các hiểm họa tự nhiên như áp thấp nhiệt đới - bão, lụt, giông sét, sạt lở đất, triều cường và những hiện tượng thời tiết bất thường do biến đổi khí hậu nắng nóng, mưa trái mùa, nhiễm mặn xảy ra với mức độ tác động nghiêm trọng. Hằng năm bão xảy ra tại địa phương từ 1 - 3 cơn, xu hướng bão đến sớm hơn, nhưng kết thúc muộn, khó dự đoán, cường độ mạnh và kèm theo mưa lớn gây ngập lụt. Thời gian giữa các trận bão gần hơn, lụt lớn hơn, kéo dài hơn (từ 5 đến 7 ngày), khi có triều cường thì ngập lụt dài ngày hơn. Theo thông tin cung cấp của UBND xã trong 8 năm qua, từ năm 2005 - 2013, có 90 người bị thương (năm 2005: 50; năm 2012:40), số hộ cần cứu hộ khẩn cấp 5.310 người; sập và hư hỏng 5.100 căn nhà, thiệt hại diện tích lúa, hoa màu, vật nuôi, đê biển, giao thông, thủy lợi... tính tổng giá trị thiệt hại thống kê được 41,8 tỷ là rất lớn. Nhưng theo người dân thì giá trị thiệt hại của nhân dân và Nhà nước còn nhiều hơn và nghiêm trọng hơn. Qua phỏng vấn về hiểm họa tự nhiên, có 18/20 ý kiến lo sợ lụt; 20/20 ý kiến lo sợ bão; giông lốc 20; rét 17; nhiễm mặn 11. Về hiểm họa do con người, có 17 ý kiến lo sợ tai nạn giao thông; 19 ý kiến lo sợ ô nhiễm môi

trường; 12 ý kiến lo sợ cháy nổ; 12 ý kiến lo sợ bệnh dịch ở người và 2 ý kiến lo sợ phá rừng.

Theo nhận định của người dân tình hình các loại hiểm họa tự nhiên không lường trước được nhưng ngày càng phức tạp hơn, nhất là bão lớn (siêu bão). Các hiện tượng nắng nóng kéo dài sẽ gây nhiễm mặn, làm cạn kiệt nguồn nước ngầm; mưa trái mùa và lượng mưa phân bố không đều như mùa nắng ít mưa, mùa mưa mưa nhiều, thiên tai ảnh hưởng đến tính mạng tài sản và môi trường sống của người dân nên cần có kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu để hướng dẫn người dân và cộng đồng.

Tác động, thiệt hại đối với nhóm người dễ bị tổn thương (xem bảng phân tích dưới đây):

<b>NHÓM PHỤ NỮ NGHÈO</b>			
<b>RỦI RO</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>KHẢ NĂNG</b>	<b>ỨNG PHÓ</b>
Mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống khó khăn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu lao động chính là nam (nam giới đi làm xa), phụ nữ phải gánh vác mọi khâu trồng lúa kể cả việc phun thuốc trừ sâu.</li> <li>- Diện tích lúa bị nhiễm mặn, ngập úng.</li> <li>- Dịch bệnh sâu rầy trên cây lúa, hoa màu.</li> <li>- Nông sản chưa có đầu ra giá thu mua nông sản quá thấp.</li> <li>- Hệ thống kênh mương, cống tiêu thoát nước nông cạn, bèo, rác cản dòng chảy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng lúa</li> <li>- Có đức tính cần cù chịu khó</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh.</li> <li>- Cần cải tạo hệ thống kênh mương nội đồng để chủ động điều tiết tưới, tiêu nước phục vụ cho sản xuất, thường xuyên nạo vét kênh mương, cống tiêu thoát nước</li> </ul>
Thiệt hại về sức khỏe do tai nạn lao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu lao động nam nên phụ nữ phải làm việc nặng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trang bị bảo hộ lao động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần tổ chức nhiều ngành nghề, thương mại, dịch vụ để tạo cho phụ nữ có nhiều cơ</li> </ul>

động (bị say thuốc và say nắng, đau đầu, choáng).	nhọc, độc hại.		hội tìm việc làm phù hợp.
Ảnh hưởng tính mạng.	- Nhà ở không an toàn trước thiên tai do phụ nữ chủ hộ hoặc hộ nam giới đi làm ăn xa, phụ nữ ở nhà ứng phó với thiên tai.	- Có kinh nghiệm phòng chống bão	- Nhờ người xung quanh giúp đỡ (mua lưới chằng chống nhà, chặt tía cành cây cạnh nhà ở).
Thiệt hại về kinh tế trong chăn nuôi	- Dịch bệnh phát sinh do nắng nóng kéo dài và rét đậm - Giá cả thức ăn cho gia súc, gia cầm cao và giá sản phẩm đầu ra thấp. Bị tư thương ép giá	- Phụ nữ có tính cần cù chịu khó	- Tiêm thuốc, vệ sinh chuồng trại. - Tổ chức các dịch vụ cung ứng thức ăn, con giống đảm bảo chất lượng và giá cả phù hợp
Ảnh hưởng đến sức khỏe do nguồn nước sinh hoạt chưa đảm bảo	- Nước giếng khoan còn nhiễm sắt, phèn, mặn	- Phụ nữ vốn có tinh thần tương tương ái giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống (dùng chung giếng, bể lọc nước), có bảo hiểm y tế	- Chính quyền cần có KH XD hệ thống cung cấp nước sạch cho người dân - Trước mắt cần cho các hộ nghèo vay vốn mua máy lọc nước. - Dự trữ nước mưa dùng cho ăn uống - Làm bể lọc nước bằng than hoạt tính
Ảnh hưởng sức khỏe, bệnh tật	- Thu gom rác thải, don dẹp nhà tiêu không hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi tiếp xúc với môi trường ô	- có khẩu trang	- Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ, phát hiện ngăn ngừa bệnh dịch.

	nhiễm, nhiều vi khuẩn dễ bệnh tật.		
<b>NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ NGƯỜI THU NHẬP THẤP</b>			
<b>RỦI RO</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>KHẢ NĂNG</b>	<b>GIẢI PHÁP</b>
Mất mùa, giảm năng suất lúa do thiên tai, chăn nuôi gia súc gia cầm bị thua lỗ ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu vốn đầu tư sản xuất.</li> <li>- Diện tích lúa bị nhiễm mặn vụ chiêm, ngập úng vụ mùa.</li> <li>- Giá cả nông sản thấp</li> <li>- Dịch bệnh sâu rầy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kinh nghiệm và kỹ thuật trong trồng lúa và chăn nuôi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần hỗ trợ vốn vay để đầu tư cho sản xuất.</li> <li>- Chọn những loại giống cây phù hợp chất đất và có năng suất cao.</li> <li>- Chọn con giống có chất lượng, kháng sâu rầy.</li> <li>- Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh.</li> </ul>
Nợ nần, lo nghĩ ảnh hưởng sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu vốn phải đi vay mượn lãi suất cao.</li> <li>- Làm ăn thua lỗ: mất mùa, giá muối thấp... thu không đủ bù chi phí, đời sống khó khăn, không có tiền trả nợ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau khi khó khăn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần có chính sách hỗ trợ người nghèo vay vốn lãi suất thấp.</li> <li>- Cần ưu tiên phát triển chương trình làm muối sạch.</li> <li>- Các Đoàn thể vận động giúp đỡ xóa nợ.</li> </ul>
Thiệt hại tính mạng, ảnh hưởng sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở hộ nghèo, người có thu nhập thấp bán kiên cố, xuống cấp không đủ sức chống đỡ trước thiên tai, dễ sập đổ (gây thương tích, chết người).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kinh nghiệm phòng chống bão</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua lưới chằng chống nhà cửa.</li> <li>- Kêu gọi đầu tư hoặc cho vay vốn với lãi suất thấp để gia cố cải tạo nhà cửa kiên cố.</li> <li>- Thực hiện sơ tán khi có thiên tai.</li> </ul>
Sức khỏe của người nghèo bị ảnh do đời sống khó khăn, do ô nhiễm môi trường, do dùng nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên ốm yếu vì không có điều kiện chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh.</li> <li>- Chưa có hệ thống nước sạch để sinh hoạt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được cấp thẻ bảo hiểm y tế.</li> <li>- Có sử dụng khẩu trang khi tiếp xúc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần đầu tư các nghề phụ ổn định thu nhập đảm bảo cuộc sống cho người thu nhập thấp</li> <li>- Cần xây dựng nhà máy cung cấp nước sạch</li> <li>- Cần có phòng khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí cho người nghèo.</li> </ul>

giếng khoan chưa đảm bảo vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có tiền mua thuốc chữa bệnh khi ốm đau</li> <li>- Chất thải chăn nuôi chưa được xử lý.</li> <li>- Một số hộ dân có hố xí chưa đảm bảo vệ sinh.</li> <li>- Hệ thống tiêu thoát nước trong xóm ít chưa đảm bảo</li> </ul>	làm việc với môi trường ô nhiễm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây hầm Bioga</li> <li>- Cần đầu tư vốn cho hộ nghèo xây hố xí hợp vệ sinh.</li> <li>- Cần xây dựng hệ thống thoát nước</li> </ul>
Người khuyết tật có nguy cơ dễ bị thiệt hại đến tính mạng, thương tích khi sơ tán trong mùa bão	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gặp khó khăn khi di chuyển do bị khuyết tật, sức khỏe yếu.</li> <li>- Đoạn đường cứu hộ của xã thuộc xóm Hợp Thành xuống cấp, đường nhỏ hẹp gây khó khăn khi di dời dân trong mùa mưa bão</li> <li>- Tiếp cận thông tin về bão bị hạn chế do trí tuệ kém phát triển</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần có chương trình hỗ trợ phục hồi chức năng cho người khuyết tật.</li> <li>- Cần hỗ trợ phương tiện đi lại (xe lăn, xe lắc, tay chân giả) cho người khuyết tật.</li> <li>- Hỗ trợ người khuyết tật khuyết tật đi sơ tán an toàn.</li> </ul>

### NHÓM HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

<b>RỦI RO</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>KHẢ NĂNG</b>	<b>GIẢI PHÁP</b>
Học sinh có nguy cơ bị đuối nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ học sinh biết bơi thấp (90% học sinh không biết bơi).</li> <li>- Học sinh tuổi nhỏ tự đi học không được phụ huynh đưa đón</li> <li>- Trẻ em tắm biển đùa nghịch dưới n</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được cha mẹ và nhà trường đã nhắc nhở đề phòng đuối nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần tập huấn cho giáo viên và HS về cách phòng chống và sơ cấp cứu khi đuối nước</li> <li>- Cần xây dựng bể bơi và dạy bơi cho các em.</li> <li>- Học sinh tuổi nhỏ phải được người lớn đưa đến trường và đón về nhà</li> <li>- Trẻ em tắm biển phải có người lớn</li> </ul>
Nguy cơ thiệt	- Đa số giáo viên và	- Được	- Cần tập huấn về phòng ngừa



<p>hại về sức khỏe, tính mạng và tai nạn thương tích do thiên tai</p>	<p>học sinh thiếu kiến thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa - thích ứng với BDKH.  - Thiếu các tài liệu giảng dạy về BDKH.  - Trường THCS đã xuống cấp trong đó có 6 phòng học xuống cấp nghiêm trọng.  - Trường học xuống cấp không an toàn trước thiên tai</p>	<p>cha mẹ và nhà trường nhắc nhở đề phòng khi có bão  - Nhà trường chỉ đạo giáo viên và học sinh chủ động phòng chống bão</p>	<p>ứng phó thảm họa và biến đổi khí hậu cho giáo viên học sinh.  - Cần cung cấp trang thiết bị và tài liệu về phòng ngừa thảm họa, BDKH.  - Cần sửa chữa, nâng cấp trường THCS  - Không dạy và học ở phòng học không an toàn</p>
<p>Nguy cơ tai nạn giao thông, ảnh hưởng sức khỏe của giáo viên khi phải đi làm quá xa, thiếu nhà tập thể cho giáo viên ở xa</p>	<p>- Chỉ có 9/30 giáo viên THCS và 07/27 giáo viên trường tiểu học là người địa phương, còn lại là giáo viên huyện khác điều động tới do đó hàng ngày phải đi lại làm việc xa nhà, nguy cơ tai nạn giao thông và không có nhà ở ổn định phải đi thuê nhà dân...</p>	<p>- Các thầy cô giáo đã khắc phục khó khăn để nhiệt tình bám trường, lớp đảm bảo chất lượng dạy học .</p>	<p>- Cần kiện toàn tổ chức đội ngũ giáo viên tại địa phương.  - Xây dựng những khu nhà công vụ để hỗ trợ giáo viên đến dạy ở lại có chỗ ở an toàn.</p>
<b>NHÓM NGƯỜI SỐNG TRONG VÙNG HIỂM HỌA THIÊN TAI</b>			
<b>RỦI RO</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>K. NĂNG</b>	<b>GIẢI PHÁP</b>

Thiệt hại tính mạng và tài sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 60 % nhà hộ dân ở vùng nguy cơ cao ven đê là nhà bán kiên cố, đặc biệt có 5% hộ dân nhà mái tranh đã xuống cấp mất an toàn khi có gió bão. Có 240m đê đất chưa được cứng hóa, một số đoạn đê bị xuống cấp không chịu được gió bão lớn, dễ vỡ đê.</li> <li>- Đối mặt với nước biển dâng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa</li> <li>- Chủ động sơ tán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Di dời dân đến nơi an toàn khi có cảnh báo thiên tai xảy ra.</li> <li>- Nhà nước cho vay vốn để sửa chữa, nâng cấp nhà ở.</li> <li>- Nâng cấp đê chịu được gió bão và nước biển dâng.</li> </ul>
--------------------------------	--	---	---

Bảng 6. Phân tích nhóm người dễ bị tổn thương

### 3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần.

Bảng rủi ro, TTDBTT, KN và giải pháp ứng phó xã Hải Đông

<i>Hợp phần sinh kế</i>			
<b>Rủi ro</b>	<b>Tình trạng DBTT</b>	<b>Khả năng</b>	<b>Giải pháp ứng phó</b>
<b>Mất mùa, giảm năng suất (lúa, hoa màu )</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích trồng lúa, màu thường bị thâm thau mặn vào vụ chiêm và ngập úng vào vụ mùa, nhất là diện tích gần 100 ha của xóm (Tây Cát , Hải Điền, ven sông Hải Hậu)</li> <li>- Sâu bệnh, chuột, ốc bươu vàng phá hoại,...</li> <li>- Giá phân, thuốc bảo vệ thực vật cao.</li> <li>- Phương tiện sản xuất cơ giới còn thiếu, chưa có máy gặt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 315,88 ha đất sản xuất lúa 2 vụ.</li> <li>- Có máy cày, máy tuốt lúa</li> <li>- Có 70% lao động ( Nam, nữ) tham gia</li> <li>- Có 1 HTX Nông nghiệp và 3 cơ sở dịch vụ cung cấp vật tư, giống vốn, thuốc sâu .</li> <li>- Có 70% đường giao thông nội</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần thường xuyên thau rửa diện tích đất chua phèn thâm thau mặn</li> <li>- Đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng, nạo vét kênh mương làm thông thoáng dòng chảy</li> <li>- Tổng kết rút kinh nghiệm chọn giống lúa kháng bệnh cao vào</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 30% đường nội đồng chưa được cứng hóa.</li> <li>- Hệ thống kênh mương, cống tiêu thoát nước nông, hẹp, rác thải, bèo ách tắc dòng chảy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>đồng được cứng hóa phục vụ sản xuất.</li> <li>- Có máy cày, bừa, máy tuốt lúa.</li> <li>- Có kinh nghiệm dân gian trong chọn giống, bảo vệ cây trồng, diệt chuột, ốc bươu vàng,... và cây trên đất không cày bừa, tiết kiệm chi phí làm đất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>trồng trọt. phòng trừ sâu bệnh bằng thuốc thực vật và kinh nghiệm dân gian</li> <li>- Tăng cường phương tiện cơ giới vào sản xuất như máy cày, máy tuốt lúa và máy gặt</li> <li>- Tiếp tục cứng hóa 30% đường nội đồng phục vụ sản xuất</li> </ul>
<p><b>Đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản) nguy cơ cao mất vốn ảnh hưởng đời sống</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện đánh bắt thô sơ (thuyền nhỏ, mùng)</li> <li>- Ngư lưới cụ đánh bắt bị mất cấp.</li> <li>- Trang thiết bị trên tàu thuyền không an toàn.</li> <li>- Ngư dân thiếu kiến thức phòng ngừa ứng phó thiên tai, chủ quan, thiếu thông tin.</li> <li>- Cạn kiệt nguồn lợi hải sản.</li> <li>- Nguồn nước nuôi trồng thủy sản bị ô nhiễm, nuôi trồng nhỏ lẻ (thiếu quy hoạch).</li> <li>- Thiếu chủ động con giống (giống chủ yếu mua bên ngoài không</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có quy hoạch diện tích nuôi trồng tôm công nghiệp</li> <li>- Được tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật</li> <li>- Có kinh nghiệm nuôi trồng</li> <li>- Có thuyền, mùng, phương tiện đánh bắt gần bờ.</li> <li>- Có lưới đánh bắt</li> <li>- Có lao động nam khỏe mạnh tham gia đánh bắt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư phương tiện đánh bắt hiện đại, có chính sách hỗ trợ cho ngư dân</li> <li>- Tập huấn về kiến thức phòng chống thiên tai và kiến thức khoa học kỹ thuật, cung cấp tài liệu, hướng dẫn người dân nuôi trồng.</li> <li>- Hội thảo, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm nuôi trồng</li> <li>- Bơm nước thau rửa ao đầm thường xuyên. Vệ sinh môi trường ao đầm trước khi bỏ gồng nuôi trồng</li> </ul>

	<p>kiểm soát được chất lượng giống đạt chuẩn).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức áp dụng khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm trong nuôi trồng thủy sản hạn chế.</li> <li>- Bờ ao đầm yếu dễ vỡ ngập úng khi có mưa bão</li> <li>- Ngập úng lâu ngày dẫn đến ô nhiễm, gây dịch bệnh</li> <li>- Rong rêu nhiều trong ao đầm chết ứ đọng, khí độc đất dẫn đến chết tôm (khoảng 60 ha nuôi tôm thẻ chân trắng)</li> <li>- HTX Đông Hải trên 20 ha nuôi tôm công nghiệp bị chết 80% do ô nhiễm nguồn nước và dịch bệnh</li> <li>- Đánh bắt thủy hải sản bằng lưới nhỏ tuyệt chủng làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư phương tiện đánh bắt hiện đại để đánh bắt thủy hải sản xa bờ.</li> <li>- Cần có hệ thống thủy lợi dẫn nước vào ra ao đầm riêng.</li> <li>- Cần có cơ sở sản xuất con giống nuôi trồng thủy sản tại địa phương. Giới thiệu nhiều cơ sở cung cấp con giống có chất lượng để hộ nuôi trồng lựa chọn mua con giống chất lượng</li> </ul>
<p><b>Chăn nuôi có nhiều rủi ro ảnh hưởng đời sống nhân dân</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 70 % số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ khó phòng ngừa bệnh dịch.</li> <li>- Có 31 gia trại xen kẽ khu dân cư tình trạng nước thải, chất thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt chưa được xử lý hợp vệ sinh làm ô nhiễm môi trường</li> <li>- Mạng lưới thú y mỏng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chuồng trại chăn nuôi.</li> <li>- Tận dụng được lao động nông nhân trong gia đình.</li> <li>- Tận dụng thức ăn dư thừa của gia đình.</li> <li>- Có cơ sở cung cấp thức ăn cho</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần quy hoạch chăn nuôi theo mô hình trang trại xa khu dân cư.</li> <li>- Tăng cường mạng lưới thú y giúp đỡ nhân dân phòng ngừa dịch bệnh vật nuôi.</li> <li>- Tìm thị trường tiêu thụ đầu ra</li> </ul>

	<p>(chỉ có cán bộ thú y xã, xóm không có mạng lưới thú y).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch bệnh, giá cả bấp bênh, chăn nuôi thua lỗ.</li> <li>- Kiến thức khoa học kỹ thuật áp dụng vào chăn nuôi còn hạn chế.</li> <li>- Chuồng thấp thường bị ngập nước lụt; chưa phù hợp theo thời tiết mùa đông, mùa nóng.</li> </ul>	<p>chăn nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng tự chế biến thức ăn cho gia súc gia cầm.</li> <li>- Cấp phát 40 lít thuốc tiêu độc, khử trùng cho các trang trại, gia trại, hộ gia đình.</li> <li>- Có tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm</li> <li>- Có kinh nghiệm chăn nuôi.</li> </ul>	<p>cho nhân dân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần có mô hình bi ô ga xử lý phân vật nuôi, tạo khí đốt, tiết kiệm chất đốt nhưng hợp vệ sinh.</li> <li>- Cần có mô hình hộ gia đình xử lý nước thải chuồng trại hợp vệ sinh, phòng chống dịch bệnh.</li> <li>- Xây dựng chuồng trại cao phòng ngập lụt; kín gió mùa đông, thoáng mát mùa hè.</li> </ul>
<p><b>Làm muối thu nhập thấp ảnh hưởng đến đời sống</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích làm muối đối mặt với thời tiết mưa nắng thất thường .</li> <li>- Nguồn nước làm muối còn chung với nước nuôi trồng thủy hải sản bị ô nhiễm.</li> <li>- Vật tư làm muối cao như vôi, cây nứa.</li> <li>- Giá muối thấp, khó tiêu thụ, bấp bênh.</li> <li>- Muối chưa đảm bảo chất lượng và sản lượng cung cấp thường xuyên cho công ty chế biến dẫn đến muối ngoài địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 2 công ty chế biến muối sạch ( I Ôt) tiêu thụ sản phẩm muối.</li> <li>- Có hơn 60 ha làm muối.</li> <li>- Lao động dồi dào, 450 hộ với 800 lao động nam, nữ.</li> <li>- Đã đầu tư thiết bị mô hình làm muối sạch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần có hệ thống kênh mương cung cấp nước làm muối riêng</li> <li>- Cần có chính sách hỗ trợ để duy trì nghề làm muối như trợ giá, bao tiêu đầu ra</li> <li>- Tăng cường đầu tư thiết bị làm muối sạch</li> <li>- Ký kết hợp đồng cung cấp sản lượng muối sạch cho công ty chế</li> </ul>

	<p>đưa vào để tiêu thụ.</p> <p>- dụng cụ làm muối còn thô sơ.</p>		<p>biển muối trên địa phương, tạo ổn định đầu ra.</p>
<b>Điều kiện sống cơ bản</b>			
<p><b>Tính mạng, nhà ở, tài sản không an toàn khi có thiên tai lụt bão, nhất là bão lớn (siêu bão)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 69 % nhà bán kiên cố, trong đó có 5% nhà xuống cấp.</li> <li>- Có 3,6 km đường liên xóm đi lại khó khăn.</li> <li>- 25 % số hộ dân sử dụng đường dây điện không an toàn.</li> <li>- Hệ thống thoát nước khu dân cư chưa đảm bảo ách tắc dòng chảy</li> <li>- Số gia trại khu dân cư chiếm 90%.</li> <li>- Thiếu các điểm sơ tán an toàn tại chỗ dân trong khi có bão.</li> <li>- Người dân thiếu thông tin về diễn biến thiên tai, hiện có từ 40 - 50% hộ dân không nghe được thông tin từ loa truyền thanh.</li> <li>- Xu hướng bão, nước biển dâng xảy ra trên địa bàn ngày càng cao hơn, mạnh hơn vượt khả năng chống chịu đối với nhà ven đê biển.</li> <li>- Cán bộ và lực lượng cứu hộ, cứu nạn thiếu kiến</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 31% nhà kiên cố</li> <li>- 100% đường trục xóm và ngõ xóm được cứng hóa</li> <li>- 100% hộ dân được sử dụng điện với giá chính thức</li> <li>- Quy hoạch đưa 5 trang trại chăn nuôi ra ngoài khu vực dân cư</li> <li>- Có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa và kiến thức phòng chống lụt bão.</li> <li>- Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ của cộng đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nhà kiên cố .</li> <li>- Cần xây dựng cải tạo nâng cấp trường học an toàn gắn điểm sơ tán dân.</li> <li>- Đầu tư sửa chữa nâng cấp 3,6 km đường liên xóm cuống cấp và 50% đường nội đồng, 25% đường dây điện chưa đảm bảo an toàn</li> <li>- Đầu tư xây bể biôga hộ gia đình.</li> <li>- Nâng cao nhận thức trồng và bảo vệ rừng phòng hộ.</li> <li>- Hỗ trợ vay vốn, hoặc một phần kinh phí giúp cho hộ nghèo xây dựng nâng cấp nhà ở. Nên có mô hình nhà chống chịu được thiên tai, thích ứng với</li> </ul>

	<p>thức, kỹ năng và trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thiên tai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người lớn và trẻ em chưa biết bơi chiếm tỉ lệ cao.</li> <li>- Trẻ em nhỏ tự đi học thiếu sự đưa đón của người lớn</li> </ul>		<p>BĐKH lâu dài để hướng dẫn người dân, nhất là các hộ dân sống gần đê.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận động nhân dân tự học bơi.</li> <li>- Người lớn tập bơi cho trẻ em.</li> </ul>
<b><i>Sự tự bảo vệ và bảo vệ cộng đồng</i></b>			
<p><b>Thiệt hại về tính mạng và tài sản do bão lụt</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà và Hệ thống truyền thanh không dây bị xuống cấp, các bảng tin, biển báo ở vùng nguy cơ cao chưa được lắp đặt. Chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay.</li> <li>- Còn 240 m đê biển chưa được cứng hóa (Hợp thành).</li> <li>- Cao trình đê biển thấp, mặt đê nhiều đoạn rạn nứt, lún; còn 8/10 đoạn đê chưa có mỏ kè.</li> <li>- Điểm sơ tán an toàn cho dân trong thiên tai xa; trường học xuống cấp không an toàn, nhà thờ, cao trình xây dựng thấp không thể làm chỗ sơ tán cho nhân dân khi có bão, do đó phải di chuyển lên xã Hải Tân và Hải Hà.</li> <li>- Rừng phòng hộ bị phá hủy, thiếu chăm sóc bảo vệ.</li> <li>- Đội ứng phó cộng đồng chưa được tập huấn thường xuyên, thiếu kiến thức kỹ năng cứu hộ cứu nạn và chưa được trang bị</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban chỉ huy phòng chống lụt bão bố trí phân công cụ thể từng thành viên phụ trách địa bàn dân cư (theo phương châm 4 tại chỗ ).</li> <li>- Hệ thống loa truyền thanh thông tin cảnh báo được từ 40-50% đến xóm.</li> <li>- Đã thành lập và phân công lực lượng ứng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư nâng cấp nhà, hệ thống truyền thanh, lắp đặt các bảng tin cảnh báo tại cộng đồng.</li> <li>- Cần được tập huấn, trang bị kiến thức, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa như xuống máy, máy phát điện, âm thanh lưu động, loa cầm tay...</li> <li>- Xây bể bơi, tập huấn bơi, tập huấn sơ cấp cứu cho cộng đồng và trường học</li> <li>- Tuyên truyền tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân, giáo</li> </ul>

	<p>các dụng cụ, thiết bị (thuyền, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, ủng,...)</p> <p>- Một số hộ dân còn chủ quan trong công tác phòng chống lụt bão.</p>	<p>phó tại các từ 30-40 người.</p>	<p>viên và học sinh về kiến thức PNTN và biến đổi khí hậu.</p> <p>- Đầu tư nâng cấp trường học an toàn trước thiên tai gắn với điểm sơ tán dân khi có thiên tai.</p>
<p><b><i>Tổ chức xã hội và chính quyền</i></b></p>			



<p><b>Công tác điều hành phòng chống thiên tai lụt bão còn khó khăn</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu kinh phí, điều kiện phương tiện cho việc phục vụ phòng chống thiên tai.</li> <li>- Sự phối kết hợp giữa các tổ chức, các ngành và người dân chưa chặt chẽ, đồng bộ trước, trong và sau thiên tai.</li> <li>- Việc lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã còn hạn chế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban chỉ huy phòng chống lụt bão xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể tới các xóm.</li> <li>- Có kế hoạch khi có thiên tai tổ chức ứng trực 24/24 kể cả các thành viên BCH và lực lượng ứng phó, đặt biệt là sẵn sàng ứng phó ở các vùng xung yếu.</li> <li>- Hàng năm có tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm công tác phòng chống thiên tai và đề ra kế hoạch năm tiếp theo.</li> <li>- Đã có 3 điểm canh đê phòng chống lụt bão</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần tập huấn và trang bị cho các thành viên BCH PCLB và đội xung kích cứu hộ cứu nạn.</li> <li>- Cần có cơ chế chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện phòng chống thiên tai, kêu gọi nguồn lực thực hiện nhiều hơn, tốt hơn các biện pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng BĐKH.</li> <li>- Cần tiếp nhận và triển khai các dự án giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng BĐKH như dự án VFD.</li> <li>- Cần lồng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; các chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể xã hội.</li> <li>- Quan tâm các chính sách phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo gắn quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng BĐKH. Duy trì diễn tập phòng ngừa UPTH hàng năm.</li> </ul>
---	--	---	---

Bảng 7. Phân tích TTDTBT, KN theo 5 hợp phần

#### **4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro**

##### **4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng**

Qua đánh giá thu thập và phân tích thông tin và qua phỏng vấn 20 hộ về rủi ro thiên tai, có 16 ý kiến lo sợ sập nhà; 19 ý kiến lo sợ thiệt hại tài sản; 13 ý kiến mất liên lạc; 12 ý kiến lo sợ tai nạn thương tích; 13 ý kiến lo sợ chết người, 12 ý kiến sợ chết cây trồng, 13 ý kiến lo sợ chết vật nuôi và 7 ý kiến lo lắng mất đất sản xuất. Do

vậy, Nhóm đánh giá nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng xã Hải Đông sau đây:

- Về an toàn tính mạng và tài sản người dân trước thiên tai là vấn đề bức xúc của người dân lo lắng vỡ đê, khi có mưa bão lớn (bão gió mạnh từ cấp 10 trở lên). Bên cạnh về kiến thức kỹ năng, phương tiện cứu hộ cứu nạn cho lực lượng cứu hộ và người dân còn thiếu và chưa có, hộ dân sống ven đê biển nhà ở thiếu kiên cố, xuống cấp nhiều, đường đi sơ tán xa, số lượng cần sơ tán nhiều và phải đi sơ tán sang xã Hải Tân và Hải Hà.

- Sinh kế của người dân xã Hải Đông chủ yếu là trồng lúa, chăn nuôi, trồng màu, làm muối, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại đều chịu ảnh hưởng, tác động thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Trồng lúa hai vụ bắp bênh do thời tiết khắc nghiệt, phát sinh dịch bệnh, côn trùng phá hại mùa màng. Diện tích trồng lúa có từ 10 - 20% thường ngập úng vụ mùa và nhiễm mặn vụ chiêm. Nhưng người dân có kinh nghiệm thực hiện chuyên đổi mùa vụ giống cây trồng tránh thiên tai nên giữ được năng suất, sản lượng lương thực đảm bảo đủ ăn, có tích lũy dự trữ cho địa phương và góp phần cung cấp lương thực ra ngoài tỉnh.

- Thực trạng diện tích đất trồng màu được kết hợp trồng cây vụ đông trên đất hai lúa và đất gò màu có hiệu quả, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông nhàn và lao động ngoài độ tuổi lao động như người già, trẻ em tham gia phát triển kinh tế gia đình, tăng thêm thu nhập cải thiện đời sống.

- Trồng cây cảnh là một trong các loại hình sinh kế năng động và sáng tạo của người dân trong vài năm trở lại đây cho thu nhập cao và đã trở thành làng nghề cung cấp cây cảnh ra nhiều tỉnh trong cả nước, giải quyết lao động có thêm việc làm tại địa phương. Một số hộ trồng xen canh cây Đinh lăng làm dược liệu chưa nhiều nhưng có hiệu quả thêm thu nhập tốt. Nghề cây cảnh đang gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ, giá cả bắp bênh, nhất là cây sanh không còn tiêu thụ được đang là thách thức chuyển đổi cây trồng.

- Chăn nuôi là nghề truyền thống, nhân dân duy trì chăn nuôi giải quyết lao động nông nhàn, tận dụng thức ăn dư thừa, lấy công làm lãi. Chăn nuôi còn nhỏ lẻ, chăn nuôi trang trại còn ít và rủi ro dịch bệnh, lãi thấp, có khi bị thua lỗ, nhưng người dân vẫn chăn nuôi còn kết hợp lấy phân bón cây trồng.

- Nuôi trồng thủy hải sản, nhất là nuôi tôm công nghiệp là lĩnh vực đầu tư vốn lớn, thu nhập khá, giải quyết được nhiều lao động có việc làm nhưng luôn bị ảnh hưởng thời tiết, khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh ở tôm, cá, rủi ro cao.

- Làm muối là nghề đầu tư vốn ít, phù hợp với hộ nghèo, cận nghèo thiếu vốn, lao động phổ thông làm được không đòi hỏi nhiều về kiến thức khoa học kỹ thuật. Nhưng vật tư làm muối tăng cao, giá muối rẻ, tiêu thụ còn khó khăn, thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng sản xuất, giảm sản lượng và chất lượng muối, ảnh hưởng thu nhập đời sống.

- Nghề đánh bắt hải sản gần bờ, phương tiện đánh thuyền nhỏ, do tác động biến đổi khí hậu và ý thức của ngư dân nên nguồn lợi hải sản gần bờ ngày càng cạn kiệt, dẫn đến đánh bắt hải sản thu nhập thấp so với trước, thiếu ổn định bền vững.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại đang mở ra nhưng chưa nhiều, đầu ra còn khó khăn, chưa tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ cho người lao động địa phương và ít rủi ro thiên tai, thu nhập khá, góp phần thu nhập đáng kể của xã. Nhưng thực trạng việc làm không ổn định, thu nhập bấp bênh, lao động thiếu việc làm còn nhiều, hàng năm có khoảng 30 - 40% lao động trong xã phải đi làm ăn xa (ngoài địa phương) để kiếm sống.

- Rác thải, nước thải, phân thải làm ô nhiễm môi trường và chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt chưa đảm bảo ảnh hưởng sức khỏe, dịch bệnh dễ xảy ra ở người và vật nuôi.

#### 4.2. Xếp hạng ưu tiên các vấn đề tại địa phương

ST T	Vấn đề	Cụm 1	Cụm 2	Cụm 3	Xếp hạng toàn xã
1	Người dân lo lắng về an toàn tính mạng, tài sản khi có thiên tai	1	1	1	Hạng 1
2	Người dân thiếu thông tin cảnh báo thiên tai dẫn đến nguy hiểm tính mạng	3	2	2	Hạng 2
3	Sản xuất muối thu nhập thấp ảnh hưởng đến đời sống người dân	2	3	3	Hạng 3
4	Nuôi trồng thủy sản có nguy cơ rủi ro mất vốn ảnh hưởng đến đời sống	4	4	4	Hạng 4
5	Thiệt hại chăn nuôi ảnh hưởng đến thu nhập đời sống	5	5	6	Hạng 5
6	Rừng phòng hộ bị phá hủy ảnh hưởng đến môi trường và tác động bất lợi đến đời sống nhân dân	6	6	5	Hạng 6
7	Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe đời sống nhân dân	7	8	7	Hạng 7
8	Nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt không	8	7	8	Hạng 8

	đảm bảo chất lượng ảnh hưởng đời sống nhân dân				
9	Đánh bắt thủy hải sản ngày càng khó khăn thiếu ổn định giảm thu nhập ảnh hưởng đến đời sống nhân dân	9	9	9	<b>Hạng 9</b>

Bảng 8. Xếp hạng các vấn đề ưu tiên của cộng đồng

Từ 9 vấn đề bức xúc của người dân nêu trên hợp thành 6 vấn đề lớn dưới đây:

### 4.3. Vấn đề, nguyên nhân

#### 4.3.1. Vấn đề 1: Người dân lo lắng không an toàn tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có bão, lụt, nhất là bão lớn (siêu bão).

**Nguyên nhân:** Đê biển dài 5,2 km có cao trình đê thấp, 8/10 đoạn đê chưa có mỏ kè, nhiều đoạn đê xuống cấp rạn nứt và còn 240 m đê đất dễ vỡ khi có mưa bão lớn, kết hợp với nước biển dâng cao tràn đê; có khoảng 2.000 người ở ven đê biển nhưng nhà bán kiên cố, xuống cấp không an toàn trước thiên tai. Người dân còn chủ quan trong phòng chống lụt bão, hiểu biết về kiến thức phòng ngừa ứng phó thiên tai còn hạn chế. Hệ thống thông tin cảnh báo sớm thiếu và yếu (nhà truyền thanh và hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, thiếu cụm loa, chưa có âm ly lưu động, loa cầm tay, tại các vùng xung yếu); rừng phòng hộ bị phá hủy; bãi biển xóm Xuân Hà ngày có đông người trong và ngoài địa phương tắm biển tự phát không được quản lý, nguy cơ đuối nước; lực lượng ứng phó được thành lập đông về số lượng, nhưng năng lực ứng phó hạn chế (chưa được tập huấn kiến thức kỹ năng và chưa được trang bị phương tiện cứu hộ cứu nạn). Khi có thiên tai số lượng cần sơ tán lên đến 3.000 người, nhưng tại địa phương không có điểm sơ tán an toàn (trường học xuống cấp, nhà kiên cố ít, trụ sở UBND xã nhỏ không đủ để sơ tán) phải đi sơ tán đến xã Hải Tân, Hải Hà và Hải Quang; đường đi sơ tán xa, gặp nhiều khó khăn (1,8 km đường 18 đi qua xóm Nam Châu và Trung Đông; 1 km xóm Tây Cát và Hải Điền nhỏ hẹp, xuống cấp).

#### 4.3.2. Vấn đề 2: Người dân lo lắng nghề làm muối thu nhập thấp không đảm bảo đời sống.

**Nguyên nhân:** Do thời tiết cực đoan mưa gió thất thường; giá cả vật tư cho sản xuất cao, giá muối thấp; công cụ sản xuất còn thô sơ, ô nhiễm nguồn nước làm muối do chất thải trong nuôi trồng thủy hải sản, tiêu thụ muối còn khó khăn ảnh hưởng thu nhập đời sống.

#### 4.3.3. Vấn đề 3: Nhân dân lo lắng thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản, nhất là nuôi tôm công nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập.

**Nguyên nhân:** Thời tiết khắc nghiệt nắng mưa bất thường, Ô nhiễm nguồn nước thải nuôi trồng thủy hải sản; chưa có quy hoạch và hệ thống kênh mương riêng dẫn nước ra vào phục vụ cho nuôi trồng thủy sản; thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật; con giống không đảm bảo chất lượng do không có cơ sở bán con giống tại địa phương, phải mua từ nơi khác về không kiểm soát được dịch bệnh.

#### **4.3.4. Vấn đề 4: Nhân dân lo lắng thiệt hại chăn nuôi, ảnh hưởng đến thu nhập đời sống.**

**Nguyên nhân:** Thời tiết thay đổi thất thường, nắng nóng, rét đậm, bão, lụt, chuồng trại chưa phù hợp gây dịch bệnh, nước cuốn trôi vật nuôi; giá cả thức ăn và con giống cao, giá bán thấp, người chăn nuôi chưa có lãi, thu nhập thiếu ổn định.

#### **4.3.5. Vấn đề 5: Người dân lo lắng ảnh hưởng đến sức khỏe do ô nhiễm môi trường và chất lượng nước sinh hoạt chưa đảm bảo.**

**Nguyên nhân:** Rác thải; chất thải chăn nuôi hộ gia đình, gia trại xen kẽ khu dân cư; nhà vệ sinh chưa hợp vệ sinh còn cao, rác thải thu gom tại bãi chưa được xử lý hợp vệ sinh, hệ thống thoát nước tại khu dân cư chưa đảm bảo. Thực trạng nước ăn uống và sinh hoạt từ nguồn nước giếng khoan nhiễm phèn, nhiễm sắt cao.

#### **4.3.6. Vấn đề 6: Ngư dân đánh bắt hải sản lo lắng thu nhập thiếu ổn định, ảnh hưởng đời sống.**

**Nguyên nhân:** Ngư dân chưa có phương tiện và kiến thức đánh bắt xa bờ; phương tiện đánh bắt thô sơ, xuống cấp; trang thiết bị, ngư lưới cụ đánh bắt hải sản thường bị mất cắp; nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt do tác động của biến đổi khí hậu và ngư dân đánh bắt tuyệt chủng nhiều loài hải sản.

### **4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro (xem phụ lục 8).**

## **5. Kết luận và khuyến nghị**

### **5.1. Kết luận 1: Nhân dân lo lắng thiệt hại tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có bão, lụt, nhất là bão lớn (siêu bão).**

#### **Khuyến nghị 1**

##### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Xã cần đề xuất với cấp trên có dự án đầu tư nâng cấp cao trình đê biển, kè kiên cố đoạn đê đất 240 m, bỏ mở kè 8/10 đoạn đê và tu bổ, gia cố các đoạn đê xuống cấp rạn nứt để chống chịu được bão lớn và nước biển dâng cao.

- Nâng cấp, mở rộng 1,8 km đường đi qua xóm Nam Châu và Trung Đồng; 1 km xóm Tây Cát và Hải Điền nhỏ hẹp, xuống cấp đảm bảo việc di dời dân được an toàn thuận lợi trong mùa mưa bão.

- Nâng cấp nhà truyền thanh và cấp hệ thống Đài truyền thanh, lắp thêm các cụm loa tại các vùng xa trung tâm xã, cung cấp trang thiết bị âm ly lưu động, loa cầm tay và các trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa cho xã, các xóm như: phao, áo phao, áo đi mưa, ủng, mũ bảo hiểm, cửa máy và các thiết bị khác cho phòng ngừa ứng phó thảm họa. Đồng thời lắp đặt các bảng tin, biển cảnh báo về thiên tai ở các đoạn đường, đê kè xung yếu, vùng có nguy cơ rủi ro cao nhằm cảnh báo sớm thiên tai, thảm họa cho người dân chủ động phòng chống.

- Khảo sát đánh giá thực trạng rừng phòng hộ bị phá hủy đề xuất dự án trồng bổ sung rừng và có cơ chế chăm sóc bảo vệ rừng bền vững nhằm chắn gió, chắn cát, giảm tác động triều cường, nước biển dâng.

- Sớm đề nghị có đánh giá thực trạng cơ sở trường học xuống cấp, kêu gọi, tìm nguồn đầu tư sửa chữa nâng cấp trường học cao tầng và trang thiết bị, nâng cấp công trình nước sạch, nhà vệ sinh đủ chuẩn, an toàn trước thiên tai, với xây dựng các điểm tránh trú sơ tán dân an toàn, tiến đến đảm bảo đủ điều kiện sơ tán dân khi thiên tai xảy ra không phải sơ tán dân qua xã Hải Tân, Hải Hà và Hải Quang.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tìm kiếm nguồn lực tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa và biến đổi khí hậu cho cán bộ lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã, HTX, trưởng xóm, tình nguyện viên, giáo viên và học sinh. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về PNUPTH cho người dân nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, thảm họa và thích ứng BĐKH.

- Vận động nguồn lực giúp đỡ hộ nghèo và cận nghèo có điều kiện nâng cấp nhà ở an toàn; hỗ trợ kinh phí, cho vay lãi suất thấp. Đặc biệt quan tâm đối với sửa chữa nâng cấp nhà ở cho các hộ dân sống ven đê biển thường xuyên đối mặt với gió bão, nước biển dâng.

- Thông tin cảnh báo kịp thời đối với ngư dân không được khai thác đánh bắt hải sản khi có gió bão, đề phòng chìm thuyền ảnh hưởng tính mạng, mất tài sản, lưới cụ. Đối với các hộ nuôi tôm công nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản khác như nuôi cá nước lợ, ngọt và nuôi vạng có biện pháp trông coi ao đầm an toàn trước thiên tai về tính mạng và tài sản.

- Kêu gọi nguồn tài trợ kinh phí xây dựng mô hình nhà ở hộ dân an toàn trước thiên tai phù hợp với địa phương để người dân làm theo (có thể xây theo mẫu nhà phòng chống lụt bão của Bộ xây dựng). Có kế hoạch với nhiều giải pháp hỗ trợ người dân vay vốn sửa chữa nâng cấp nhà ở an toàn, nhất là hỗ trợ kinh phí cho hộ nghèo, cận nghèo qua nhiều nguồn lực ủng hộ giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài địa phương, của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, các tôn giáo, nhà tài trợ theo mục tiêu chương trình dự án để họ có cơ hội cải thiện nhà ở an toàn.

- Đối với bãi biển dài 3 km thuộc xóm Xuân Hà đang trở thành bãi tắm, thu hút nhân dân bao gồm trẻ em trong và ngoài xã, nhất là ngày lễ, ngày nắng, nóng mùa hè. Như vậy ở đây có nhu cầu dịch vụ tắm biển gắn với du lịch sinh thái, gắn với học bơi và dạy bơi với quản lý giảm thiểu rủi ro đuối nước do tắm biển và đuối nước trong thiên tai. Xã nên sớm có đề án trình cấp trên cho phép quy hoạch dịch vụ bãi tắm biển và dịch vụ du lịch sinh thái, tạo thêm việc làm cho người dân, gắn với xây dựng cảnh quan sạch đẹp văn minh xã nhà.

### **Đối với cộng đồng:**

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai.
- Hướng dẫn người dân chủ động dự trữ lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, chằng chống nhà cửa, kê đồ đạc lên cao, chăm sóc người già, trẻ em, người khuyết tật khi có bão, lụt và sẵn sàng sơ tán đến nơi trú ẩn an toàn.
- Phát huy tinh thần đoàn kết cộng đồng tương thân tương ái, giúp nhau trong phòng ngừa ứng phó thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất về rủi ro thiên tai, thảm họa.
- Đóng góp nguồn lực vật chất cùng với chính quyền triển khai các biện pháp giảm thiểu rủi ro ngay tại cộng đồng giải quyết những bức xúc và cấp thiết tại các khu dân cư như nâng cấp mở rộng đường cứu hộ, làm nhà cộng đồng hoặc công trình an toàn để tránh trú an toàn khi có thiên tai.

## **5.2. Kết luận 2: Người dân lo lắng nghề làm muối thu nhập thấp không đảm bảo đời sống .**

### **Khuyến nghị 2:**

#### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Nghề làm muối của xã là nghề truyền thống thu hút số đông lao động nam, nữ tham gia, phần lớn thuộc hộ nghèo, cận nghèo, kinh tế khó khăn phải bám nghề, nhưng thu nhập thấp, nên địa phương cần quan tâm có kiến nghị Nhà nước có chính sách trợ giá như cho vay vốn lãi suất thấp, điều chỉnh giá vật tư, thiết bị làm muối, giá muối bán ra và bao tiêu sản lượng muối, tạo thu nhập ổn định, yên tâm làm ăn, gắn bó với nghề nghiệp lâu dài, bền vững.
- Cần có quy hoạch phân vùng nuôi trồng thủy hải sản và làm muối riêng biệt gắn với hệ thống cung cấp nước vào và ra riêng, tránh tình trạng nước thải nuôi trồng thủy sản ô nhiễm nước làm muối.
- Kiến nghị các ngành, cơ quan cấp trên có thẩm quyền có các chương trình dự án đầu tư thiết bị làm muối sạch, tạo điều kiện người dân nâng cao sản lượng và chất lượng muối cung cấp cho thị trường, trong đó đảm bảo nhu cầu nguyên liệu cho 2

Công ty chế biến muối Iốt đóng trên địa bàn một cách ổn định không để vì số lượng và chất lượng muối thấp, Công ty chế biến muối phải nhập muối ngoài địa phương.

**Đối với cộng đồng:**

- Thực hiện đoàn kết giúp nhau về vốn, vật tư, kỹ thuật làm muối có hiệu quả.
- Các Đoàn thể phối hợp các giải pháp thiết thực hỗ trợ đoàn viên, hội viên về vốn, vật tư, để làm muối có lãi, phát triển kinh tế gia đình bền vững; theo dõi và thực hiện vai trò giám sát phản biện nhằm kiến nghị có hiệu quả đến các ngành, các cấp thực hiện tốt các chủ trương chính sách hỗ trợ phát triển nghề muối ở địa phương.

**5.3. Kết luận 3: Thiệt hại chăn nuôi, ảnh hưởng đến thu nhập đời sống người dân.**

**Khuyến nghị 3**

**Đối với chính quyền địa phương:**

- Quan tâm khuyến khích mô hình chăn nuôi trang trại bằng cách có quy hoạch đất xây dựng trang trại chăn nuôi xa khu dân cư theo mô hình hợp vệ sinh, giảm phát thải ô nhiễm môi trường; Khuyến khích các tổ chức cá nhân liên kết vốn, tổ chức nhiều cơ sở dịch vụ thú y, cung cấp giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm thuận lợi.

- Tạo điều kiện cho vay vốn chăn nuôi trang trại, chăn nuôi hộ gia đình.

- Thường xuyên tổ chức hội nghị, tập huấn, hội thảo chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm chăn nuôi cho người dân và hội nghị biểu dương cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi giỏi, làm ăn có hiệu quả để động viên, nhân rộng mô hình.

- Tổ chức tốt mạng lưới cán bộ thú y đến với hộ chăn nuôi, thực hiện đều đặn công tác tiêm phòng, ngừa dịch bệnh và dập dịch kịp thời khi có bệnh dịch ở gia súc gia cầm xảy ra. Đồng thời tư vấn, hướng dẫn nhân dân làm chuồng, trang trại chăn nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, thích nghi với mùa nắng nóng và mùa đông, giảm thiểu rủi ro do thiên tai dịch bệnh như ngập lụt chuồng trại, gia súc gia cầm bị cuốn trôi, hoặc vật nuôi bị dịch bệnh do thời tiết khí hậu nắng nóng, rét đậm, rét hại.

**Đối với cộng đồng:**

- Vận động hộ chăn nuôi thực hiện đoàn kết giúp nhau về vốn, giống, kiến thức, kinh nghiệm chăn nuôi.

- Thực hiện vệ sinh chuồng trại, chăn nuôi hợp vệ sinh, giảm phát thải ô nhiễm môi trường, phòng ngừa dịch bệnh vật nuôi.

**5.4. Kết luận 4: Nuôi trồng thủy hải sản là nghề đầu tư lớn nhưng cũng chịu nhiều rủi ro.**

**Khuyến nghị 4**



### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Cần sớm quy hoạch nuôi trồng thủy hải sản, tạo điều kiện làm kênh mương riêng dẫn nước vào ra ao hồ nuôi trồng thủy hải sản tránh ô nhiễm nguồn nước do nhiễm thuốc trừ sâu, chất thải, nước thải gây thiệt hại về sản lượng tôm, cá.

- Tổ chức tuyên truyền cho người dân có kiến thức khoa học kỹ thuật về nuôi trồng thủy hải sản, tổ chức nhiều hơn các hình thức tập huấn, hội thảo, hội nghị, cung cấp tài liệu giới thiệu kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm nuôi trồng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi trồng thủy hải sản có hiệu quả.

- Cần có chủ trương, chính sách như cấp đất, cho thuê đất dài hạn, cho vay vốn lãi suất thấp, thực hiện miễn giảm thuế nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương liên kết vốn, kỹ thuật sản xuất con giống các loài hải sản tại địa phương và dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi trồng thủy hải sản, tiêu thụ sản phẩm đầu ra thuận lợi. Trước mắt giới thiệu các nhà cung cấp con giống chất lượng tốt ở ngoài địa phương cho người dân có nhiều cơ hội lựa chọn giống đạt chuẩn để nuôi trồng phòng tránh dịch bệnh; tạo điều kiện cung cấp con giống đảm bảo chất lượng, có khả năng miễn dịch cao.

- Quan tâm tổ chức các lớp tập huấn cho các hộ nuôi trồng thủy hải sản về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, cung cấp thông tin, cảnh báo sớm và hướng dẫn các biện pháp an toàn ao, đầm trước thiên tai.

- Cho vay vốn tạo điều kiện hộ nuôi trồng thủy hải sản có kinh phí gia cố ao đầm chịu được tác động thiên tai, giảm thiểu thiệt hại.

- Quan tâm thông tin cảnh báo sớm thiên tai và diễn biến thiên tai để nhân dân chủ động biện pháp an toàn về người, và an toàn ao đầm nuôi trồng thủy hải sản, nhất là nuôi vạng ở ngoài đê.

### **Đối với cộng đồng:**

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai kịp thời cho hộ nuôi trồng thủy hải sản bằng nhiều cách, chú trọng cảnh báo qua tin nhắn điện thoại di động.

- Phát huy tinh thần đoàn kết bảo vệ ao, đầm an toàn, sẵn sàng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.

- Chia sẻ kinh nghiệm xử lý ao đầm vệ sinh, cho thức ăn vừa đủ xuống ao đầm, cách xử lý rong rêu chết gây ô nhiễm ao đầm có hiệu quả, phòng ngừa dịch bệnh tôm, cá.

**5.5. Kết luận 5: Nhân dân lo lắng ô nhiễm môi trường, nguồn nước ăn, uống, sinh hoạt không đảm bảo ảnh hưởng sức khỏe.**

### **Khuyến nghị 5**

### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về giữ gìn vệ sinh, tích cực tham gia thu gom và xử lý rác thải hợp vệ sinh. Sớm có biện pháp xử lý rác thải tại bãi rác hợp vệ sinh, tăng tần suất thu gom rác thải, tránh tình trạng rác thải tồn đọng tại hộ gia đình, khu dân cư gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng sức khỏe người dân.

- Hỗ trợ hộ nghèo và cận nghèo có điều kiện làm hố xí hợp vệ sinh. Chủ động kêu gọi nguồn kinh phí thông qua các Hội, đoàn thể, nhà tài trợ để hỗ trợ các hộ chăn nuôi có điều kiện làm hầm biôga xử lý phân vật nuôi hợp vệ sinh, có khí đốt dùng trong hộ dân, tiết kiệm chi phí chất đốt, cùng với việc hướng dẫn người dân làm hố ga xử lý nước thải hợp vệ sinh làm sạch môi trường, phòng ngừa bệnh dịch xảy ra từ ô nhiễm môi trường. Về lâu dài nên có quy hoạch xây dựng hệ thống xử lý nước thải công cộng, xây dựng các mô hình xử lý nước thải, chất thải chăn nuôi hợp vệ sinh. Trước mắt cần quy hoạch và vận động nhân dân xây dựng trang trại chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, giảm phát thải ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe người dân.

- Cần xây dựng các mô hình và vận động nhân dân thu gom rác thải bao bì, chai lọ thuốc trừ sâu đúng nơi qui định, tránh gây ô nhiễm thuốc trừ sâu ảnh hưởng đến nguồn nước làm muối và nuôi trồng thủy hải sản.

- Thực trạng nước dùng từ giếng khoan để ăn, uống và sinh hoạt chưa đảm bảo chất lượng do người dân cho rằng có nhiều tạp chất, nên cần có kiến nghị ngành chức năng gửi xét nghiệm mẫu nước để có khuyến cáo cho người dân cách xử lý và dùng nước hợp vệ sinh đảm bảo sức khỏe. Đồng thời có kế hoạch tuyên truyền cho người dân tiết kiệm nước ngay từ bây giờ bằng cách hướng dẫn dự trữ, bảo quản và sử dụng nước mưa hợp vệ sinh, khai thác mạch nước ngầm hợp lý, thí điểm và hướng dẫn mô hình xây bể lọc nước sạch hộ gia đình, cộng đồng, trường học hợp vệ sinh. Đồng thời sớm có kế hoạch xây dựng đề án cung cấp nước sạch tập trung cho người dân trong tương lai gần.

### **Đối với cộng đồng:**

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải, nước thải, phân chăn nuôi gia súc gia cầm và làm hố xí hợp vệ sinh phòng chống các bệnh dịch xảy ra ở người lây qua đường nước, vệ sinh môi trường.

**5.6. Kết luận 6: Ngư dân đánh bắt hải sản lo lắng thu nhập thiếu ổn định, ảnh hưởng đời sống.**

### **Khuyến nghị 6**

### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Tạo điều kiện cho ngư dân vay vốn đóng tàu thuyền công suất lớn đánh bắt xa bờ; khuyến khích ngư dân đầu tư lớn cho đánh bắt xa bờ có thu nhập ổn định và tạo điều kiện phát triển dịch vụ nghề cá, chế biến thủy hải sản tạo điều kiện lao động có thêm việc làm.

- Thực hiện thông tin cảnh báo sớm về tình hình diễn biến thiên tai, nhất là gió bão kịp thời để ngư dân chủ động phòng ngừa né tránh thiên tai.

- Tổ chức lực lượng dân phòng tăng cường tuần tra kiểm soát ban đêm ở khu vực thuyền neo đậu và đánh bắt, bảo vệ phương tiện ngư lưới cụ, tạo điều kiện ngư dân yên tâm đầu tư đánh bắt.

- Trước mắt động viên ngư dân không bỏ nghề, chuyển nghề, duy trì đánh bắt gần bờ nhưng nghiêm cấm việc dùng xung điện, dùng lưới nhỏ bắt tất cả các loài hải sản lớn nhỏ làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản.

### **Đối với cộng đồng:**

Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai kịp thời cho ngư dân, chú trọng cảnh báo qua tin nhắn điện thoại di động.

- Phát huy tinh thần đoàn kết bảo vệ thuyền, phương tiện, ngư lưới cụ an toàn, sẵn sàng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm khai thác đánh bắt hải sản an toàn, hiệu quả.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

✚ Báo cáo “*kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014*” số 28/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2013 xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

✚ Báo cáo “*phòng chống lụt bão*” xã Hải Đông năm 2013.

✚ Báo cáo tổng kết của Hội Phụ nữ xã năm 2013.

✚ Sổ tay dành cho hướng dẫn viên đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam GPXB số 77/GP-CXB ngày 29/8.

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ VCA

#### Thành viên Nhóm đánh giá VCA

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức danh
01	Bà Hoàng Thị Huyền	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	<i>Trưởng nhóm</i>
02	Ông Đới Văn Quang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
03	Ông Nguyễn Văn Hậu	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
04	Ông Trần Quốc Đại	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
05	Ông Ngô Ngọc Gang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
06	Bà Cao Thị Giang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên

#### Nhóm hỗ trợ kỹ thuật:

- Ông Trần Đình Ký, Tập huấn viên VCA cấp Quốc gia, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.
- Bà Đinh Thị Minh Nguyệt, Cán bộ dự án, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

#### Nhóm hỗ trợ hậu cần:

Nguyễn Thị Sen, nhân viên phục vụ văn phòng UBND xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

## PHỤ LỤC 2. BẢNG PHÂN TÍCH SWO

<b>SINH KẾ</b>	
<b>ĐIỂM MẠNH</b>	<b>ĐIỂM YẾU</b>
<p>Sinh kế của xã đa dạng ngành nghề, lao động cơ bản có việc làm tăng thu nhập đời sống nhân dân và tạo điều kiện phát triển kinh tế - văn hoá xã hội của xã.</p> <p>* Nghề trồng lúa sản xuất 2 vụ trong năm đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp lương thực cho địa phương, trồng lúa với diện tích 315,88 ha chiếm trên 70% số hộ trồng lúa trong đó lao động nữ là 53%, lao động nam là 47%. Hệ thống kênh mương thường xuyên được nạo vét phục vụ cho sản xuất. năng suất lúa bình quân đạt 120 tạ/ha trong đó vụ chiêm chiếm 72 tạ/ha (2 tạ - 2,1 tạ/sào), vụ chiêm chiếm 48 tạ/ha (1,7 tạ/sào), gieo cấy trên đất không cày giảm được rất nhiều chi phí (có 252 ha). Có khoảng 45 máy cày, máy bừa nhỏ, Hàng năm trung tâm giống cây trồng phối hợp cùng ban nông nghiệp tổ chức lớp tập huấn hướng dẫn người dân chăm sóc và trồng cấy, ở địa phương có 4 cơ sở dịch vụ cung cấp giống, vật tư phục vụ cho sản xuất. Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, chọn giống lúa đạt năng suất cao để gieo trồng như tạp giao, Q5, xy21, xy23</p> <p>- Có tổ đội công từ 5 đến 10 người</p> <p>* Nghề trồng màu cung cấp rau, củ trong và ngoài địa phương góp phần tăng thu nhập đời sống</p> <p>- Trồng màu với các loại cây chủ yếu như cà chua, bí xanh, ngô... với diện tích khoảng 40 ha chiếm 70% số hộ trồng màu trong đó lực lượng lao động chính là nữ chiếm 53%, hàng năm thu nhập được 1,5 – 2 triệu/sào/năm.</p> <p>* Nghề chăn nuôi lợn, gà, vịt... người dân tích cực duy trì chiếm 70 - 75% số hộ gia đình, trong xã có 5 trang trại lớn (nuôi khoảng 8000 con gà và 120 đến 400 con lợn) thu nhập từ 500 – 700 triệu đồng/trang trại/năm, và có 31 gia trại (nuôi khoảng 1500 con gà và 50 con lợn) thu nhập 100 – 200 triệu đồng/gia trại/năm, ngoài ra các lợn,</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất trồng lúa thường bị chua và bị xâm nhập mặn</li> <li>- Lực lượng lao động còn mỏng chưa cân bằng giữa nam và nữ</li> <li>- Chưa áp dụng tốt một số tiến bộ khoa học kỹ thuật (chưa có máy gặt)</li> <li>- Hệ thống kênh mương chưa đảm bảo (khi cần nước thì thiếu, khi cần tiêu nước thì tiêu chậm)</li> <li>- Phương tiện sản xuất còn thủ công, chủ yếu dựa vào sức người</li> <li>- Chi phí cho giống cây trồng và vật tư cao, giá sản phẩm bấp bênh không ổn định</li> <li>- ý thức của người dân chưa cao, rác thải, vỏ bao bì thuốc trừ sâu, phân bón vứt bừa bãi làm ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước trong sinh hoạt và trong sản xuất</li> <li>- Hệ thống nước tưới tiêu chưa đảm bảo</li> <li>- Chi phí giống và vật tư cao</li> <li>- Giá cả thấp, bấp bênh</li> <li>- Gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm</li> </ul>

gà, vịt còn được nuôi nhỏ lẻ trong các hộ gia đình. Lực lượng lao động chăn nuôi nhỏ lẻ hộ gia đình nữ chiếm 80%, trong trang trại và gia trại chủ yếu là nam chiếm 80% – 90%.

- Chủ động được 50% giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi nhỏ tại hộ gia đình

- Nguồn nước sử dụng là nước giếng khoan cung cấp đầy đủ cho chăn nuôi

- Có 1 cơ sở thú y do hợp tác xã quản lý phục vụ chăn nuôi hộ gia đình, ngoài ra trang trại và gia trại chủ động được hướng dẫn từ các công ty cung cấp giống và vật tư

- 100% trang trại và gia trại có xây hồ biôga để chứa chất thải. Có kinh nghiệm, thường xuyên được học tập, tập huấn và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi

\* Sản xuất muối với diện tích là 50 ha, số hộ tham gia là 450 hộ (800 lao động). Hàng năm đạt năng suất 3 – 3,5 tấn/sào/năm (110 tấn/ha/năm), thu nhập từ 12 – 13 triệu đồng/người/năm

- Địa phương nằm trên địa hình phù hợp với nghề làm muối, có nguồn nước từ biển vào, chi phí đầu tư thấp so với các ngành nghề khác khoảng 15% thu nhập

- Trên địa bàn xã có 2 công ty chế biến muối sạch, đó cũng là điều kiện giải quyết lao động tại địa phương

- Hàng năm người dân làm muối được tập huấn, nâng cao kiến thức

\* Nuôi trồng thủy hải sản (Tôm thẻ chân trắng, cua, cá...) chiếm khoảng 15 – 20% hộ gia đình có ao đầm nuôi trồng nước mặn, trong các hộ gia đình nuôi nước ngọt và lợ chiếm khoảng 50% hộ, lực lượng lao động chủ yếu là nam chiếm 90%. Thu nhập hàng năm từ 500 – 800 triệu đồng, từ 300 – 400 triệu đồng (cá điêu hồng)

- Nghề nuôi trồng thủy hải sản đã được áp dụng

- Chất lượng con giống và thức ăn còn chưa đảm bảo, giá thành cao chi phí mất khoảng 60% thu nhập

- Giá sản phẩm không ổn định, nhiều thời điểm khó tiêu thụ

- Chưa có cơ sở cung cấp con giống và vật tư với số lượng lớn cho các trang trại và gia trại vẫn phải lấy từ nơi khác về

- Cơ sở dịch vụ thú y và cán bộ thú y có trình độ phục vụ chăn nuôi tại địa phương còn thiếu

- 30% các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hồ biôga để xử lý chất thải dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường

- Phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên sản phẩm làm ra không đảm bảo cung cấp cho thị trường

- Phương tiện sử dụng trong nghề làm

<p>tiến bộ khoa học kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm các hộ nuôi trồng được tập huấn các kiến thức về chăm sóc con giống, tránh dịch bệnh để đạt năng suất cao</li> <li>* Đánh bắt thủy hải sản ngoài biển (gần bờ) chiếm khoảng 10% hộ gia đình, có khoảng 200 thuyền nhỏ và 30 mùng, mảng; lực lượng đánh bắt là nam giới, thu nhập khoảng 10- 12 triệu/táng.</li> <li>- Ngư dân có kinh nghiệm trong nghề đánh bắt, thường xuyên theo dõi, nắm bắt thông tin thời tiết trên các phương tiện thông tin.</li> <li>* Trồng cây cảnh: Chiếm khoảng 20% hộ gia đình, thu nhập hàng năm khoảng 950 triệu đồng trong toàn xã, bên cạnh đó xen kẽ là trồng cây được liệu đem lại thu nhập khá cho người dân trong xã</li> <li>* Nghề thợ mộc: trên địa bàn xã có khoảng 10 xưởng mộc trong đó có 1 xưởng điêu khắc, mỗi xưởng có khoảng từ 10 – 15 công nhân, lực lượng lao động chủ yếu là nam giới, giải quyết được một số lao động tại địa phương với mức thu nhập tương đối ổn định 3 – 4 triệu/người/tháng</li> <li>* Thợ may: Trong địa bàn xã có 8 xưởng may, mỗi xưởng từ 25 – 50 người, lực lượng chủ yếu là nữ, lao động thu nhập từ 2 – 2,5 triệu đồng/người/tháng</li> <li>* Mây tre đan: Tận dụng được thời gian nông nhàn trong ngày, lực lượng lao động chủ yếu là nữ giới, trong địa bàn xã có khoảng 100 – 200 lao động, thu nhập 3 triệu đồng/người/tháng</li> </ul>	<p>muối còn thiếu và thô sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa áp dụng được khoa học kỹ thuật vào làm muối</li> <li>- Sản phẩm làm ra chưa đảm bảo chất lượng vì sản xuất muối xen kẽ với ngành nuôi trồng thủy hải sản</li> <li>- Nguồn nước sản xuất muối sử dụng chung với hệ thống nước của nuôi trồng thủy hải sản</li> <li>- Đầu ra còn gặp nhiều khó khăn, tư thương ép giá, thị trường tiêu thụ không rộng rãi.</li> <li>- Chi phí đầu tư con giống, vật tư cao chiếm 60 – 70% tổng thu nhập</li> <li>- Chưa có cơ sở cung cấp con giống và vật tư tại địa phương</li> <li>- Kiến thức nuôi trồng còn hạn chế</li> <li>- Con giống chưa đảm bảo chất lượng dẫn đến dịch bệnh nhiều</li> <li>- Nguồn nước trong nuôi trồng chưa có hệ thống riêng còn chung với nghề làm muối</li> <li>- Phương tiện nuôi trồng còn thiếu</li> <li>- Lực lượng lao động trong nghề đánh bắt mỏng</li> <li>- Phương tiện đánh bắt còn thô sơ</li> <li>- Thiếu các trang thiết bị cần thiết như áo phao, phao cứu sinh</li> <li>- Nghề đánh bắt công việc bấp bênh, thu nhập không ổn định (10 – 15 ngày/tháng</li> <li>- Chi phí đầu tư cao</li> <li>- Thị trường tiêu thụ khó khăn</li> </ul>
---	---



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu ra giá cả bấp bênh, không ổn định</li> <li>- Sản phẩm làm ra khó khăn trong việc tiêu thụ</li> <li>- Lực lượng lao động mỏng</li> <li>- phương tiện sản xuất còn thô sơ, chủ yếu là làm thủ công</li> <li>- Tay nghề còn hạn chế</li> <li>- Lực lượng lao động ít</li> <li>- Thu nhập không ổn định</li> <li>- Công việc bấp bênh</li> <li>- Phụ thuộc vào số lượng hàng tại các cơ sở may</li> <li>- Số lao động ít</li> <li>- Công việc không ổn định</li> <li>- Đầu ra gặp nhiều khó khăn</li> <li>- Tay nghề còn hạn chế</li> </ul>
<b>CƠ HỘI</b>	<b>THÁCH THỨC</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà nước đã hỗ trợ ở một số ngành nghề (hỗ trợ 320 kg hạt rau giống, cấp phát 40 lít thuốc khử trùng, tiêu độc)</li> <li>- Thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời tiết không thuận lợi</li> <li>- Ngập úng, mưa, bão</li> <li>- Dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi</li> <li>- Thiếu vốn đầu tư</li> <li>- Giá cả thấp, không ổn định</li> <li>- Thị trường tiêu thụ khó khăn</li> </ul>
<b>ĐIỀU KIỆN SỐNG CƠ BẢN</b>	
<b>ĐIỂM MẠNH</b>	<b>ĐIỂM YẾU</b>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà kiên cố chiếm tỷ lệ 31% ;</li> <li>- 100% đường giao thông liên xã và đường đồng xóm đã được cứng hóa. 70% đường nội đồng được cứng hóa.</li> <li>- Điện lưới quốc gia phục vụ 100% hộ dân trong xã</li> <li>- Giáo dục: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường tiểu học có 20 lớp, 30 giáo viên và 660 học sinh, chia làm 2 khu được xây dựng kiên cố và bán kiên cố.</li> <li>+ Trường trung học có 12 lớp, 30 giáo viên và 469 học sinh. 100% giáo viên đã đạt chuẩn và trên chuẩn</li> <li>+ Trường mầm non có 16 lớp, 32 giáo viên và 428 cháu chia làm 3 khu được xây dựng kiên cố và bán kiên cố.</li> </ul> </li> <li>* Cả 3 cấp học đều đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 1.</li> <li>Trạm y tế đã đạt chuẩn quốc gia với 6 cán bộ trong đó 1 bác sĩ, 2 y sĩ 1 nữ hộ sinh, 1 điều dưỡng, 1 CB dược.</li> <li>72% người dân tham gia bảo hiểm y tế.</li> <li>60 % phụ nữ sinh đẻ tại trạm y tế. Các chương trình y tế quốc gia được địa phương thực hiện đầy đủ như : Tiêm chủng mở rộng, Dân số kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV/AIDS</li> <li>9/9 xóm có cán bộ y tế được đào tạo chuyên môn.</li> <li>- Có đội , xe thu gom rác thải 8 lần/ tháng.</li> <li>- 95 % người dân dùng nước giếng khoan và nước mưa để sinh hoạt.</li> <li>-95 % hộ dân có hồ xí hợp vệ sinh</li> <li>- Đa số các gia trại và trang trại chăn nuôi đều xây hầm Bioga để xử lý chất thải.</li> <li>- 9/9 xóm xây dựng được nhà văn hóa bằng nguồn đóng góp chủ yếu của người</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà bán kiên cố 69% , xuống cấp không đảm bảo trước mùa mưa bão 05%</li> <li>- Có khoảng 25% hệ thống đường dây điện tại một số cụm dân cư chưa đảm bảo , không an toàn nhất là trong mùa mưa bão. Công suất điện chưa đáp ứng cho nhu cầu cho sản xuất.</li> <li>- Có 3,6 km đường liên xóm (Nam Giang, Hải Điền, Nam Châu đã xuống cấp gây khó khăn cho việc cứu hộ cứu nạn khi có tình huống khẩn cấp.</li> <li>- 30 % đường nội đồng chưa được cứng hóa</li> <li>- Trường trung học cơ sở có 13 phòng học và phòng chức năng đã xuống cấp đang phải sửa chữa; trường tiểu học có 4 phòng học xuống cấp, khu B thiếu phòng chức năng.</li> <li>- Tỷ lệ sinh con thứ 3 quá cao chiếm 26 %</li> <li>Trạm y tế xuống cấp (Đã xây từ năm 1990); Đa số các trang thiết bị tại trạm còn thiếu ( mới có 1 máy khí rung).</li> <li>- Chất lượng nước giếng khoan còn nhiễm sắt, nhiễm mangan ; nước mưa còn nhiều tạp chất. Có khoảng 90% hộ dân chưa sử dụng bể lọc hay máy lọc nước dùng trong sinh hoạt.</li> <li>- Hệ thống loa truyền thanh không dây do đầu tư đã lâu nay xuống cấp nghiêm trọng nên 40 % người dân chưa được tiếp cận với phương tiện truyền thông của xã .</li> <li>- Hệ thống thoát nước khu dân cư chưa được đảm bảo , nước thải chưa được xử lý , chảy thẳng ra kênh, sông gây ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Các kênh ngòi còn bị ách tắc dòng chảy bồi bèo, rác thải.</li> <li>- 90% trang trại, gia trại còn ở xen lẫn khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.</li> </ul>
---	--

CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<p>Xã đang triển khai xây dựng lò đốt rác phân đầu cuối năm 2014 sẽ hoàn thành.</p> <p>Xã đã cơ bản đạt được 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.</p>	<p>- Thời tiết khí hậu khắc nghiệt, thiên tai, bão, lụt hàng năm ảnh hưởng đến đời sống sức khỏe của người dân.</p>
TỰ BẢO VỆ VÀ BẢO VỆ XÃ HỘI	
ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<p><b>Người dân và cộng đồng được đề cao ý bảo vệ tính mạng và tài sản khi có thiên tai:</b> Là 1 xã ven biển với 5,201 km đê biển, nhân dân thường xuyên tiếp cận với điều kiện sông nước và đánh bắt thủy hải sản nên có nhiều kinh nghiệm ứng phó với thiên tai. Người dân có ý thức tự giác, chủ động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Tỷ lệ người biết bơi khoảng 30%. Đảng ủy, Ủy ban xã, các ban ngành đoàn thể thường xuyên quan tâm đến công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (9/9 xóm đã thành lập đội tình nguyện viên ứng phó thiên tai từ xã đến các xóm với 360 thành viên tham gia. Mỗi đội có từ 40 người trở lên). Hàng năm xã có kế hoạch PCLB được phân công cụ thể và triển khai đến xóm, khu dân cư, theo phương châm 4 tại chỗ. Ban thông tin văn hóa đài truyền thanh xã thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh về cách phòng chống lụt bão trên loa. Ban chỉ huy phòng chống bão lụt của xã chi điểm thường trực tập trung gần nơi xung yếu nhất (khu vực chốt biên phòng ờn Tàu đến công Ba Nõn) - Doanh Châu I. Lực lượng tình nguyện viên và lực lượng thường trực chia thành 02 tổ. Tổ 1 gồm các xóm Hợp Thành, Nam Giang, Xuân Hà, Trần Phú, Đông Châu. Tổ 2 gồm Tây Cát, Hải Điền, Nam Châu, Trung Đông, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có thiên tai xảy ra. Xã tiến hành sơ tán dân theo 2 hình thức; Sơ tán tại chỗ từ nhà kiên cố không an toàn vào nhà kiên cố an toàn ( UBND xã, Trường học ) trong điều kiện bão nhỏ, và sơ tán ra khỏi vùng nguy hiểm về xã Hải Tân, Hải Hà, được lực lượng dân quân, công an, quân sự xã và các ban ngành đoàn thể hướng dẫn di dời bằng phương tiện xe ô tô và các phương tiện tự có của nhân dân. Lực lượng an ninh đảm bảo an toàn về con người và tài sản của nhân dân khi</p>	<p><b>Điều kiện tự bảo vệ của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng vẫn còn yếu kém:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện nay còn 240 m đê biển chưa được cứng hóa ở khu vực xóm Hợp Thành</li> <li>- BCH phòng chống lụt bão –TKCN của xã chưa có trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thiên tai; loa cầm tay, phao, áo phao, thuyền, cửa máy....</li> <li>- Hệ thống truyền thanh không dây của xã xuống cấp nghiêm trọng gặp nhiều khó khăn trong tuyên truyền, thông tin cảnh báo.</li> <li>- Đội tình nguyện ứng phó thiên tai thiếu kiến thức PNTH và chưa có trang thiết bị cứu hộ cứu nạn. Chưa có nhà tránh trú bão an toàn tại chỗ cho nhân dân trong khi đó người dân phải sơ tán xa từ 4-5 km. Trong khi đó đường cứu hộ nhỏ hẹp xuống cấp ( khu vực xóm Nam Châu – Hải Điền là 3km ).</li> <li>- Người dân nhà ở ven đê , nuôi trồng thủy hải sản ở nhà tam công coi ao đầm nguy cơ cao về tính mạng khi có thiên tai nhưng chưa có kiến thức phòng ngừa và ứng phó thiên tai an toàn.</li> </ul>

<p>có thiên tai.          Khi có thiên tai người dân đã chủ động chằng chống nhà cửa dự trữ lương thực và thực phẩm. 90% người dân có phương tiện nghe nhìn (Đài, ti vi...) 95% người dân chấp hành lệnh sơ tán khi có thiên tai bão lụt và luôn có tinh thần tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau trong thiên tai. Hàng năm UBND xã tổng kết rút kinh nghiệm và triển khai kế hoạch cho năm sau. Lực lượng công an thường xuyên tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn giao thông, xử lý nghiêm các vi phạm khi tham gia giao thông.</p>	
<b>CƠ HỘI</b>	<b>THÁCH THỨC</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã được Hội CTĐ Đan Mạch đầu tư 12 ha rừng ngập mặn và 15 ha phi lao chắn sóng để bảo vệ đê biển an toàn</li> <li>- Nhà nước đầu tư cứng hóa 6km đê biển</li> </ul>	<p>Do biến đổi khí hậu làm nước biển dâng, cường độ cơn bão mạnh mỗi năm một tăng. Bên cạnh đó cao trình đê thấp dễ gây nguy cơ tràn và vỡ đê trong mùa mưa bão.</p>
<b>TỔ CHỨC XÃ HỘI /CHÍNH QUYỀN</b>	
<b>ĐIỂM MẠNH</b>	<b>ĐIỂM YẾU</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảng bộ có 228 Đảng viên cơ cấu thành 14 chi bộ, BCH có 17 người, trong đó có 2 nữ . BTV 5 người, quy hoạch đội ngũ cán bộ có 3 độ tuổi, tuổi trẻ chiếm 40 %.</li> <li>- HĐND xã có 24 đại biểu, thường trực hội đồng có 1 chủ tịch và 1 phó chủ tịch.</li> <li>- UBND xã biên chế 5 người, lãnh đạo 3 người gồm 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch.</li> <li>- Có 22 chức danh hưởng lương đã đủ theo biên chế. Trong đó trình độ Thạc sỹ 1; Đại học 4; còn lại 17 chức danh trình độ Trung cấp. Xã Có trụ sở làm việc và trang thiết bị làm việc tạm đủ. Hàng năm xã xây dựng kế hoạch phòng chống lụt bão theo phương châm 4 tại chỗ, xây dựng quỹ an sinh xã hội. Cán bộ không chuyên trách từ xã đến xóm là 55 người.</li> <li>- Xã có chỉ đạo công tác quy hoạch dồn điền</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa bàn có chiều dài 5,201 km đê biển, do đó gặp khó khăn trong công tác quản lý nhân hộ khẩu, do cơ chế của nhà nước trong việc giao và sử dụng đất đai do đó gặp khó khăn trong công tác quản lý đất đai.</li> <li>- Nguồn thu ngân xã còn hạn chế dẫn đến nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng nhu cầu.</li> <li>- Trình độ công nghệ thông tin thấp , trang thiết bị thiếu. Cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ. Ban chỉ huy phòng chống lụt bão của địa phương còn thiếu phương tiện phòng chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn. - Cán bộ không chuyên trách phụ cấp quá thấp ( 0,65 % lương tối thiểu nên hiệu quả công tác không cao) dẫn đến cán bộ thiếu tâm huyết công việc.</li> </ul>

<p>đổi thửa, giảm bớt số thửa tên từng hộ tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất thâm canh.</p> <p>- Tình hình ninh trật tự luôn được ổn định đảm bảo không có diễn biến phức tạp xảy ra, nhân dân yên tâm tin tưởng nhất là những ngày lễ tết. Đồng thời thường xuyên tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người dân.</p> <p>- Các tổ chức Đoàn thể có chương trình giúp nhau xóa đói giảm nghèo: vay vốn trong Phụ nữ, nông dân; giúp vốn phát triển kinh tế gia đình, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi, mở thêm dịch vụ ngành nghề tạo việc làm tiêu thụ sản phẩm cho diêm dân, tạo điều kiện cải thiện đời sống, có dư tích lũy, mua sắm phương tiện đi lại tốt hơn, làm nhà ở an toàn hơn, góp phần giảm thiểu rủi ro thiên tai, thảm họa.</p>	
<b>CƠ HỘI</b>	<b>THÁCH THỨC</b>
<p>Là xã thuận lợi về tiềm năng phát triển kinh tế biển, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và phát triển du lịch.</p> <p>Xã đạt tiêu chí nông thôn mới và duy trì giữ được phong trào</p> <p>Đội ngũ cán bộ được mở rộng giao lưu học tập vận dụng vào thực tiễn tại địa phương</p>	<p>Do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý xã hội. Bên cạnh đó trình độ lao động thấp, tai nạn phát sinh.</p> <p>Là một xã ven biển, công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn gặp nhiều khó khăn.</p>

**PHỤ LỤC 3. HỒ SƠ LỊCH SỬ CỘNG ĐỒNG**

<b>Năm/ Tháng</b>	<b>Loại thiên tai</b>	<b>Đặc điểm và xu hướng thiên tai</b>	<b>Khu vực chịu thiệt hại</b>	<b>Thiệt hại cái gì</b>	<b>Tại sao (Nguyên nhân)</b>	<b>Đã làm gì để phòng chống thiên tai</b>
<b>Cụm 1 (Xóm Tây Cát, Hải Điền )</b>						
8 /1944	Bão, vỡ đê	Chết đói	Vỡ đê Xuân Hà Ngập lụt toàn xã	Chết người (Từ 1500- 2000 người; ngập lụt đổ nhà	Còn nhiều nhà tạm, đê yếu	Nhân dân tự sơ tán
7/1962	Bão C	Gió to kèm mưa lớn	Toàn xã	Có khoảng 100 nhà đổ, nhiều nhà tóc mái, diện tích lúa, hoa màu bị mất trắng.	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn	Người dân đi sơ tán
6/1969	Sét đánh		Khu nghĩa địa Tây Cát, Hải Điền	Cháy mất 3-4 sào lúa, đổ cột điện		Không có
6/1996	Bão to, Mưa lớn	Gió lớn gây ngập lụt	Toàn xã. Nặng nhất tại xóm Tây Cát, Hải Điền	40 nhà đổ, tóc mái	Nhà tạm còn nhiều	Huy động nhân dân phòng chống đê, mỗi gia đình đóng góp 10 cọc tre, bao cát.
7/2005	Bão to	Triều cường , sóng cao 7- 8m	Vỡ đê	Vỡ 100m đê Xuân Hà, Hợp thành. 80% nhà bị tóc mái	Đê chưa được kiên cố, nhà bán kiên cố còn nhiều.	Sơ tán dân vào nhà thờ. Chằng chống nhà cửa.
10/2012	Bão to	Gió mạnh, đường đi phức tạp	Xóm Tây Cát, Hải Điền	50% nhà bị tóc mái; đổ cột điện, đường bị ngập úng.	Còn nhiều nhà bán kiên cố	Sơ tán dân, chằng chống nhà cửa.
<b>Cụm 2 (Xóm Trung Đông, Nam Châu)</b>						
8/1944	Bão to	Vỡ đê, ngập lụt toàn xã	Toàn xã	Chết người Nhà trôi, nhà đổ nhiều Ngập toàn bộ đồng ruộng + Mất trắng diện tích, mùa màng	Nh à đơn sơ Gió lớn	Chưa có biện pháp
T7/1962	Bão C	Vỡ đê	Toàn xã	60% nhà bị đổ, mất trắng hoa màu, lúa	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn	Chằng chống nhà cửa
T 7/1967	Bão lớn mưa nhiều gây ngập lụt	Gió to kèm mưa lớn	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, tóc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn	Người dân đi sơ tán

8/1996	Bão lớn	Mưa nhiều	Toàn xã	13 nhà bị đổ, 90% nhà bị tốc mái, ruộng vườn hoa màu bị ngập	Tỷ lệ nhà chưa kiên cố còn cao	Sơ tán dân vào khu vực bên trong đường 21
9/2005	Bão lớn	Cấp gió mạnh hơn trước đây, nước biển dâng cao tràn qua đê	Vỡ đê . Đặc biệt khu xuân Hà, cửa công Nam Châu	70% nhà bị tốc mái nhiều. Diện tích lúa, màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng., ảnh hưởng đến thâm canh.	Sức gió quá mạnh, Đê chưa được kiên cố hóa, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp	Chủ động phòng chống bão.Sơ tán dân, chằng chống nhà cửa;Bảo vệ tài sản của nhân dân;
11/2012	Bão to	Gió cấp 14, ngày càng mạnh hơn, nước biển tràn qua đê.Thời điểm bão xuất hiện muộn so với những năm trước đây	Toàn xã	70% nhà cấp 4 bị tốc mái; 5% nhà bán kiên cố bị đổ; 10% diện tích lúa bị thiệt hại, hoa màu bị mất trắng	Nhà chưa kiên cố; Sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác, người dân chủ quan	Chằng chống nhà cửa; chằng chống nhà cửa; chủ động dự trữ lương thực, nước uống ( 2-3 ngày)
<b>Cụm 3 ( Xóm Đông Châu, Trần Phú )</b>						
8/1944	Bão Lớn	Gió mạnh, vỡ đê	Toàn xã	Chết người Nhà trôi, nhà đổ nhiều Ngập toàn bộ đồng ruộng + Mất trắng diện tích, mùa màng	Nhà cửa còn yếu,Các công trình không đảm bảo; không có thông tin; người dân không chủ động để ứng phó.	Chỉ là chằng chống đơn sơ không vững chắc
T7/1962	Bão C	Gió mạnh, mưa lớn, ngập lụt	Toàn xã	Đổ nhà cửa, thiệt hại cây trồng vật nuôi.	Nhà xây tạm bợ, các phương tiện thông tin không có, người dân bị động.	Chằng chống đơn giản, dựa theo kinh nghiệm dân gian.
T9/1971	Bão to	Gió mạnh, mưa lớn, úng lụt diện rộng	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, tốc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập, cây trồng, vật nuôi bị chết	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn; thiêu hệ thống tiêu nước	Sơ tán dân
T9/2005	Bão to vỡ đê			Nhà đổ, 90% tốc mái nhiều. 3 km	Sức gió quá mạnh, Đê	Sơ tán dân, chằng chống

				đê biển từ đầu đường Xuân Hà đến cửa cống Doanh Châu bị sạt lở , thiệt hại mùa màng, hoa, màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng,	chưa được kiên cố hóa, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp	nhà cửa;Bảo vệ tài sản của nhân dân; chuẩn bị vật tư ứng cứu.
T11/2012	Bão số 8	Gió mạnh	Toàn xã	Nhiều nhà tốc mái, thiệt hại mùa màng, hoa, màu, nuôi trồng thủy hải sản	Nhà bán kiên cố còn nhiều, Sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác, người dân chủ quan	Chằng chống nhà cửa; chằng chống nhà cửa; chủ động dự trữ lương thực, nước uống
<b>Cụm 4 ( Xóm Xuân Hà, Nam Giang, Hợp Thành)</b>						
9/1944	Bão, vỡ đê	Chết đói	Toàn xã	Chết người, trôi nhà cửa; ngập lụt diện rộng	Còn nhiều nhà tạm, đê yếu	Chằng chống nhà cửa, tư nhân dân sơ tán
8/1962	Bão C	Gió to, nước cao	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, tốc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn	Người dân đi sơ tán
7/1967	Bão lớn,	Gió to, mưa to, nước biển dâng	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, tốc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn	Chằng chống nhà cửa, Người dân đi sơ tán
T8/1971	Bão lớn	Gió mạnh, mưa lớn, úng lụt diện rộng	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, tốc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập, cây trồng, vật nuôi bị chết	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; thông tin chưa kịp thời	Sơ tán dân Chằng chống nhà cửa,
T8/1996	Bão lớn	Mưa nhiều	Toàn xã	13 nhà bị đổ, 90% nhà bị tốc mái, ruộng vườn hoa màu bị ngập	Tỷ lệ nhà chưa kiên cố còn cao	Sơ tán dân vào khu vực bên trong đường 21
T9/2005	Bão lớn	Cấp gió mạnh hơn trước > cấp 12	Vỡ đê Táo khoai ( 1 km) 2/3 xã bị ngập	Nhà đổ, tốc mái nhiều. Diện tích lúa, màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng diện tích SX muối bị hư hại, mất sản lượng	Sức gió quá mạnh, Đê chưa được kiên cố hóa, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp, nước không thoát được,	Sơ tán dân, chằng chống nhà cửa;Bảo vệ tài sản của nhân dân; chuẩn bị vật tư ứng cứu.
T9/2012	Bão to	Gió cấp 14,	Toàn xã	40% nhà cấp 4 bị	Nhà chưa kiên	Chằng chống



		ngày càng mạnh hơn		tốc mái; đổ cột phát sóng; đổ 500 cột điện; 20% diện tích lúa bị thiệt hại, hoa màu bị mất trắng	cô; Sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác.	nhà cửa
	Nhiễm mặn	Từ 2005 đến nay, năm nào cũng xảy ra	Xóm Xuân An, Cồn Tròn Đông, Tây	100% diện tích trồng màu, lúa tại 3 xóm bị nhiễm mặn-> giảm sản lượng	Mực nước biển dâng cao; Cao trình đê biển thấp	Cần phải xây mỏ kè, tôn cao đê biển

## PHỤ LỤC 5. LỊCH MÙA VỤ

### Cum 1:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm (lợn, gà, vịt...)												
Nuôi trồng thủy sản (cá trôi, trắm...)												
Đánh bắt thủy hải sản												
Làm ăn xa												
Cơ khí, thợ mộc												
Trồng màu (cà chua, rau, bí xanh, ngô...)												
Trồng cây cảnh, dược liệu												
Đan lưới												
Đan mỹ nghệ												
Làm may												
Kinh doanh, dịch vụ												
Lễ hội Phật giáo											Hội làng	
Lễ hội Công giáo		Lễ Kính			Lễ tháng hoa							Noen
Bão												
Giông sét												

### Cum 2:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Làm muối												
Trồng màu												
Đánh bắt thủy hải sản												

Trồng cây cảnh												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, ...)												
Thợ xây, thợ mộc												
Thợ may												
Dịch vụ, thương mại												
Bão												
Ngập úng												
Nhiễm mặn												
Sương muối												
Dịch bệnh vật nuôi												
Dịch bệnh nuôi trồng thủy sản												

**Cụm 3:**

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Trồng màu (rau, cà chua, bí xanh...)												
Chăn nuôi (gà, lợn, vịt)												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, ...)												
Kinh doanh, dịch vụ												
Trồng cây cảnh												
Lễ hội Phật giáo												
Lễ hội Công giáo												
Bão												
Lụt												
Lốc xoáy												
Rét đậm, rét hại												

**Cum 4:**

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Làm muối												
Đánh bắt hải sản												
Làm thuê, thợ xây												
Trồng cây cảnh												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, cua...)												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Lễ hội				Phật đản								noen
Bão												
Ngập úng												
Giông sét												
Rét đậm												
Ô nhiễm môi trường												

**Toàn xã:**

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Làm muối												
Trồng màu (Rau, bí xanh, ngô...)												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, ...)												
Đánh bắt hải sản												
Đi làm ăn xa (làm thuê)												
Trồng cây cảnh, dược liệu												

Thợ xây, thợ mộc												
Nghề đan mỹ nghệ, thợ may												
Kinh doanh, dịch vụ												
Lễ hội Phật giáo		Lễ Đền Trần		Lễ Phật đản							Hội làng	
Lễ hội Công giáo		Lễ Kính			Lễ tháng hoa						Tuần trâu	Noen
Bão												
Ngập úng (lụt)												
Nhiễm mặn												
Sương muối												
Giông sét												
Lốc xoáy												
Rét đậm, rét hại												
Dịch bệnh ở vật nuôi												
Dịch bệnh ở cây trồng												
Ô nhiễm môi trường												
Ô nhiễm nguồn nước												

## PHỤ LỤC 6. PHÂN TÍCH SINH KẾ

### Cụm 1:

Các loại hình sinh kế	Ai làm	Số người làm	Thu nhập ngày/tháng/năm	Chính quyền có hỗ trợ gì không	Các mối nguy hiểm rủi ro	Thiệt hại, mất mát, tổn thương	Các biện pháp đã áp dụng để giảm rủi ro	Các biện pháp áp dụng thay thế khả thi
Trồng lúa	Nam, nữ	85% (450 hộ)	Vụ chiêm: 2 tạ/sào Vụ mùa: 1,5 tạ/sào	Hỗ trợ về kỹ thuật	Bão, ngập úng, nhiễm mặn, dịch bệnh, chuột, ốc bươu vàng	Mất mùa, giảm năng suất	- Phun thuốc trừ sâu bệnh - Diệt chuột, diệt ốc bươu vàng	- Thu mua đuôi chuột, ốc bươu vàng - Chọn giống lúa phù hợp, năng suất cao
Trồng màu	Nam, nữ	35% (180 hộ)	3 – 4 triệu đồng/năm	- Hỗ trợ 320kg hạt rau giống	Bão, ngập lụt, dịch bệnh	Năng suất thấp, thu nhập kém	- Phun thuốc trừ sâu bệnh - Cải tạo đất	Chọn giống cây trồng đạt năng suất cao
Chăn nuôi	Nữ	50% (250 hộ)	1 triệu đồng/năm	Tiêm vacxin	Ngập lụt, dịch bệnh, giá cả bấp bênh	- Chết vật nuôi - Giảm năng suất	- Tiêm phòng dịch bệnh - Vệ sinh chuồng trại thường xuyên - Rác vôi khử trùng	- Áp dụng khoa học kỹ thuật - Chọn giống vật nuôi đảm bảo sức khỏe, đạt năng suất cao

Nuôi thủy sản nước ngọt	Nam	30% (150 hộ)	1triệu/hộ/năm		- Ngập lụt, dịch bệnh, ô nhiễm nguồn nước	Mất năng suất	Vệ sinh ao đầm, thay nguồn nước nuôi trồng thường xuyên	- Nuôi giống tốt đạt chất lượng cao (cá công nghiệp) - áp dụng khoa học kỹ thuật
Trồng cây cảnh	Nam	70% (350 hộ)	Không bán được	Kỹ thuật	Không có thị trường tiêu thụ	Mất vốn	Không đầu tư nữa	Chuyển đổi sang trồng màu và dược liệu
Đánh bắt thủy hải sản	Nam	10 hộ	5triệu/tháng/hộ	Hỗ trợ dẫu, kỹ thuật	Mưa bão, triều cường	Mất ngư cụ, thiệt hại về người (3 người chết)	- Theo dõi, nắm bắt thông tin thời tiết - Trang bị một số thiết bị cần thiết	- Nâng cấp các phương tiện đi đánh bắt - Trang bị áo phao, phao cứu sinh
Đi làm ăn xa	Nam, nữ	40% (250 hộ)	4triệu/người/tháng		Tai nạn giao thông, tai nạn lao động	Thiệt hại tính mạng, suy giảm sức khỏe	- ý thức khi tham gia giao thông - Cẩn thận khi làm việc	- Có bảo hộ lao động - Chấp hành luật an toàn giao thông
Làm may	Nữ	50 người	2,5triệu/người/tháng		Công việc không ổn định	Thu nhập thấp		Tạo việc làm cho người lao động tăng thêm thu nhập
Đan bèo xuất khẩu	Nữ	100 hộ	1,5triệu/người/tháng		Đầu ra khó khăn, giá thành thấp	Thu nhập thấp, không ổn định		Liên hệ mở rộng thị trường bên ngoài

Đan lưới rào gà	Nữ	5 hộ	200.000/người/tháng		Gía thành thấp	Thu nhập thấp		
Thợ mộc, thợ cơ khí	Nam	35 người	3triệu/người/tháng		Điện giật, tai nạn lao động	ảnh hưởng đến sức khỏe, mất tay	Chú ý cẩn thận khi làm việc	- Trang bị bảo hộ lao động
Kinh doanh, dịch vụ	Nam, nữ	60 hộ	4triệu/tháng/hộ		Thiếu nợ, ít người mua	Mất vốn		

**Cum 2:**

Các loại hình sinh kế	Ai làm	Số người làm	Thu nhập ngày/tháng/năm	Chính quyền có hỗ trợ gì không	Các mối nguy hiểm rủi ro	Thiệt hại, mất mát, tổn thương	Các biện pháp đã áp dụng để giảm rủi ro	Các biện pháp áp dụng thay thế khả thi
Trồng lúa	Nam, nữ	100% số hộ	500 – 600 nghìn/sào/năm/2 vụ	Hỗ trợ 900 đồng/sào	Sâu bệnh, thiên tai	Mất mùa, giảm năng suất	- Phòng trừ sâu bệnh	- áp dụng giống lúa mới chịu mặn, chống sâu bệnh
Chăn nuôi	Nam, nữ (90%)	80% hộ	8triệu đồng/năm/hộ	Tiêm phòng, hướng dẫn kỹ thuật	Ô nhiễm nguồn nước, dịch bệnh,	- Chết vật nuôi - Thiệt hại kinh tế	- Tiêm phòng dịch bệnh - Vệ sinh	- Quy hoạch các trang trại, gia



					giá cả thức ăn đầu vào cao, giá bán đầu ra thấp		chuồng trại thường xuyên - Xây bể biôga	trại xa khu dân cư
Nuôi trồng thủy sản	Nam (70), nữ	70% số hộ	2triệu/hộ/năm	Được hỗ trợ kỹ thuật	- Bảo vệ ao đầm, dịch bệnh, ô nhiễm nguồn nước	Vỡ bờ ao đầm, giảm sản lượng	Đắp, củng cố bờ ao đầm, sử lý thay nước vãi vôi	- Lựa chọn con giống phù hợp ít bị nhiễm bệnh
Đánh bắt thủy hải sản	Nam 100%	15% số hộ	5triệu/năm/hộ	Hỗ trợ đầu, vay vốn	Mưa bão, thiên	Chìm tàu, mất ngư cụ, thiệt hại về người	- Trang bị bảo hộ	
Đi làm ăn xa	Nam (80%), nữ	30% số người	3-4triệu/người/tháng		Tai nạn ngã ráo	Thiệt hại tính mạng, suy giảm sức khỏe	- Trang bị bảo hộ lao động	
Thợ mộc, thợ xây	Nam (80%), nữ	20% số người	3triệu/người/tháng		Gây thương tích	ảnh hưởng đến sức khỏe	Mua bảo hiểm y tế	
Tiểu thủ công nghiệp	nữ 100%	10% số người	2triệu/tháng/người					
Thương mại, dịch vụ	Nam, nữ	30 hộ	2triệu/hộ/tháng	Cho vay vốn	Nợ đọng	Thiệt hại kinh tế		

**Cum 3:**

Các loại hình sinh kế	Ai làm	Số người làm	Thu nhập ngày/tháng/năm	Chính quyền có hỗ trợ gì không	Các mối nguy hiểm rủi ro	Thiệt hại, mất mát, tổn thương	Các biện pháp đã áp dụng để giảm rủi ro	Các biện pháp áp dụng thay thế khả thi
Trồng lúa	Nam, nữ	95% số hộ	Vụ chiêm: 2 tạ/sào Vụ mùa: 1,5 tạ/sào	- Hỗ trợ về khoa học kỹ thuật - 900đ/sào	Sâu bệnh, thiên tai, vật tư giá cả không đảm bảo, hạn hán	Mất mùa, giảm năng suất	- Phun thuốc trừ sâu bệnh - Tập huấn nâng cao kiến thức	- Chuyển đổi sang làm VAC
Trồng màu	Nam, nữ	50% số hộ	3 – 4 triệu đồng/năm	- Hỗ trợ 320kg hạt rau giống - Kỹ thuật	Bão, ngập lụt, sâu bệnh, tiêu thụ khó khăn	Năng suất thấp, mất trắng	- Tập huấn nâng cao kỹ thuật	Chọn giống cây trồng đạt năng suất cao, phù hợp với địa phương
Chăn nuôi (lợn, gà, vịt...)	Nam, nữ	60% số hộ (có 6 hộ gia trại từ 300 – 400 con)	10 triệu đồng/năm/hộ	- Tiêm vacxin - Vay vốn - Tập huấn kỹ thuật	Ngập lụt, dịch bệnh, giá cả bấp bênh, giá cả	- Chết vật nuôi - Giảm năng suất	- Tiêm phòng dịch bệnh - Vệ sinh chuồng trại	- Áp dụng khoa học kỹ thuật - Chọn giống vật nuôi

				- Cấp phát 40 lít khử trùng cho các trang trại, gia trại	bấp bệnh		thường xuyên - Rắc vôi khử trùng	đảm bảo sức khỏe, đạt năng suất cao
Nuôi trồng thủy sản	Nam	50% số hộ	20triệu/sào/năm	- Tập huấn khoa học kỹ thuật, cho vay vốn	- Ngập lụt, dịch bệnh, ô nhiễm nguồn nước, vỡ đê	Chết con giống, mất trắng	Vệ sinh ao đầm, thay nguồn nước nuôi trồng thường xuyên, rắc vôi khử trùng	- Nuôi giống tốt đạt chất lượng cao (cá công nghiệp) - áp dụng khoa học kỹ thuật
Đi làm ăn xa	Nam, nữ	10% số người	4triệu/người/tháng		Tai nạn giao thông, tai nạn lao động, tệ nạn xã hội	Thiệt hại tính mạng, suy giảm sức khỏe, gãy chân tay	- ý thức khi tham gia giao thông - Cảnh thận khi làm việc - Mua bảo hiểm y tế	- Có bảo hộ lao động - Chấp hành luật an toàn giao thông
Đan bèo xuất khẩu	Nữ	2% số người	800 nghìn/người/tháng		Công việc không ổn định	Sản phẩm không đủ tiêu chuẩn, thu nhập thấp, không	Có kinh nghiệm	Liên hệ mở rộng thị trường bên ngoài

						ổn định		
Kinh doanh, dịch vụ	Nam, nữ	60 hộ	4triệu/tháng/hộ		Thiếu nợ, ít người mua, nợ đọng, hàng hết hạn	Mất vốn		

**Cum 4:**

Các loại hình sinh kế	Ai làm	Số người làm	Thu nhập ngày/tháng/năm	Chính quyền có hỗ trợ gì không	Các môi nguy hiểm rủi ro	Thiệt hại, mất mát, tổn thương	Các biện pháp đã áp dụng để giảm rủi ro	Các biện pháp áp dụng thay thế khả thi
Trồng lúa	Nam, nữ (80%)	70% số hộ	500 nghìn/sào/năm/2 vụ	- Hỗ trợ 900 đồng/sào - Hỗ trợ kỹ thuật	Sâu bệnh, thiên tai, dịch chuột, ốc bươu vàng	Mất mùa, giảm năng suất, giảm thu nhập	- Phòng trừ sâu bệnh, diệt chuột, bắt ốc bươu vàng	- Thay thế giống phù hợp với chất và sâu bệnh
Trồng màu (rau)	Nam, nữ (70%)	100% số hộ	1,5 – 2 triệu/hộ/năm	- Hỗ trợ hạt giống và kỹ thuật	Sâu bệnh, thiên tai, ngập úng	Mất trắng, không có thu nhập	Trồng đúng thời vụ, đúng kỹ thuật	Trồng giống cây phù hợp, năng suất cao
Làm muối	Nam, nữ (50%)	80% số hộ	3triệu/sào/năm	- Hỗ trợ vốn sản xuất muối sạch	- thời tiết không ổn định - Giá	Giảm năng suất	Xây dựng hệ thống kho	Nhà nước hỗ trợ bao tiêu sản phẩm

					thấp		chứa bảo quản muối	
Chăn nuôi	Nam, nữ (70%)	60% số hộ	5triệu đồng/năm/hộ	Tiêm phòng, hướng dẫn kỹ thuật, vay vốn	Ô nhiễm môi trường, dịch bệnh	- Giảm thu nhập  - ảnh hưởng đến sức khỏe	- Tiêm phòng dịch bệnh  - Vệ sinh chuồng trại thường xuyên	- Quy hoạch các trang trại, gia trại xa khu dân cư  - Xây hầm biôga
Nuôi trồng thủy sản	Nam, nữ (20%)	15% số hộ	20triệu/hộ/năm	- Tập huấn kỹ thuật  - Điện sản xuất	- thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm nguồn nước	Vỡ bờ ao đầm, giảm sản lượng	Đắp, củng cố bờ ao đầm, sử lý thay nước vãi vôi	- Quy hoạch riêng nuôi trồng thủy sản
Đánh bắt thủy hải sản	Nam 100%	20% số hộ	15triệu/năm/hộ	Hỗ trợ dầu, vay vốn	Mua bảo, thiên tai	Chìm tàu, mất ngư cụ, thiệt hại về người	- Theo dõi thời tiết, chia sẻ thông tin cho nhau	- Đóng tàu thuyền đảm bảo chất lượng
Đi làm ăn xa	Nam, nữ (50%)	30% số người	3 – 3,5 triệu/người/tháng		Tai nạn ngã ráo, sợ mất việc làm, tai nạn giao thông	Thiệt hại tính mạng, suy giảm sức khỏe, bị mất thu nhập do không được trả công	- Tìm công việc khác ổn định hơn	
Thợ	Nam	20%	30 – 40	Hỗ trợ	Điện	ảnh	- Mua	

mộc	(70%), nữ	số hộ	triệu/hộ/năm	vay vốn	giặt	hưởng đến sức khỏe	bảo hiểm y tế  - Kiểm tra an toàn trước khi lao động	
Cây cảnh	Nam, nữ (30%)	80% số hộ	25 - 100 triệu đồng/hộ/năm	Hướng dẫn kỹ thuật, thành lập hộ sinh vật cảnh	Không có thị trường tiêu thụ	Thu nhập thấp và không có thu nhập	Tìm kiếm thị trường tiêu thụ	Chuyên diện tích trồng cây cảnh sang trồng hoa và cây dược liệu
Thương mại, dịch vụ	Nam, nữ	20% số hộ	20triệu/hộ/năm	Cho vay vốn, tạo thị trường tiêu thụ	Nợ động, hàng hết hạn	Mất vốn, thiệt hại kinh tế	Kinh doanh hàng hoá chất lượng, bảo quản tốt	Mở rộng thị trường, đa dạng các loại mặt hàng

**PHỤ LỤC 7. BẢNG PHÂN TÍCH HIỂM HỌA TỰ NHIÊN, BIẾN ĐỔI KHÍ**

<b>Hiểm họa, hiện tượng thời tiết cực đoan</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Mức độ tác động</b>	<b>Khi nào thường xảy ra</b>	<b>Diễn ra trong bao lâu</b>	<b>Dấu hiệu cảnh báo</b>	<b>Khu vực bị ảnh hưởng</b>
<b>Cụm 1 (xóm Tây Cát; Hải Điền)</b>						
Bão	Cao	Nghiêm trọng ( đổ nhà, tốc mái)	Tháng 7 - 10	12 đến 24giờ	Đài, ti vi, truyền thanh, kinh nghiệm dân gian : Con mưa, cơn gió	Toàn xã
Giông sét	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 4-7	5-10 phút	Mưa to, gió lớn	
<b>Cụm 2 (xóm Trung Đông; Nam Châu)</b>						
Bão	Cao	Rất nghiêm trọng	Tháng 6-11	18 giờ	Gió may nhiều, lúc mưa, lúc nắng	Toàn xã
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 5-11	6 tháng		Nam Châu; Đông Châu; Trung Đông; Trần Phú
Ngập úng	Trung bình	Nghiêm trọng	Tháng 6-11	3-5 ngày	Mưa nhiều nước triều cường dâng cao.	Toàn xã
Lốc xoáy	Thấp	Ít nghiêm trọng	Tháng 6-8	3-5 phút	Khó phát hiện	Xóm
Sương mù mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 1-4	4 tháng	Sương dày đặc Độ ẩm cao	Toàn xã.
Dịch bệnh trên cây lúa	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 1-12	3 tháng	Dự báo của TT khuyến nông	Toàn xã
Ô nhiễm môi trường, nguồn nước	Trung B	Ít nghiêm trọng	Tháng 6-11	5 tháng		
Dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 4-9	6 tháng	Tôm cá bỏ ăn, nổi trên mặt nước	Toàn xã
<b>Cụm 3 (xóm Đông Châu; Trần Phú)</b>						
Bão	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 7-10	Từ 1-2 ngày	Ti vi, đài báo TŨ và địa phương; kinh nghiệm dân gian.Gió may	Toàn xã
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 9-10	từ 15-20 ngày	Triều cường	
Giông sét	Thấp	Nghiêm trọng	Tháng 7-10	Từ 1-2 phút	Sấm chớp, mây u ám	
Sương	Trung	Ít nghiêm trọng	Tháng 1-3	3 tháng	Nắng, mưa	

muối	bình	trọng			nhiều, độ ẩm cao.	
Ô nhiễm tại các sông	Cao	Ít nghiêm trọng	Tháng 7-10	3 tháng		
<b>Cụm 4 ( xóm Xuân Hà; Nam Giang; Hợp Thành)</b>						
Bão	Cao	Rất nghiêm trọng	Tháng 7-10	2-3 ngày	Gió tây Nam và gió may, lộng xuống bùn ao thấy nóng	
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 7-10	3 tháng	Mưa nhiều ngập úng	
Rét đậm	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 11- 12	5-7 ngày	Váng nước đen	
Ngập úng	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 6-9	3-4 ngày	Mưa nhiều, mưa to	
Sương muối	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 1- 3	5-7 ngày/ đợt	Độ ẩm cao, nước biển bốc hơi	
Lốc xoáy	Thấp	Ít nghiêm trọng	Tháng 5-6	5-10 phút	Cơn giông, mưa	



**PHỤ LỤC 8. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI VẤN ĐỀ VÀ BIỆN PHÁP GIẢM NGHE RỦI RO**

T T	Vấn đề	Các yếu tố làm tăng rủi ro	Cách khắc phục	Sáng kiến/ hoạt động cụ thể	Kế hoạch thực hiện		
					Ai sẽ làm	Mức độ cấp thiết	Các nguồn lực
1.	<b>Người dân lo lắng thiệt hại tính mạng và tài sản do thiên tai bão lụt</b>	Trường học xuống cấp không an toàn	Nâng cấp trường học an toàn	Khảo sát , thiết kế dự toán, kêu gọi nguồn kinh phí xây dựng	Chính quyền, Cơ quan chức năng	Dài hạn	Nhà nước, nhà tài trợ
		240 m đê chưa được cứng hóa, mặt đê thấp, còn xuống cấp, 8/10 đoạn đê chưa có mỏ kè	Kiên cố đoạn đê đất, nâng mặt đê, gia cố hóa đoạn đê xuống cấp; bỏ mỏ kè 8/10 đoạn đê	Khảo sát thiết kế, kêu gọi nguồn kinh phí để làm	Chính quyền, cơ quan chức năng	Dài hạn	Nhà nước, nhà tài trợ
		Rừng phòng hộ bị biến xâm lấn và con người chặt phá.	Bảo vệ rừng	- Chống sạt lở mất rừng. - Nâng cao nhận thức người dân về lợi ích rừng để tự giác bảo vệ rừng. - Có chế tài xử lý đối với những người chặt phá rừng - Thường xuyên trồng bổ sung cây rừng và có cơ chế bảo vệ rừng.	- Chính quyền, các ngành liên quan - Chính quyền, các ngành liên quan	- Dài hạn  - Dài hạn	-Nhà Nước  -Nhà nước, dự án
		Nhà bán kiến có xuống cấp, thiếu an toàn	Sửa chữa nâng cấp nhà an toàn trước thiên tai.	- Điều tra khảo sát xác định số nhà bán kiến có xuống cấp, thiếu an toàn. - Vận động nhân dân đầu tư nâng cấp nhà an toàn	- Chính quyền, các ngành liên quan  - Chính quyền, các	Ngắn hạn  Dài hạn  Dài hạn	- Ngân sách, nhà tài trợ

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ hộ nghèo và cận nghèo vay vốn, giúp vốn có điều kiện sửa chữa nâng cấp nhà ở an toàn trước thiên tai.</li> <li>- Xây dựng mô hình nhà chịu đựng thiên tai</li> </ul>	ngành liên quan  - Chính quyền, Mặt trận, Hội Đoàn thể  - Chính quyền, Đoàn thể	Ngắn hạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án, nhà tài trợ, N.H CSXH, tín dụng.</li> <li>Dự án , nhà tài trợ</li> </ul>
	Thiếu các phương tiện ứng phó (Phao, áo phao, loa)	Đầu tư mua sắm và trang bị phương tiện ứng phó.	Xin đầu tư từ các chương trình DA	Chính quyền, Đoàn thể		Làm ngay	Dự án , nhà tài trợ
	Bãi biển Xuân Hà tắm tự do chưa có quản lý	Quản lý bãi tắm Xuân Hà	Qui hoạch, xin phép thành lập quản lý	Chính quyền			
	Chưa có nơi tránh trú bão an toàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Xây dựng nhà cộng đồng</li> <li>- Nâng cấp trường học gắn điem tránh trú</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Khảo sát, thiết kế,</li> <li>lập dự toán ,</li> <li>kêu gọi kinh phí</li> </ul>	Chính quyền, Người dân		Lâu dài	Nhà nước, người dân
	3,6 km đường liên xóm Nam Giang, Hải Điền, Nam Châu xuống cấp gây khó khăn cho việc cứu hộ cứu nạn	Nâng cấp và mở rộng, 6 km đường liên xóm Nam Giang, Hải Điền, Nam Châu	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Khảo sát, thiết kế,</li> <li>lập dự toán ,</li> <li>kêu gọi kinh phí</li> </ul>	Chính quyền, Người dân		Lâu dài	Nhà nước, người dân

		Nhà truyền thanh, hệ thống truyền thanh, xuống cấp, thiếu cụm loa nên gặp khó khăn cho việc thông tin về thiên tai nhất là khi mất điện, chưa có bảng tin, biển báo vùng nguy cơ	-Nâng cấp nhà truyền thanh. -Nâng cấp hệ thống truyền thanh. -Thêm cụm loa truyền thanh. -Cung cấp trang thiết bị như loa cầm tay, âm thanh lưu động khi mất điện thông tin được -lắp đặt bảng tin, biển báo vùng nguy cơ	- Khảo sát thiết kế, tiềm nguồn kinh phí nâng cấp nhà truyền thanh. - Khảo sát thiết kế, tiềm nguồn kinh phí nâng cấp hệ thống truyền thanh, lắp thêm cụm loa. - Khảo sát thiết kế, tiềm nguồn kinh phí lắp đặt bảng tin, biển báo vùng nguy cơ cao.	Chính quyền, Ngành chức năng	Lâu dài	Nhà nước, nhà tài trợ
2.	<b>Thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống người dân</b>	Ô nhiễm nguồn nước do thiếu qui hoạch nuôi trồng sứa sản xen kẽ với làm muối, chưa có hệ thống thủy lợi riêng	-Sử lý nguồn nước bị ô nhiễm - Qui hoạch nuôi trồng thủy hải sản và làm muối riêng. - có hệ thống thủy lợi nước ra, vào, ao đầm riêng biệt, không chung với hệ thống cung cấp nước làm muối.	-Thau nước, vãi vôi, khử tạp, phơi đầm - Khảo sát đề xuất qui hoạch khu vực nuôi trồng thủy hải sản - Khảo sát, thiết kế dự toán, kêu gọi kinh phí làm hệ thống thủy lợi cho nuôi trồng thủy hải sản	Chính quyền Ngành chức năng	Dài hạn	Nhà nước, Nhà tài trợ, nhân dân
		Dịch bệnh trên tôm cua cá phát sinh thường xuyên	Phòng chống dịch	Vãi thuốc, thay nước, Lắp quạt gió đảo nước để tạo oxy	- Chính quyền, - - Hộ nuôi trồng	Thường xuyên	Chính quyền, Hộ nuôi trồng
		Con giống không đảm bảo chất lượng do chưa có nơi	Lựa chọn con giống tốt	- Khuyến khích mở các cơ sở sản xuất giống tại địa phương. - Tìm các cơ sở	- Chính quyền, - - Hộ nuôi trồng	Vào mùa vụ	Chính quyền, Hộ nuôi trồng

		cung cấp giống đạt tiêu chuẩn.		có uy tín, thương hiệu để mua giống chất lượng cao.			
		Kiến thức nuôi trồng bị hạn chế do ít được tập huấn và ít được học tập chia sẻ kinh nghiệm.	Cung cấp kiến thức nuôi trồng	- Khảo sát nhu cầu, lập kế hoạch tìm nguồn kinh phí để tổ chức tập huấn.  - Tổ chức tham quan học tập mô hình, chia sẻ kinh nghiệm.	-Trung tâm học tập cộng đồng và các hộ nuôi trồng.  - Trung tâm học tập cộng đồng và các hộ nuôi trồng.	-Thường xuyên  Thường xuyên	Nhà nước và người dân  Nhà nước và người dân
		Bờ ao, đầm thiếu kiên cố	Nâng cấp kiên cố bờ ao đầm cao chống chịu được.	- Đầu tư vốn để làm - Có chính sách cho hộ nuôi trồng thủy sản vay vốn lãi suất thấp	Hộ nuôi trồng  Nhà Nước	Ngắn hạn  Ngắn hạn	Các hộ nuôi trồng  Nhà nước
3.	<b>Người dân lo lắng thiết hại chăn nuôi ảnh hưởng thu nhập đời sống</b>	Giá vật tư trong chăn nuôi cao  Dịch bệnh phát sinh ở gia súc gia cầm do:  + Con giống không đảm bảo  + Chưa tiêm phòng đủ và kịp thời cho gia súc, gia cầm.  + Chuồng trại chưa đảm bảo vệ sinh và không phù hợp với từng mùa  + Vật nuôi bị ngập, chết,	Giảm giá thành vật tư trong chăn nuôi.  Chọn giống tốt, khỏe  Tiêm phòng và chữa bệnh kịp thời cho gia súc gia cầm.  Thường xuyên vệ sinh chuồng trại; làm chuồng trại phù hợp	Kiến nghị nhà nước quản lý chặt chẽ giá cả vật tư chăn nuôi; người dân tự chế tạo thức ăn tự nhiên.  Chọn mua con giống rõ nguồn gốc và không mắc bệnh.  Nâng cao kiến thức về chăn nuôi cho người dân.  Dùng vôi khử trùng chuồng trại, cọ rửa thường xuyên Che chắn chuồng trại vào mùa	Chính quyền  Người dân  Người dân  Người dân	Lâu dài  Thường xuyên  Thường xuyên  Thường xuyên	Nhà nước  Người dân  Người dân  Người dân

		trôi do chuồng trại thấp.	với khí hậu	đông, thoáng mát vào mùa hè. Xây chuồng trại nền cao; kê cao, sơ tán vật nuôi khi bị ngập nước	Người dân		Người dân
4.	<b>Nghề làm muối thu nhập thấp ảnh hưởng đến đời sống người dân</b>	<p>- Giá muối thấp do : Muối ở nơi khác nhập về, dịch vụ bao tiêu không thường xuyên,</p> <p>-Thiếu vốn đầu tư , dự trữ vật tư, thiết bị phục vụ cho SX muối.</p> <p>- Giá vật tư, vật liệu phục vụ cho sản xuất muối cao</p> <p>-Thiếu trang thiết bị làm muối sạch</p> <p>- Nguồn nước mặn làm muối bị ô nhiễm</p>	<p>Duy trì sản xuất, đảm bảo sản lượng muối để cung cấp cho cơ sở thu mua.</p> <p>Tăng cường vốn đầu tư dự trữ vật tư , thiết bị SX muối.</p> <p>-Điều chỉnh vật tư, vật liệu sản xuất muối vừa phải.</p> <p>-Đầu tư trang thiết bị làm muối sạch</p> <p>Quy hoạch đất làm muối và nuôi trồng thủy hải sản riêng biệt; không để nước thải nuôi trồng ra nước làm</p>	<p>Thực hiện giao kết hợp đồng, bao tiêu sản phẩm. Có chính sách trợ giá muối</p> <p>Người dân được hướng dẫn, mạnh dạn vay vốn Tăng cường các nguồn vốn với lãi suất thấp cho người làm muối.</p> <p>-Đề nghị Nhà nước, các cơ quan chức năng</p> <p>Đề nghị nhà nước có chương trình đầu tư trang thiết bị làm muối sạch.</p> <p>Khảo sát đề nghị cho phép Quy hoạch nuôi trồng và làm muối, có hệ thống nước thải từ nuôi trồng thủy sản, không để nước thải ô nhiễm nước sản xuất muối.</p>	<p>Người dân &amp; cơ sở dịch vụ thu mua muối</p> <p>Nhà nước</p> <p>Chính quyền, đoàn thể</p> <p>Chính quyền, đoàn thể</p> <p>Chính quyền, đoàn thể</p> <p>Chính quyền, đoàn thể</p> <p>Chính quyền</p> <p>Chính quyền</p>	<p>Ngắn hạn</p> <p>Ngắn hạn</p> <p>Ngắn hạn</p> <p>Ngắn hạn</p> <p>Ngắn hạn</p> <p>Ngắn hạn</p>	<p>Nhà nước, người dân</p> <p>Nhà nước, người dân</p> <p>Nhà nước, người dân</p> <p>Nhà nước, người dân</p> <p>Nhà nước, người dân</p> <p>Nhà nước, người dân</p> <p>Nhà nước, người dân</p>

			muối..				
5	<b>Ngư dân lo lắng đánh bắt hải sản giảm thu nhập, thiếu bền vững</b>	- Chưa có phương tiện và kiến thức đánh bắt xa bờ  - Tuyệt chủng loài thủy hải sản	- Cần có phương tiện đánh bắt tàu thuyền xa bờ công suất lớn - Tập huấn kỹ thuật, đánh bắt xa bờ  -Bảo vệ nguồn lợi hải sản	- Hỗ trợ vay vốn để mua phương tiện đánh bắt xa bờ  - Tìm nguồn kinh phí để tổ chức tập huấn  -Nâng cao nhận thức người dân có ý thức bảo vệ - Nghiêm cấm xung điện, dung lưới nhỏ đánh bắt hải sản	Chính quyền, người dân   Chính quyền, Đoàn thể, cơ quan chức năng	Dài hạn  Trung hạn  Ngắn hạn	Nhà nước, người dân  Nhà nước, chính quyền  Chính quyền, Đoàn thể, nhà tài trợ
6	<b>Nguồn nước sinh hoạt chưa đảm bảo và vấn đề Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người</b>	-Chất lượng nước chưa đảm bảo do + Không có bể lọc. +Chất lượng nước giếng khoan còn nhiều tạp chất :  Ô nhiễm môi trường do nước thải, chất thải trong chăn nuôi, nước thải sinh hoạt chưa được xử lý.	-Làm bể lọc   Xử lý nước thải, chất thải trong chăn nuôi, nước thải sinh hoạt hợp vệ sinh.	-Hướng dẫn người dân tự làm; - Hỗ trợ hộ nghèo và cận nghèo làm; - Hỗ trợ mô hình lọc nước hộ gia đình, cộng đồng và trường học để dân làm theo  - Hướng dẫn và hỗ trợ người dân xây hầm Bi ô ga; làm hố ga. - Quy hoạch trang trại, gia trại chăn nuôi xa khu dân cư. -Có chính sách khuyến khích đầu tư chăn nuôi trang trại xa khu dân cư. - Có quy chế về trang trại, gia t	Chính quyền, người dân  Chính quyền, người dân  Người dân  Chính quyền, cơ quan chức năng.  Chính quyền	- Ngắn hạn  - Dài hạn  - Dài hạn	Nhà nước, người dân  Nhà nước, Nhà tài trợ  - Người dân, nhà tài trợ  - Nhà nước  - Nhà nước

		Hệ thống kênh mương, cống thoát nước bị tắc nghẽn	Nạo vét khơi thông dòng chảy Nâng cấp cải tạo hệ thống thoát nước	Vớt bèo, rác tại các kênh mương . tuyên truyền, vận động người dân tham gia đóng góp vật tư, kinh phí để xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước tại khu dân cư	Chính quyền , Người dân	Dài hạn	- Nhà nước, người dân Nhà tài trợ
--	--	---	--	--	----------------------------	---------	---

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

**Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam**

Được tài trợ bởi USAID, thực hiện bởi Tổ chức Winrock International phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổ chức phát triển Hà Lan SNV, Hội chữ thập đỏ Mỹ, Hội chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm phát triển nông thôn bền vững.

Địa chỉ: Nhà D, Khách sạn Công đoàn Quảng Bá, 98 Tô Ngọc Vân, Tây Hồ, Hà Nội.

Tel: (84-4) 3 718 2127 | Fax: (84-4) 3 718 2075

Email: [vfd.info@winrock.org](mailto:vfd.info@winrock.org)